

DỊCH THUẬT SMS

[Dịch thuật tiếng Anh](#) | [Dịch thuật tiếng Hoa](#) | [Dịch thuật tiếng Nhật](#)
[Dịch thuật tiếng Hàn](#) | [Dịch thuật website](#) | [Dịch tài liệu kỹ thuật](#)
[Dịch thuật video](#) | [Thu âm lồng tiếng đa ngôn ngữ](#) | [Chèn phụ đề đa ngôn ngữ](#)

Liên hệ: **0934.436.040** (Zalo, Viber)

✉ baogia@dichthuatsms.com | www.dichthuatsms.com



MẪU ĐIỀU KIỆN HỢP ĐỒNG CHUẨN FIDIC – SONG NGỮ VIỆT ANH

ĐIỀU KIỆN CHUNG CỦA HỢP ĐỒNG GENERAL CONDITIONS

MẪU ĐIỀU KIỆN HỢP ĐỒNG CHUẨN FIDIC – SONG NGỮ VIỆT ANH

MỤC LỤC

TABLE OF CONTENTS

1. CÁC QUY ĐỊNH CHUNG.....	12
1. GENERAL PROVISIONS.....	12
1.1 Định nghĩa.....	12
1.1 Definitions.....	12
1.2 Diễn giải.....	20
1.2 Interpretation.....	20
1.3 Trao đổi thông tin.....	21
1.3 Communications.....	21
1.4 Luật và ngôn ngữ.....	22
1.4 Law and Language.....	22
1.5 Thứ tự ưu tiên của các tài liệu.....	23
1.5 Priority of Documents.....	23
1.6 Thỏa thuận Hợp đồng.....	23
1.6 Contract Agreement.....	23
1.7 Chuyển nhượng.....	24
1.7 Assignment.....	24
1.8 Giữ gìn và cung cấp tài liệu.....	24
1.8 Care and Supply of Documents.....	24
1.9 Bảo mật.....	25
1.9 Confidentiality.....	25
1.10 Chủ đầu tư sử dụng Tài liệu của Nhà thầu.....	25
1.10 Employer's Use of Contractor's Documents.....	25
1.11 Nhà thầu sử dụng Tài liệu của Chủ đầu tư.....	26
1.11 Contractor's Use of Employer's Documents.....	26
1.12 Các chi tiết bí mật.....	27
1.12 Confidential Details.....	27
1.13 Tuân thủ luật pháp.....	27
1.13 Compliance with Laws.....	27
2. CHỦ ĐẦU TƯ.....	27
2 THE EMPLOYER.....	27
2.1 Quyền tiếp cận Công trường.....	27
2.1 Right of Access to the Site.....	27

MẪU ĐIỀU KIỆN HỢP ĐỒNG CHUẨN FIDIC – SONG NGỮ VIỆT ANH

2.2 Giấy phép, chứng chỉ hoặc phê duyệt.....	29
2.2 <i>Permits, Licences or Approvals</i>	29
2.3 Nhân lực của Chủ đầu tư.....	30
2.3 <i>Employer's Personnel</i>	30
2.4 Công tác thu xếp tài chính của Chủ đầu tư	30
2.4 <i>Employer's Financial Arrangements</i>	30
3. ĐIỀU HÀNH CỦA CHỦ ĐẦU TƯ	30
3. <i>THE EMPLOYER'S ADMINISTRATION</i>	30
3.1 Đại diện của Chủ đầu tư.....	30
3.1 <i>The Employer's Representative</i>	30
3.2 Nhân lực khác của Chủ đầu tư.....	31
3.2 <i>Other Employer's Personnel</i>	31
3.3 Người được uỷ quyền	32
3.3 <i>Delegated Persons</i>	32
3.4 Các chỉ dẫn.....	33
3.4 <i>Instructions</i>	33
3.5 Quyết định.....	33
3.5 <i>Determinations</i>	33
4. NHÀ THẦU.....	34
4. <i>THE CONTRACTOR</i>	34
4.1 Trách nhiệm chung của Nhà thầu	34
4.1 <i>Contractor's General Obligations</i>	34
4.2 Bảo lãnh thực hiện Hợp đồng.....	35
4.2 <i>Performance Security</i>	35
4.3 Đại diện Nhà thầu	37
4.3 <i>Contractor's Representative</i>	37
4.4 Nhà thầu phụ.....	38
4.4 <i>Subcontractors</i>	38
4.5 Nhà thầu phụ được chỉ định.....	38
4.5 <i>Nominated Subcontractors</i>	38
4.6 Hợp tác.....	39
4.6 <i>Co-operation</i>	39
4.7 Cấm mốc định vị.....	40

MẪU ĐIỀU KIỆN HỢP ĐỒNG CHUẨN FIDIC – SONG NGỮ VIỆT ANH

4.7 <i>Setting Out</i>	40
4.8 Các quy định về an toàn	40
4.8 <i>Safety Procedures</i>	40
4.9 Đảm bảo chất lượng	41
4.9 <i>Quality Assurance</i>	41
4.10 Dữ liệu về Công trường	42
4.10 <i>Site Data</i>	42
4.11 Tính đầy đủ của Giá hợp đồng	42
4.11 <i>Sufficiency of the Contract Price</i>	42
4.12 Khó khăn không lường trước được	43
4.12 <i>Unforeseeable Physical Conditions</i>	43
4.13 Quyền về Đường đi và Phương tiện	44
4.13 <i>Rights of Way and Facilities</i>	44
4.14 Tránh can thiệp	44
4.14 <i>Avoidance of Interference</i>	44
4.15 Đường vào Công trường	45
4.15 <i>Access Route</i>	45
4.16 Vận chuyển Thiết bị, Vật tư	46
4.16 <i>Transport of Goods</i>	46
4.17 Thiết bị của Nhà thầu	47
4.17 <i>Contractor's Equipment</i>	47
4.18 Bảo vệ môi trường	47
4.18 <i>Protection of the Environment</i>	47
4.19 Điện, nước và nhiên liệu	48
4.19 <i>Electricity, Water and Gas</i>	48
4.20 Thiết bị của Chủ đầu tư và những Vật tư cấp miễn phí	48
4.20 <i>Employer's Equipment and Free-Issue Materials</i>	48
4.21 Báo cáo tiến độ	49
4.21 <i>Progress Reports</i>	49
4.22 An ninh Công trường	51
4.22 <i>Security of the Site</i>	51
4.23 Hoạt động của Nhà thầu trên Công trường	51
4.23 <i>Contractor's Operations on Site</i>	51

MẪU ĐIỀU KIỆN HỢP ĐỒNG CHUẨN FIDIC – SONG NGỮ VIỆT ANH

4.24 Cổ vật.....	52
4.24 <i>Fossils</i>	52
4.25. Bảo lãnh bảo hành.....	53
4.25. <i>Warranty Guarantee</i>	53
4.26 Bảo lãnh tạm ứng.....	54
4.26 <i>Advance Payment Guarantee</i>	54
5. THIẾT KẾ.....	54
5. <i>DESIGN</i>	54
5.1 Trách nhiệm chung về thiết kế.....	54
5.1 <i>General Design Obligations</i>	54
5.2 Tài liệu của Nhà thầu.....	55
5.2 <i>Contractor's Documents</i>	55
5.3 Đảm bảo của Nhà thầu.....	57
5.3 <i>Contractor's Undertaking</i>	57
5.4 Các quy định và tiêu chuẩn kỹ thuật.....	57
5.4 <i>Technical Standards and Regulations</i>	57
5.5 Đào tạo.....	58
5.5 <i>Training</i>	58
5.6 Tài liệu hoàn công.....	59
5.6 <i>As-Built Documents</i>	59
5.7 Tài liệu hướng dẫn vận hành và bảo dưỡng.....	59
5.7 <i>Operation and Maintenance Manuals</i>	59
5.8 Lỗi thiết kế.....	60
5.8 <i>Design Error</i>	60
6. NHÂN VIÊN VÀ NGƯỜI LAO ĐỘNG.....	60
6. <i>STAFF AND LABOUR</i>	60
6.1 Thuê nhân viên và người lao động.....	60
6.1 <i>Engagement of Staff and Labour</i>	60
6.2 Mức lương và điều kiện lao động.....	61
6.2 <i>Rates of Wages and Conditions of Labour</i>	61
6.3 Nhân sự đang phục vụ cho Chủ đầu tư.....	61
6.3 <i>Persons in the Service of Employer</i>	61
6.4 Luật lao động.....	61

MẪU ĐIỀU KIỆN HỢP ĐỒNG CHUẨN FIDIC – SONG NGỮ VIỆT ANH

6.4 <i>Labour Laws</i>	61
6.5 Giờ làm việc.....	62
6.5 <i>Working Hours</i>	62
6.6 Điều kiện sinh hoạt cho nhân viên và người lao động.....	62
6.6 <i>Facilities for Staff and Labour</i>	62
6.7 Sức khoẻ và an toàn lao động.....	63
6.7 <i>Health and Safety</i>	63
6.8 Giám sát của Nhà thầu.....	64
6.8 <i>Contractor's Superintendence</i>	64
6.9 Nhân lực của Nhà thầu.....	64
6.9 <i>Contractor's Personnel</i>	64
6.10 Hành vi gây rối.....	65
6.10 <i>Disorderly Conduct</i>	65
7. THIẾT BỊ, VẬT TƯ VÀ TAY NGHỀ.....	65
7. <i>PLANT, MATERIALS AND WORKMANSHIP</i>	65
7.1 Cách thức thực hiện.....	65
7.1 <i>Manner of Execution</i>	65
7.2 Mẫu thử.....	66
7.2 <i>Samples</i>	66
7.3 Kiểm định/Giám định.....	66
7.3 <i>Inspection</i>	66
7.4 Thử nghiệm.....	67
7.4 <i>Testing</i>	67
7.5 Từ chối.....	69
7.5 <i>Rejection</i>	69
7.6 Công tác sửa chữa.....	70
7.6 <i>Remedial Work</i>	70
7.7 Quyền sở hữu Thiết bị và Vật tư.....	70
7.7 <i>Ownership of Plant and Materials</i>	70
7.8 Phí sử dụng.....	71
7.8 <i>Royalties</i>	71
8. KHỞI CÔNG, CHẬM TRỄ VÀ TẠM NGỪNG.....	71
8. <i>COMMENCEMENT, DELAYS AND SUSPENSION</i>	71

MẪU ĐIỀU KIỆN HỢP ĐỒNG CHUẨN FIDIC – SONG NGỮ VIỆT ANH

8.1 Khởi công.....	71
8.1 <i>Commencement of Works</i>	71
8.2 Thời hạn hoàn thành	72
8.2 <i>Time for Completion</i>	72
8.3 Chương trình tiến độ.....	72
8.3 <i>Programme</i>	72
8.4 Gia hạn Thời hạn hoàn thành.....	74
8.4 <i>Extension of Time for Completion</i>	74
8.5 Chậm trễ do các cấp thẩm quyền.....	75
8.5 <i>Delays Caused by Authorities</i>	75
8.6 Tiến độ thực hiện.....	75
8.6 <i>Rate of Progress</i>	75
8.7 Phạt chậm tiến độ.....	76
8.7 <i>Delay Damages</i>	76
8.8 Tạm ngừng công việc.....	77
8.8 <i>Suspension of Work</i>	77
8.9 Hậu quả của việc tạm ngừng.....	78
8.9 <i>Consequences of Suspension</i>	78
8.10 Thanh toán cho Thiết bị và Vật tư trong trường hợp Tạm ngừng.....	79
8.10 <i>Payment for Plant and Materials in Event of Suspension</i>	79
8.11 Kéo dài thời gian tạm ngừng.....	80
8.11 <i>Prolonged Suspension</i>	80
8.12 Tiếp tục tiến hành công việc.....	80
8.12 <i>Resumption of Work</i>	80
9. THỬ NGHIỆM HOÀN THÀNH.....	81
9. <i>TESTS ON COMPLETION</i>	81
9.1 Nghĩa vụ của Nhà thầu.....	81
9.1 <i>Contractor's Obligations</i>	81
9.2 Các thử nghiệm bị chậm trễ.....	83
9.2 <i>Delayed Tests</i>	83
9.3 Thử nghiệm lại.....	84
9.3 <i>Retesting</i>	84
9.4 Không vượt qua được các cuộc Thử nghiệm hoàn thành.....	84

MẪU ĐIỀU KIỆN HỢP ĐỒNG CHUẨN FIDIC – SONG NGỮ VIỆT ANH

9.4 Failure to Pass Tests on Completion	84
10. NGHIỆM THU VÀ BÀN GIAO CHO CHỦ ĐẦU TƯ	85
10. EMPLOYER'S TAKING OVER	85
10.1 Nghiệm thu và bàn giao Công trình, Hạng mục công trình	85
10.1 TAKING OVER OF THE WORKS AND SECTIONS	85
10.2 Nghiệm thu từng bộ phận Công trình	86
10.2 Taking Over of Parts of the Works	86
10.3 Can thiệp vào các cuộc Thử nghiệm hoàn thành	86
10.3 Interference with Tests on Completion	86
11. TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI CÁC SAI SÓT	87
11. DEFECTS LIABILITY	87
11.1 Hoàn thành công việc còn dở dang và sửa chữa sai sót	87
11.1 Completion of Outstanding Work and Remedying Defects	87
11.2 Chi phí cho việc sửa chữa sai sót	88
11.2 Cost of Remedying Defects	88
11.3 Gia hạn Thời hạn Thông báo Sai sót	89
11.3 Extension of Defects Notification Period	89
11.4 Không khắc phục sai sót	89
11.4 Failure to Remedy Defects	89
11.5 Di dời hạng mục bị sai sót	90
11.5 Removal of Defective Work	90
11.6 Các thử nghiệm bổ sung	91
11.6 Further Tests	91
11.7 Quyền được ra vào	91
11.7 Right of Access	91
11.8 Trách nhiệm tìm nguyên nhân của Nhà thầu	92
11.8 Contractor to Search	92
11.9 Giấy chứng nhận hoàn thành Công trình	92
11.9 Performance Certificate	92
11.10 Những nghĩa vụ chưa được hoàn thành	93
11.10 Unfulfilled Obligations	93
11.11 Giải phóng mặt bằng	93
11.11 Clearance of Site	93

MẪU ĐIỀU KIỆN HỢP ĐỒNG CHUẨN FIDIC – SONG NGỮ VIỆT ANH

12. THỬ NGHIỆM SAU KHI HOÀN THÀNH.....	94
12. TESTS AFTER COMPLETION.....	94
13. THAY ĐỔI ĐIỀU CHỈNH.....	94
13. VARIATIONS AND ADJUSTMENTS.....	94
13.1 Quyền được yêu cầu thay đổi điều chỉnh.....	94
13.1 Right to Vary.....	94
13.2 Tư vấn giá trị công trình.....	95
13.2 Value Employering.....	95
13.3 Thủ tục thay đổi điều chỉnh.....	95
13.3 Variation Procedure.....	95
13.4 Thanh toán bằng đồng tiền áp dụng.....	96
13.4 Payment in Applicable Currencies.....	96
13.5 Khoản dự phòng: Không áp dụng.....	97
13.5 Provisional Sums: Non applicable.....	97
13.6 Ngày làm việc: Không áp dụng.....	97
13.6 Daywork: Non applicable.....	97
13.7 Điều chỉnh do thay đổi về luật lệ.....	97
13.7 Adjustments for Changes in Legislation.....	97
13.8 Điều chỉnh do thay đổi về chi phí.....	98
13.8 Adjustments for Changes in Cost.....	98
14. GIÁ HỢP ĐỒNG.....	98
14. CONTRACT PRICE.....	98
15. CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG BỞI CHỦ ĐẦU TƯ.....	99
15. TERMINATION BY EMPLOYER.....	99
15.1 Thông báo khắc phục.....	99
15.1 Notice to Correct.....	99
15.2 Chấm dứt hợp đồng bởi Chủ đầu tư do lỗi Nhà thầu.....	99
15.2 Termination by Employer.....	99
15.3 Quyền chấm dứt hợp đồng của Chủ đầu tư.....	102
15.3 Employer's Entitlement to Termination.....	102
16. TẠM NGỪNG VÀ CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG BỞI NHÀ THẦU.....	102
16. SUSPENSION AND TERMINATION BY CONTRACTOR.....	102
16.1 Quyền tạm ngừng công việc bởi Nhà thầu.....	102

MẪU ĐIỀU KIỆN HỢP ĐỒNG CHUẨN FIDIC – SONG NGỮ VIỆT ANH

16.1 Contractor's Entitlement to Suspend Work	102
16.2 Chấm dứt hợp đồng bởi Nhà thầu	104
16.2 Termination by Contractor	104
16.3 Ngừng công việc và di dời thiết bị Nhà thầu	105
16.3 Cessation of Work and Removal of Contractor's Equipment	105
16.4 Thanh toán khi chấm dứt hợp đồng	106
16.4 Payment on Termination	106
17. RỦI RO VÀ TRÁCH NHIỆM	106
17. RISK AND RESPONSIBILITY	106
17.1 Bồi thường	106
17.1 Indemnities	106
17.2 Sự cẩn trọng của Nhà thầu đối với Công trình	107
17.2 Contractor's Care of the Works	107
17.3 Rủi ro của Chủ đầu tư	108
17.3 Employer's Risks	108
17.4 Hậu quả của các rủi ro của Chủ đầu tư	109
17.4 Consequences of Employer's Risks	109
17.5 Quyền sở hữu công nghiệp và trí tuệ	110
17.5 Intellectual and Industrial Property Rights	110
17.6 Giới hạn của trách nhiệm	112
17.6 Limitation of Liability	112
18. BẢO HIỂM	113
18. INSURANCE	113
19. BẤT KHẢ KHÁNG	116
19. FORCE MAJEURE	116
19.1 Định nghĩa về Bất khả kháng	116
19.1 Definition of Force Majeure	116
19.2 Thông báo về Bất khả kháng	117
19.2 Notice of Force Majeure	117
19.3 Nghĩa vụ giảm thiểu sự chậm trễ	118
19.3 Duty to Minimise Delay	118
19.4 Hậu quả của Bất khả kháng	118
19.4 Consequences of Force Majeure	118

MẪU ĐIỀU KIỆN HỢP ĐỒNG CHUẨN FIDIC – SONG NGỮ VIỆT ANH

19.5 Bất khả kháng ảnh hưởng đến Nhà thầu phụ	119
<i>19.5 Force Majeure Affecting Subcontractor</i>	119
19.6 Chấm dứt có lựa chọn, thanh toán, hết trách nhiệm.....	119
<i>19.6 Optional Termination, Payment and Release</i>	119
19.7 Hết trách nhiệm thực hiện theo luật định.....	121
<i>19.7 Release from Performance under the Law</i>	121
20. KHIẾU NẠI, TRANH CHẤP VÀ TRỌNG TÀI PHÂN XỬ.....	122
<i>20 CLAIMS, DISPUTES AND ARBITRATION</i>	122
20.1 Khiếu nại của Nhà thầu.....	122
<i>20.1 Contractor's Claims</i>	122
20.2 Hoà giải.....	125
<i>20.2 Amicable Settlement</i>	125
20.3 Trọng tài.....	126
<i>20.3 Arbitration</i>	126
20.4 Giới hạn thời gian xét xử trọng tài.....	127
<i>20.4 Period for arbitration</i>	127

MẪU ĐIỀU KIỆN HỢP ĐỒNG CHUẨN FIDIC – SONG NGỮ VIỆT ANH

1. CÁC QUY ĐỊNH CHUNG

1. GENERAL PROVISIONS

1.1 Định nghĩa

1.1 Definitions

Trong các Điều kiện Hợp đồng (“Những điều kiện này”), bao gồm các Điều kiện cụ thể và Điều kiện chung này, những từ và cụm từ được liệt kê ở dưới đây sẽ có nghĩa như quy định và diễn giải tương ứng. Những từ chỉ người hoặc các bên được hiểu bao gồm cả các Tổng công ty và các đơn vị pháp nhân khác, trừ những trường hợp mà ngữ cảnh đòi hỏi phải hiểu khác.

In the Conditions of Contract (“These Conditions”), including these Particular Conditions and General Conditions, the following words and expressions shall have the meanings stated. Words referring to persons or parties are understood to include corporations and other legal entities, except where the context requires otherwise.

1.1.1 Hợp đồng

1.1.1 The Contract

1.1.1.1. “**Hợp đồng**” là Thỏa thuận Hợp đồng, Điều kiện cụ thể của Hợp đồng bao gồm các phụ lục, Điều kiện chung của Hợp đồng, Yêu cầu Kỹ thuật, Hồ sơ dự thầu, Hồ sơ mời thầu và các tài liệu khác (nếu có) được liệt kê trong Thỏa thuận Hợp đồng.

1.1.1.1 “Contract” means the Contract Agreement, the Particular Conditions including the appendices, the General Conditions, the Employer's Requirements, the Tender, the Request for Proposal, and the further documents (if any) which are listed in the Contract Agreement.

1.1.1.2. “**Thỏa thuận Hợp đồng**” là thỏa thuận hợp đồng như đã nêu tại Điều 1.6 [Thỏa thuận Hợp đồng], bao gồm cả các biên bản kèm theo.

1.1.1.2 “Contract Agreement” means the Contract Agreement (if any) referred to in Sub-Clause 1.6 [Contract Agreement], including any annexed memoranda.

1.1.1.3. “**Yêu cầu Kỹ thuật**” là tài liệu bao gồm trong Phụ lục 4 [Yêu cầu kỹ thuật] của Hợp đồng này.

1.1.1.3 “Employer's Requirements” means the document included in Appendix 4 [Technical Requirements] of the Contract.

MẪU ĐIỀU KIỆN HỢP ĐỒNG CHUẨN FIDIC – SONG NGỮ VIỆT ANH

1.1.1.4. “**Hồ sơ dự thầu**” là đề xuất đã ký của Nhà thầu để thực hiện Công trình và tất cả các tài liệu khác mà Nhà thầu đệ trình kèm theo (khác với các điều kiện và Yêu cầu Kỹ thuật nếu cũng được đệ trình), được đưa vào trong Hợp đồng.

1.1.1.4 “Tender” means the Contractor’s signed offer for the Works and all other documents which the Contractor submitted with the Tender (other than these Conditions and the Employer’s Requirements, if so submitted), as included in the Contract.

1.1.1.5. “**Biểu tiến độ thanh toán**” có nghĩa là các tài liệu được đặt tên theo đó (nếu có), như được bao gồm trong Hợp đồng.

1.1.1.5. “Schedule of Payments” means the document(s) so named (if any), as included in the Contract.

1.1.2 Các bên và các cá nhân

1.1.2 Parties and Persons

1.1.2.1 “**Bên**” là Chủ đầu tư hoặc Nhà thầu tùy theo ngữ cảnh cụ thể.

1.1.2.1 “Party” means the Employer or the Contractor, as the context requires.

1.1.2.2 “**Chủ đầu tư**” là bên được gọi là Chủ đầu tư hay bên giao thầu trong Thỏa thuận Hợp đồng và những pháp nhân kế tục hợp pháp pháp nhân này.

1.1.2.2 “Employer” means the person named as Employer in the Contract Agreement and the legal successors in title to this person.

1.1.2.3 “**Nhà thầu**” là (các) pháp nhân được gọi là Nhà thầu hoặc Bên nhận thầu trong Thỏa thuận Hợp đồng và những pháp nhân kế tục hợp pháp (những) pháp nhân này.

1.1.2.3 “Contractor” means the legal person(s) named as Contractor in the Letter of Tender accepted by the Employer and the legal successors in title to this legal person(s).

1.1.2.4 “**Đại diện Chủ đầu tư**” là người được Chủ đầu tư nêu tên trong Hợp đồng hoặc được chỉ định ở một thời điểm bất kỳ theo Điều 3.1 [Đại diện Chủ đầu tư], để hành động thay mặt Chủ đầu tư.

1.1.2.4 “Employer’s Representative” means a person named in the Contract or appointed from time to time in accordance with Sub-Clause 3.1 [Employer’s Representative], who acts on behalf of the Employer.

DỊCH THUẬT SMS

[Dịch thuật tiếng Anh](#) | [Dịch thuật tiếng Hoa](#) | [Dịch thuật tiếng Nhật](#)
[Dịch thuật tiếng Hàn](#) | [Dịch thuật website](#) | [Dịch tài liệu kỹ thuật](#)
[Dịch thuật video](#) | [Thu âm lồng tiếng đa ngôn ngữ](#) | [Chèn phụ đề đa ngôn ngữ](#)

Liên hệ: **0934.436.040** (Zalo, Viber)

✉ baogia@dichthuatsms.com | www.dichthuatsms.com



- Đây là **bản xem trước**, chỉ thể hiện **50%** tài liệu.
 - **ĐẶT MUA** và **thanh toán** tại www.dichthuatsms.com để nhận **file word** đầy đủ ngay lập tức.
 - Hoặc **GỬI YÊU CẦU DỊCH THUẬT** cho tài liệu của bạn.
-
- Liên hệ **0934.436.040** (**Zalo, Viber**) để hỗ trợ ngay.

MẪU ĐIỀU KIỆN HỢP ĐỒNG CHUẨN FIDIC – SONG NGỮ VIỆT ANH

1.1.2.10 “**FIDIC**” là Fédération Internationale des Ingénieurs-Conseils, nghĩa là Hiệp hội Quốc tế các Kỹ sư Tư vấn.

1.1.2.10 "FIDIC" means the Fédération Internationale des Ingénieurs-Conseils, the international federation of consulting engineers.

1.1.2.11 “**Cơ quan quản lý Nhà nước**” là bất kỳ cơ quan Nhà nước từ Trung ương đến địa phương của Việt Nam, bao gồm: Chính phủ, Tòa án, Kiểm toán Nhà nước, Chính quyền địa phương và bất kỳ Bộ, Ban ngành nào của các cơ quan trên, Ủy ban nhân dân, Hội đồng nhân dân và bất kỳ cơ quan nào hoặc tổ chức được ủy quyền cấp phép, thu hồi hoặc quyết định các điều kiện và điều khoản của bất kỳ giấy phép nào để thực hiện dự án.

1.1.2.11 "State Agency" means any State agency from the central to local levels of Vietnam, including: Government, Court, State Audit, local government and any Ministries, Departments of the above agencies, People's Committees, People's Councils and any agency or organization authorized to grant, revoke or decide the terms and conditions of any license to carry out the project.

1.1.3 Ngày, Thử nghiệm, Thời hạn và Hoàn thành

1.1.3 Dates, Tests, Periods and Completion

1.1.3.1 “**Ngày cơ sở**” là Ngày tại thời điểm 28 Ngày trước ngày Nhà thầu nộp Hồ sơ dự thầu tới Chủ đầu tư.

1.1.3.1 "Base Date" means the Date 28 days prior to the latest date for the Contractor's submission of the Tender to the Employer.

1.1.3.2 “**Ngày khởi công**” là Ngày được thông báo theo Điều 8.1 [*Khởi công*], trừ khi được nêu khác trong Thỏa thuận Hợp đồng.

1.1.3.2 "Commencement Date" means the Date notified under Sub-Clause 8.1 [Commencement of Works], unless otherwise stated in the Contract Agreement.

1.1.3.3 “**Thời hạn hoàn thành**” là thời gian để hoàn thành đóng điện lần đầu theo Điều 8.2 [*Thời hạn hoàn thành*] (cùng với bất kỳ gia hạn nào theo Điều 8.4 [*Gia hạn Thời hạn hoàn thành*]), được tính từ Ngày hiệu lực Hợp đồng.

1.1.3.3 "Time for Completion" means the time to complete the first energization in accordance with Sub-Clause 8.2 [Time for Completion] (together with any extension under Sub-Clause 8.4 [Extension of Time for Completion]), calculated from the Effective Date of the Contract.

1.1.3.4 “**Thử nghiệm hoàn thành**” là các thử nghiệm được quy định trong Hợp đồng hoặc được thỏa thuận giữa hai Bên hoặc được hướng dẫn như là một sự Thay đổi điều

DỊCH THUẬT SMS

[Dịch thuật tiếng Anh](#) | [Dịch thuật tiếng Hoa](#) | [Dịch thuật tiếng Nhật](#)
[Dịch thuật tiếng Hàn](#) | [Dịch thuật website](#) | [Dịch tài liệu kỹ thuật](#)
[Dịch thuật video](#) | [Thu âm lồng tiếng đa ngôn ngữ](#) | [Chèn phụ đề đa ngôn ngữ](#)

Liên hệ: **0934.436.040** (Zalo, Viber)

✉ baogia@dichthuatsms.com | www.dichthuatsms.com



- Đây là **bản xem trước**, chỉ thể hiện **50%** tài liệu.
 - **ĐẶT MUA** và **thanh toán** tại www.dichthuatsms.com để nhận **file word** đầy đủ ngay lập tức.
 - Hoặc **GỬI YÊU CẦU DỊCH THUẬT** cho tài liệu của bạn.
-
- Liên hệ **0934.436.040** (**Zalo, Viber**) để hỗ trợ ngay.

MẪU ĐIỀU KIỆN HỢP ĐỒNG CHUẨN FIDIC – SONG NGỮ VIỆT ANH

1.1.3.9 “Ngày” là Ngày theo dương lịch.

1.1.3.9 "**Day**" means a calendar day

1.1.3.10 “Năm” là 365 Ngày.

1.1.3.10 "**Year**" means 365 Days.

1.1.3.11 “Tháng” là 30 Ngày.

1.1.3.11 "**Month**" means 30 Days.

1.1.4 Tiền và thanh toán

1.1.4 Money and Payments

1.1.4.1 “**Giá Hợp đồng**” là giá thỏa thuận được nêu rõ trong Thỏa thuận Hợp đồng cho phạm vi hợp đồng này.

1.1.4.1 "**Contract Price**" means the agreed price specified in the Contract Agreement for the scope of the Contract.

1.1.4.2 “**Ngoại tệ**” là đồng tiền được sử dụng để thanh toán một phần (hoặc toàn bộ) Giá hợp đồng phải trả nhưng không phải là Nội tệ.

1.1.4.2 "**Foreign Currency**" means a currency in which part (or all) of the Contract Price is payable, but not the Local Currency.

1.1.4.3 “**Nội tệ**” là đồng Việt Nam.

1.1.4.3 "**Local Currency**" means Vietnamese dong.

1.1.5 Công trình và Hàng hoá

1.1.5 Works and Goods

1.1.5.1 “**Thiết bị của Nhà thầu**” là toàn bộ thiết bị dụng cụ, máy móc, phương tiện, xe cộ và các thứ khác yêu cầu phải có để thi công và hoàn thành Công trình và sửa chữa bất cứ sai sót nào. Tuy nhiên, Thiết bị của Nhà thầu không bao gồm các Công trình tạm, Thiết bị của Chủ đầu tư (nếu có), Thiết bị, Vật tư và bất cứ thứ nào khác nhằm tạo thành hoặc đang tạo thành một phần của Công trình Vĩnh cửu.

1.1.5.1 "**Contractor's Equipment**" means all apparatus, machinery, vehicles and other things required for the execution and completion of the Works and the remedying of any defects. However, Contractor's Equipment excludes Temporary Works, Employer's Equipment (if any), Plant, Materials and any other things intended to form or forming part of the Permanent Works.

DỊCH THUẬT SMS

[Dịch thuật tiếng Anh](#) | [Dịch thuật tiếng Hoa](#) | [Dịch thuật tiếng Nhật](#)
[Dịch thuật tiếng Hàn](#) | [Dịch thuật website](#) | [Dịch tài liệu kỹ thuật](#)
[Dịch thuật video](#) | [Thu âm lồng tiếng đa ngôn ngữ](#) | [Chèn phụ đề đa ngôn ngữ](#)

Liên hệ: **0934.436.040** (Zalo, Viber)

✉ baogia@dichthuatsms.com | www.dichthuatsms.com



- Đây là **bản xem trước**, chỉ thể hiện **50%** tài liệu.
 - **ĐẶT MUA** và **thanh toán** tại www.dichthuatsms.com để nhận **file word** đầy đủ ngay lập tức.
 - Hoặc **GỬI YÊU CẦU DỊCH THUẬT** cho tài liệu của bạn.
-
- Liên hệ **0934.436.040** (**Zalo, Viber**) để hỗ trợ ngay.

MẪU ĐIỀU KIỆN HỢP ĐỒNG CHUẨN FIDIC – SONG NGỮ VIỆT ANH

1.1.5.9 “**Xuất xứ của Vật tư, Thiết bị**” là quốc gia hoặc vùng lãnh thổ nơi sản xuất ra toàn bộ Vật tư, Thiết bị hoặc nơi thực hiện công đoạn sản xuất cơ bản cuối cùng đối với Vật tư, Thiết bị trong trường hợp có nhiều quốc gia hoặc vùng lãnh thổ tham gia vào quá trình sản xuất ra Vật tư, Thiết bị đó.

1.1.5.9 “**Origin of Materials and Plant**” means the country or territory where all Materials and Plant are manufactured or where the last substantial transformation of the Materials and Plant is performed, in case there are multiple countries or territories involved in the production of such Materials and Plant.

1.1.5.10 “**Dự án**” là dự án được quy định tại Thỏa thuận Hợp đồng.

1.1.5.10 “**Project**” means the project specified in the Contract Agreement.

1.1.6 Các định nghĩa khác

1.1.6 Other Definitions

1.1.6.1 “**Tài liệu của Nhà thầu**” là các tính toán, chương trình máy tính và phần mềm khác, bản vẽ, sổ tay hướng dẫn, các mô hình và các tài liệu có tính chất kỹ thuật khác do Nhà thầu cung cấp theo hợp đồng; như được mô tả tại Điều 5.2 [Tài liệu của Nhà thầu].

1.1.6.1 “**Contractor’s Documents**” means the calculations, computer programs and other software, drawings, manuals, models and other documents of a technical nature supplied by the Contractor under the Contract; as described in Sub-Clause 5.2 [Contractor’s Documents].

1.1.6.2 “**Nước sở tại**” là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

1.1.6.2 “**Country**” means the Socialist Republic of Vietnam.

1.1.6.3 “**Thiết bị của Chủ đầu tư**” là máy móc, phương tiện, xe cộ (nếu có) do Chủ đầu tư cung cấp cho Nhà thầu sử dụng để thi công công trình, như đã nêu trong Yêu cầu Kỹ thuật; nhưng không bao gồm Thiết bị khi chưa được Chủ đầu tư tiếp nhận.

1.1.6.3 “**Employer’s Equipment**” means the apparatus, machinery and vehicles (if any) made available by the Employer for the use of the Contractor in the execution of the Works, as stated in the Employer’s Requirements; but does not include Plant which has not been taken over by the Employer.

1.1.6.4 “**Bất khả kháng**” được định nghĩa tại Điều 19 [Bất khả kháng].

1.1.6.4 “**Force Majeure**” is defined in Clause 19 [Force Majeure].

DỊCH THUẬT SMS

[Dịch thuật tiếng Anh](#) | [Dịch thuật tiếng Hoa](#) | [Dịch thuật tiếng Nhật](#)
[Dịch thuật tiếng Hàn](#) | [Dịch thuật website](#) | [Dịch tài liệu kỹ thuật](#)
[Dịch thuật video](#) | [Thu âm lồng tiếng đa ngôn ngữ](#) | [Chèn phụ đề đa ngôn ngữ](#)

Liên hệ: **0934.436.040** (Zalo, Viber)

✉ baogia@dichthuatsms.com | www.dichthuatsms.com



- Đây là **bản xem trước**, chỉ thể hiện **50%** tài liệu.
 - **ĐẶT MUA** và **thanh toán** tại www.dichthuatsms.com để nhận **file word** đầy đủ ngay lập tức.
 - Hoặc **GỬI YÊU CẦU DỊCH THUẬT** cho tài liệu của bạn.
-
- Liên hệ **0934.436.040** (**Zalo, Viber**) để hỗ trợ ngay.

MẪU ĐIỀU KIỆN HỢP ĐỒNG CHUẨN FIDIC – SONG NGỮ VIỆT ANH

(c) Những quy định bao gồm các từ "đồng ý", "đã đồng ý" hoặc "thỏa thuận" yêu cầu sự thỏa thuận phải được ghi bằng văn bản; và

(c) provisions including the word "agree", "agreed" or "agreement" require the agreement to be recorded in writing, and

(d) "được viết" hoặc "bằng văn bản" nghĩa là phải được viết bằng tay, được đánh máy, được in hoặc chế bản điện tử và làm thành tài liệu lưu giữ lâu bền.

(d) "written" or "in writing" means hand-written, type-written, printed or electronically made, and resulting in a permanent record.

Các từ ngữ bên lề và tiêu đề khác sẽ không được xem xét khi diễn giải Những điều kiện này.

The marginal words and other headings shall not be taken into consideration in the interpretation of these Conditions.

1.3 Trao đổi thông tin

1.3 Communications

Trong những điều kiện này, nếu bất cứ chỗ nào có quy định việc đưa ra hoặc phát hành phê duyệt, chứng chỉ, chấp thuận, quyết định, thông báo và yêu cầu, thì phải áp dụng các phương thức sau:

Wherever these Conditions provide for the giving or issuing of approvals, certificates, consents, determinations, notices and requests, these communications shall be:

(a) bằng văn bản và chuyển tay (theo giấy biên nhận), chuyển bằng bưu điện, bưu phẩm hoặc truyền đi bằng bất kỳ hệ thống truyền điện tử được thỏa thuận như đã nêu trong Điều kiện cụ thể; và

(a) in writing and delivered by hand (against receipt), sent by mail or courier, or transmitted using any of the agreed systems of electronic transmission as stated in the Particular Conditions; and

(b) được chuyển, gửi hoặc truyền đến địa chỉ thông tin của người nhận như đã quy định trong Hợp đồng. Tuy nhiên:

(b) delivered, sent or transmitted to the address for the recipient's communications as stated in the Contract. However:

(i) nếu người nhận thông báo một địa chỉ khác, thì sau đó thông tin phải được chuyển theo địa chỉ mới tương ứng; và

DỊCH THUẬT SMS

[Dịch thuật tiếng Anh](#) | [Dịch thuật tiếng Hoa](#) | [Dịch thuật tiếng Nhật](#)
[Dịch thuật tiếng Hàn](#) | [Dịch thuật website](#) | [Dịch tài liệu kỹ thuật](#)
[Dịch thuật video](#) | [Thu âm lồng tiếng đa ngôn ngữ](#) | [Chèn phụ đề đa ngôn ngữ](#)

Liên hệ: **0934.436.040** (Zalo, Viber)

✉ baogia@dichthuatsms.com | www.dichthuatsms.com



- Đây là **bản xem trước**, chỉ thể hiện **50%** tài liệu.
 - **ĐẶT MUA** và **thanh toán** tại www.dichthuatsms.com để nhận **file word** đầy đủ ngay lập tức.
 - Hoặc **GỬI YÊU CẦU DỊCH THUẬT** cho tài liệu của bạn.
-
- Liên hệ **0934.436.040** (**Zalo, Viber**) để hỗ trợ ngay.

MẪU ĐIỀU KIỆN HỢP ĐỒNG CHUẨN FIDIC – SONG NGỮ VIỆT ANH

1.5 Thứ tự ưu tiên của các tài liệu

1.5 Priority of Documents

Các tài liệu tạo thành Hợp đồng được dùng để giải thích theo tính tương hỗ cho nhau. Để phục vụ mục đích diễn giải, thứ tự ưu tiên của các tài liệu sẽ như sau:

The documents forming the Contract are to be taken as mutually explanatory of one another. For the purposes of interpretation, the priority of the documents shall be in accordance with the following sequence:

1. Thỏa thuận hợp đồng và các Phụ lục kèm theo;

1. *The Contract Agreement and attached Appendices;*

2. Điều kiện cụ thể của Hợp đồng

2. *The Particular Conditions,*

3. Điều kiện chung của Hợp đồng

3. *These General Conditions,*

Trong trường hợp có sự khác biệt hoặc mâu thuẫn giữa các tài liệu nêu trên, tài liệu có số thứ tự nhỏ hơn sẽ có thứ tự ưu tiên cao hơn.

If an ambiguity or discrepancy is found in the documents, the document with the smaller number in the above list will have a higher priority.

1.6 Thỏa thuận Hợp đồng

1.6 Contract Agreement

Hợp đồng sẽ hoàn toàn có hiệu lực thi hành từ Ngày được chỉ định trong Thỏa thuận Hợp đồng. Chủ đầu tư chịu mọi chi phí đóng dấu, chứng thực và lệ phí tương tự (nếu có) theo luật định liên quan đến việc ký kết Thỏa thuận Hợp đồng.

The Contract shall come into full force and effect on the Date stated in the Contract Agreement. The costs of stamp duties and similar charges (if any) imposed by law in connection with entry into the Contract Agreement shall be borne by the Employer.

DỊCH THUẬT SMS

[Dịch thuật tiếng Anh](#) | [Dịch thuật tiếng Hoa](#) | [Dịch thuật tiếng Nhật](#)
[Dịch thuật tiếng Hàn](#) | [Dịch thuật website](#) | [Dịch tài liệu kỹ thuật](#)
[Dịch thuật video](#) | [Thu âm lồng tiếng đa ngôn ngữ](#) | [Chèn phụ đề đa ngôn ngữ](#)

Liên hệ: **0934.436.040** (Zalo, Viber)

✉ baogia@dichthuatsms.com | www.dichthuatsms.com



- Đây là **bản xem trước**, chỉ thể hiện **50%** tài liệu.
 - **ĐẶT MUA** và **thanh toán** tại www.dichthuatsms.com để nhận **file word** đầy đủ ngay lập tức.
 - Hoặc **GỬI YÊU CẦU DỊCH THUẬT** cho tài liệu của bạn.
-
- Liên hệ **0934.436.040** (**Zalo, Viber**) để hỗ trợ ngay.

MẪU ĐIỀU KIỆN HỢP ĐỒNG CHUẨN FIDIC – SONG NGỮ VIỆT ANH

If a Party becomes aware of an error or defect of a technical nature in a document which was prepared for use in executing the Works, the Party shall promptly give notice to the other Party of such error or defect.

1.9 Bảo mật

1.9 Confidentiality

Trừ trường hợp cần biết để thực hiện theo nghĩa vụ hoặc tuân theo các Luật áp dụng, cả hai Bên đều phải xem các chi tiết của Hợp đồng là bí mật và tài liệu riêng. Nhà thầu không được xuất bản, cho phép xuất bản hay để lộ bất kỳ chi tiết nào của Công trình trên một sách báo thương mại hoặc kỹ thuật hoặc một nơi nào khác mà không có sự thỏa thuận trước đó của Chủ đầu tư.

Unless otherwise required to perform an obligation or to comply with applicable Laws, both Parties shall treat the details of the Contract as confidential and private. The Contractor shall not publish, authorize to be published or disclose any details of the Works in a commercial or technical publication or elsewhere without the prior consent of the Employer.

1.10 Chủ đầu tư sử dụng Tài liệu của Nhà thầu

1.10 Employer's Use of Contractor's Documents

Như thỏa thuận giữa các Bên, Nhà thầu được giữ bản quyền và các quyền sở hữu trí tuệ khác đối với Tài liệu của Nhà thầu và các tài liệu thiết kế khác do Nhà thầu (hoặc đại diện của Nhà thầu) thực hiện.

As between the Parties, the Contractor shall retain the copyright and other intellectual property rights in the Contractor's Documents and other design documents made by (or on behalf of) the Contractor.

Nhà thầu được xem như (khi ký Hợp đồng này) cấp cho Chủ đầu tư quyền (một giấy phép) có thể chuyển nhượng không giới hạn thời gian, miễn phí (không độc quyền, không phải trả tiền bản quyền), về việc sao chụp, sử dụng và trao đổi các Tài liệu của Nhà thầu cho mục đích phục vụ dự án được quy định tại thỏa thuận hợp đồng. Quyền này phải đảm bảo:

The Contractor shall be deemed (by signing the Contract) to give to the Employer a non-terminable transferable non-exclusive royalty-free licence to copy, use and communicate the Contractor's Documents, including making and using modifications of them. This licence shall:

(a) áp dụng trong suốt quá trình hoạt động thực tế hoặc dự định (tùy theo quá trình nào dài hơn) của các bộ phận liên quan đến Công trình;

DỊCH THUẬT SMS

[Dịch thuật tiếng Anh](#) | [Dịch thuật tiếng Hoa](#) | [Dịch thuật tiếng Nhật](#)
[Dịch thuật tiếng Hàn](#) | [Dịch thuật website](#) | [Dịch tài liệu kỹ thuật](#)
[Dịch thuật video](#) | [Thu âm lồng tiếng đa ngôn ngữ](#) | [Chèn phụ đề đa ngôn ngữ](#)

Liên hệ: **0934.436.040** (Zalo, Viber)

✉ baogia@dichthuatsms.com | www.dichthuatsms.com



- Đây là **bản xem trước**, chỉ thể hiện **50%** tài liệu.
 - **ĐẶT MUA** và **thanh toán** tại www.dichthuatsms.com để nhận **file word** đầy đủ ngay lập tức.
 - Hoặc **GỬI YÊU CẦU DỊCH THUẬT** cho tài liệu của bạn.
-
- Liên hệ **0934.436.040** (**Zalo, Viber**) để hỗ trợ ngay.

MẪU ĐIỀU KIỆN HỢP ĐỒNG CHUẨN FIDIC – SONG NGỮ VIỆT ANH

communication of these documents for the purposes of the Contract. They shall not, without the Employer's consent, be copied, used or communicated to a third Party by the Contractor, except as necessary for the purposes of the Contract.

1.12 Các chi tiết bí mật

1.12 Confidential Details

Nhà thầu không phải tiết lộ cho Chủ đầu tư các thông tin mà Nhà thầu nêu rõ trong Hồ sơ dự thầu là thông tin bảo mật. Tuy vậy Nhà thầu phải cung cấp tất cả các thông tin khác mà Chủ đầu tư có thể yêu cầu một cách hợp lý để làm rõ và kiểm chứng việc tuân thủ Hợp đồng của Nhà thầu.

The Contractor is not required to disclose to the Employer the information specified by the Contractor in the Tender as confidential information. However, the Contractor shall disclose all other information as the Employer may reasonably require in order to verify the Contractor's compliance with the Contract.

1.13 Tuân thủ luật pháp

1.13 Compliance with Laws

Nhà thầu khi thực hiện Hợp đồng phải tuân thủ Luật áp dụng.

The Contractor shall, in performing the Contract, comply with applicable Laws.

Chủ đầu tư phải có (hoặc sẽ phải có) giấy phép quy hoạch, phân vùng hoặc giấy phép tương tự cho Công trình, và các giấy phép khác được mô tả trong Yêu cầu Kỹ thuật là đã có hoặc sẽ do Chủ đầu tư chịu trách nhiệm.

The Employer shall have obtained (or shall obtain) the planning, zoning or similar permission for the Permanent Works, and any other permissions described in the Employer's Requirements as having been (or being) obtained by the Employer.

2. CHỦ ĐẦU TƯ

2 THE EMPLOYER

2.1 Quyền tiếp cận Công trường

2.1 Right of Access to the Site

Chủ đầu tư trao cho Nhà thầu quyền tiếp cận và chiếm hữu, sử dụng toàn bộ các phần của Công trường trong khoảng thời gian (hoặc tại những thời điểm) như đã quy định trong Điều kiện cụ thể. Quyền này có thể không chỉ dành riêng cho Nhà thầu. Nếu

DỊCH THUẬT SMS

[Dịch thuật tiếng Anh](#) | [Dịch thuật tiếng Hoa](#) | [Dịch thuật tiếng Nhật](#)
[Dịch thuật tiếng Hàn](#) | [Dịch thuật website](#) | [Dịch tài liệu kỹ thuật](#)
[Dịch thuật video](#) | [Thu âm lồng tiếng đa ngôn ngữ](#) | [Chèn phụ đề đa ngôn ngữ](#)

Liên hệ: **0934.436.040** (Zalo, Viber)

✉ baogia@dichthuatsms.com | www.dichthuatsms.com



- Đây là **bản xem trước**, chỉ thể hiện **50%** tài liệu.
 - **ĐẶT MUA** và **thanh toán** tại www.dichthuatsms.com để nhận **file word** đầy đủ ngay lập tức.
 - Hoặc **GỬI YÊU CẦU DỊCH THUẬT** cho tài liệu của bạn.
-
- Liên hệ **0934.436.040** (**Zalo, Viber**) để hỗ trợ ngay.

MẪU ĐIỀU KIỆN HỢP ĐỒNG CHUẨN FIDIC – SONG NGỮ VIỆT ANH

Sau khi nhận được thông báo này, Chủ đầu tư phải thực hiện theo Điều 3.5 [*Quyết định*] để thống nhất và đưa ra quyết định vấn đề này.

After receiving this notice, the Employer shall proceed in accordance with Sub-Clause 3.5 [Determinations] to agree or determine these matters.

2.2 Giấy phép, chứng chỉ hoặc phê duyệt

2.2 Permits, Licences or Approvals

Chủ đầu tư phải (trong trường hợp Chủ đầu tư có điều kiện thực hiện được như vậy) có những hỗ trợ hợp lý cho Nhà thầu theo yêu cầu của Nhà thầu:

The Employer shall (where he is in a position to do so) provide reasonable assistance to the Contractor at the request of the Contractor:

(a) xin bản sao các bộ Luật của Nước sở tại liên quan đến Hợp đồng mà Nhà thầu chưa có, và

(a) by obtaining copies of the Laws of the Country which are relevant to the Contract but are not readily available, and

(b) xin giấy phép hoặc phê duyệt mà Luật tại Nước sở tại yêu cầu:

(b) for the Contractor's applications for any permits, licences or approvals required by the Laws of the Country:

(i) xin giấy phép hoặc phê duyệt mà Nhà thầu được yêu cầu phải có theo Điều 1.13 [*Tuân thủ luật pháp*];

(i) which the Contractor is required to obtain under Sub-Clause 1.13 [Compliance with Laws],

(ii) để giao hàng, bao gồm cả thủ tục hải quan; và

(ii) for the delivery of Goods, including clearance through customs, and

(iii) để tái xuất các Thiết bị của Nhà thầu khi đưa ra khỏi Công trường.

(iii) for the export of Contractor's Equipment when it is removed from the Site.

DỊCH THUẬT SMS

[Dịch thuật tiếng Anh](#) | [Dịch thuật tiếng Hoa](#) | [Dịch thuật tiếng Nhật](#)
[Dịch thuật tiếng Hàn](#) | [Dịch thuật website](#) | [Dịch tài liệu kỹ thuật](#)
[Dịch thuật video](#) | [Thu âm lồng tiếng đa ngôn ngữ](#) | [Chèn phụ đề đa ngôn ngữ](#)

Liên hệ: **0934.436.040** (Zalo, Viber)

✉ baogia@dichthuatsms.com | www.dichthuatsms.com



- Đây là **bản xem trước**, chỉ thể hiện **50%** tài liệu.
 - **ĐẶT MUA** và **thanh toán** tại www.dichthuatsms.com để nhận **file word** đầy đủ ngay lập tức.
 - Hoặc **GỬI YÊU CẦU DỊCH THUẬT** cho tài liệu của bạn.
-
- Liên hệ **0934.436.040** (**Zalo, Viber**) để hỗ trợ ngay.

MẪU ĐIỀU KIỆN HỢP ĐỒNG CHUẨN FIDIC – SONG NGỮ VIỆT ANH

Đại diện của Chủ đầu tư sẽ phải thực thi các nhiệm vụ đã được phân công cho mình, và sẽ thực hiện các quyền hạn được uỷ quyền bởi Chủ đầu tư. Trừ khi và cho đến khi Chủ đầu tư có thông báo khác cho Nhà thầu, Đại diện của Chủ đầu tư được coi là có toàn quyền của Chủ đầu tư theo Hợp đồng, ngoại trừ nội dung liên quan trong Điều 15 [*Chấm dứt hợp đồng bởi Chủ đầu tư*].

The Employer's Representative shall carry out the duties assigned to him/her, and exercise the authority delegated to him/her, by the Employer. Unless and until the Employer notifies the Contractor otherwise, the Employer's Representative shall be vested with and deemed to have the full authority of the Employer under the Contract except in respect of Clause 15 [Termination by Employer].

Nếu Chủ đầu tư muốn thay thế bất cứ người nào đã được chỉ định làm Đại diện của Chủ đầu tư thì không ít hơn 14 Ngày trước đó, Chủ đầu tư phải có thông báo Nhà thầu về tên, địa chỉ, nhiệm vụ và quyền hạn cùng Ngày chỉ định người thay thế.

If the Employer wishes to replace any person appointed as the Employer's Representative, the Employer shall, not less than 14 days before the intended date of replacement, give a Notice to the Contractor of the replacement's name, address, duties and authority, and of the date of appointment.

3.2 Nhân lực khác của Chủ đầu tư

3.2 Other Employer's Personnel

Chủ đầu tư hoặc Đại diện của Chủ đầu tư có thể phân công nhiệm vụ và uỷ nhiệm quyền hạn cho các trợ lý và cũng có thể huỷ bỏ sự phân công hoặc uỷ quyền đó. Những người trợ lý này của Chủ đầu tư có thể là một kỹ sư thường trú và/hoặc giám sát viên độc lập được chỉ định để kiểm định và/hoặc chạy thử các hạng mục Thiết bị và/hoặc Vật tư. Sự phân công, uỷ quyền hoặc huỷ bỏ sự phân công, uỷ quyền của Chủ đầu tư chỉ có hiệu lực khi nào Nhà thầu nhận được bản sao của văn bản đó.

The Employer or the Employer's Representative may from time to time assign duties and delegate authority to assistants, and may also revoke such assignment or delegation. These assistants may include a resident engineer, and/or independent inspectors appointed to inspect and/or test items of Plant and/or Materials. The assignment, delegation or revocation shall be in writing and shall not take effect until copies have been received by the Contractor.

Những người trợ lý phải là những người có trình độ thích hợp, có đủ trình độ thực hiện những nhiệm vụ và những quyền hạn được giao, và thông thạo ngôn ngữ giao tiếp được quy định tại Điều 1.4 [*Luật và Ngôn ngữ*].

DỊCH THUẬT SMS

[Dịch thuật tiếng Anh](#) | [Dịch thuật tiếng Hoa](#) | [Dịch thuật tiếng Nhật](#)
[Dịch thuật tiếng Hàn](#) | [Dịch thuật website](#) | [Dịch tài liệu kỹ thuật](#)
[Dịch thuật video](#) | [Thu âm lồng tiếng đa ngôn ngữ](#) | [Chèn phụ đề đa ngôn ngữ](#)

Liên hệ: **0934.436.040** (Zalo, Viber)

✉ baogia@dichthuatsms.com | www.dichthuatsms.com



- Đây là **bản xem trước**, chỉ thể hiện **50%** tài liệu.
 - **ĐẶT MUA** và **thanh toán** tại www.dichthuatsms.com để nhận **file word** đầy đủ ngay lập tức.
 - Hoặc **GỬI YÊU CẦU DỊCH THUẬT** cho tài liệu của bạn.
-
- Liên hệ **0934.436.040** (**Zalo, Viber**) để hỗ trợ ngay.

MẪU ĐIỀU KIỆN HỢP ĐỒNG CHUẨN FIDIC – SONG NGỮ VIỆT ANH

(b) if the Contractor questions any determination or instruction of an assistant, the Contractor may refer the matter to the Employer, who shall promptly confirm, reverse or vary the determination or instruction.

3.4 Các chỉ dẫn

3.3 Instructions

Chủ đầu tư có thể đưa ra cho Nhà thầu những chỉ dẫn cần thiết để Nhà thầu thực hiện nghĩa vụ của mình theo Hợp đồng. Mỗi chỉ dẫn phải được viết thành văn bản và phải nêu rõ nghĩa vụ liên quan đến nó và các Điều (hoặc quy định khác của Hợp đồng) có ghi rõ các nghĩa vụ. Nếu bất kỳ chỉ dẫn nào dẫn đến một sự thay đổi điều chỉnh thì áp dụng Điều 13 [*Thay đổi điều chỉnh*].

The Employer may issue to the Contractor instructions which may be necessary for the execution of the Contractor's obligations under the Contract. Each instruction shall be given in writing and shall state the obligation(s) to which it relates and the Sub-Clause (or other terms of the Contract) in which the obligation(s) are specified. If an instruction constitutes a Variation, Clause 13 [Variations and Adjustments] shall apply.

Nhà thầu phải tiếp nhận các chỉ dẫn của Chủ đầu tư, hoặc của đại diện của Chủ đầu tư hay trợ lý người có quyền hạn phù hợp mà đã được uỷ quyền theo Điều này.

The Contractor shall comply with the instructions given by the Employer's Representative or delegated assistant who is appropriately authorized under this Clause.

3.5 Quyết định

3.5 Determinations

Khi các Điều kiện này quy định rằng Chủ đầu tư phải thực hiện theo Điều 3.5 để thỏa thuận hoặc quyết định vấn đề bất kỳ, Chủ đầu tư phải trao đổi với Nhà thầu để đi đến thỏa thuận. Nếu không đi đến được thỏa thuận, Bên bất kỳ có thể chuyển bất đồng đó đến Ban xử lý tranh chấp theo Điều 20 [*Khiếu nại, tranh chấp và Trọng tài phân xử*].

Whenever these Conditions provide that the Employer shall proceed in accordance with this Sub-Clause 3.5 to agree or determine any matter, the Employer shall consult with each Party in an endeavour to reach an agreement. If no agreement is reached, any Party may bring the dispute to the Dispute Adjudication Board in accordance with Clause 20 [Claims, Disputes and Arbitration].

DỊCH THUẬT SMS

[Dịch thuật tiếng Anh](#) | [Dịch thuật tiếng Hoa](#) | [Dịch thuật tiếng Nhật](#)
[Dịch thuật tiếng Hàn](#) | [Dịch thuật website](#) | [Dịch tài liệu kỹ thuật](#)
[Dịch thuật video](#) | [Thu âm lồng tiếng đa ngôn ngữ](#) | [Chèn phụ đề đa ngôn ngữ](#)

Liên hệ: **0934.436.040** (Zalo, Viber)

✉ baogia@dichthuatsms.com | www.dichthuatsms.com



- Đây là **bản xem trước**, chỉ thể hiện **50%** tài liệu.
 - **ĐẶT MUA** và **thanh toán** tại www.dichthuatsms.com để nhận **file word** đầy đủ ngay lập tức.
 - Hoặc **GỬI YÊU CẦU DỊCH THUẬT** cho tài liệu của bạn.
-
- Liên hệ **0934.436.040** (**Zalo, Viber**) để hỗ trợ ngay.

MẪU ĐIỀU KIỆN HỢP ĐỒNG CHUẨN FIDIC – SONG NGỮ VIỆT ANH

Khi nào Chủ đầu tư yêu cầu, Nhà thầu phải đệ trình kế hoạch chuẩn bị và các biện pháp thi công chi tiết mà Nhà thầu đề xuất áp dụng cho việc thi công Công trình. Không được phép thay đổi quan trọng đối với kế hoạch và các biện pháp này nếu không thông báo trước với Chủ đầu tư.

The Contractor shall, whenever required by the Employer, submit details of the arrangements and methods which the Contractor proposes to adopt for the execution of the Works. No significant alteration to these arrangements and methods shall be made without this having previously been notified to the Employer.

4.2 Bảo lãnh thực hiện Hợp đồng

4.2 Performance Security

Nhà thầu (bằng chi phí của mình) phải có Bảo lãnh thực hiện Hợp đồng với giá trị và đồng tiền đã xác định trong Điều kiện cụ thể để thực hiện đúng Hợp đồng. Nếu trong Điều kiện cụ thể không quy định giá trị bảo lãnh, thì Điều này sẽ không được áp dụng.

The Contractor shall obtain (at his cost) a Performance Security for proper performance, in the amount and currencies stated in the Particular Conditions. If an amount is not stated in the Appendix to Tender, this Sub-Clause shall not apply.

Nhà thầu phải nộp Bảo lãnh thực hiện Hợp đồng cho Chủ đầu tư trong vòng 15 Ngày sau khi cả hai Bên đã ký Thỏa thuận Hợp đồng.

The Contractor shall deliver the Performance Security to the Employer within 15 Days after both Parties have signed the Contract Agreement.

Nhà thầu phải bảo đảm rằng Bảo lãnh thực hiện Hợp đồng có giá trị hiệu lực tới khi Nhà thầu đã thi công và hoàn thành Công trình và được Chủ đầu tư cấp Giấy chứng nhận nghiệm thu và bàn giao Công trình. Nếu các điều khoản của Bảo lãnh thực hiện Hợp đồng nêu rõ Ngày hết hạn và Nhà thầu chưa được phép nhận Giấy chứng nhận nghiệm thu và bàn giao Công trình vào thời điểm 28 Ngày trước Ngày hết hạn, Nhà thầu phải thực hiện việc gia hạn hiệu lực của Bảo lãnh thực hiện Hợp đồng cho tới khi được Chủ đầu tư cấp Giấy chứng nhận nghiệm thu và bàn giao Công trình.

The Contractor shall ensure that the Performance Security is valid and enforceable until the Contractor has executed and completed the Works and the Employer has issued the Taking-Over Certificate. If the terms of the Performance Security specify its expiry date, and the Contractor has not become entitled to receive the Taking-Over Certificate by the date 28 days prior to the expiry date, the Contractor shall extend the validity of the Performance Security until the Employer's issue of the Taking-Over Certificate.

DỊCH THUẬT SMS

[Dịch thuật tiếng Anh](#) | [Dịch thuật tiếng Hoa](#) | [Dịch thuật tiếng Nhật](#)
[Dịch thuật tiếng Hàn](#) | [Dịch thuật website](#) | [Dịch tài liệu kỹ thuật](#)
[Dịch thuật video](#) | [Thu âm lồng tiếng đa ngôn ngữ](#) | [Chèn phụ đề đa ngôn ngữ](#)

Liên hệ: **0934.436.040** (Zalo, Viber)

✉ baogia@dichthuatsms.com | www.dichthuatsms.com



- Đây là **bản xem trước**, chỉ thể hiện **50%** tài liệu.
 - **ĐẶT MUA** và **thanh toán** tại www.dichthuatsms.com để nhận **file word** đầy đủ ngay lập tức.
 - Hoặc **GỬI YÊU CẦU DỊCH THUẬT** cho tài liệu của bạn.
-
- Liên hệ **0934.436.040** (**Zalo, Viber**) để hỗ trợ ngay.

MẪU ĐIỀU KIỆN HỢP ĐỒNG CHUẨN FIDIC – SONG NGỮ VIỆT ANH

4.3 Đại diện Nhà thầu

4.3 Contractor's Representative

Nhà thầu phải chỉ định Đại diện Nhà thầu và uỷ quyền cho người đại diện hành động thay mặt Nhà thầu theo Hợp đồng.

The Contractor shall appoint the Contractor's Representative and shall give him all authority necessary to act on the Contractor's behalf under the Contract.

Trừ khi đại diện Nhà thầu được nêu tên trong Hợp đồng trước Ngày bắt đầu công việc, Nhà thầu phải trình tên và các thông tin chi tiết của người mà Nhà thầu chỉ định là Đại diện Nhà thầu để Chủ đầu tư xem xét, thống nhất. Nếu người này không được chấp nhận hoặc sau đó bị gạt bỏ hoặc nếu người được bổ nhiệm không thực hiện với tư cách là Đại diện Nhà thầu thì Nhà thầu phải trình tên và các thông tin chi tiết của người đại diện khác thích hợp cho vị trí này tương tự như trên. Chủ đầu tư có hai (02) ngày làm việc để xét duyệt đề trình bổ nhiệm của Nhà thầu; việc Chủ đầu tư không phản hồi trong hạn thời gian trên sẽ được coi như đồng ý với đề xuất của Nhà thầu.

Unless the Contractor's Representative is named in the Contract, the Contractor shall, prior to the Commencement Date, submit to the Employer for consent the name and particulars of the person the Contractor proposes to appoint as Contractor's Representative. If consent is withheld or subsequently revoked, or if the appointed person fails to act as Contractor's Representative, the Contractor shall similarly submit the name and particulars of another suitable person for such appointment. If the Employer does not respond to the Contractor within two (02) business days after receiving this submission, the Employer shall be deemed to have given the Employer's consent.

Đại diện Nhà thầu phải thay mặt Nhà thầu tiếp nhận các chỉ dẫn theo Điều 3.4 [Các chỉ dẫn].

The Contractor's Representative shall, on behalf of the Contractor, receive instructions under Sub-Clause 3.3 [Instructions of the Employer].

Đại diện Nhà thầu có thể uỷ nhiệm quyền, chức năng và thẩm quyền cho bất kỳ người nào có năng lực và có thể huỷ bỏ sự uỷ nhiệm này tại thời điểm bất kỳ. Việc uỷ nhiệm hoặc huỷ bỏ sẽ chỉ có hiệu lực khi Chủ đầu tư nhận được thông báo trước do Đại diện Nhà thầu ký, có nêu tên người này và quy định quyền, chức năng và thẩm quyền được uỷ nhiệm hoặc huỷ bỏ.

The Contractor's Representative may delegate any powers, functions and authority to any competent person, and may at any time revoke the delegation. Any delegation or revocation shall not take effect until the Employer has received prior notice signed by

DỊCH THUẬT SMS

[Dịch thuật tiếng Anh](#) | [Dịch thuật tiếng Hoa](#) | [Dịch thuật tiếng Nhật](#)
[Dịch thuật tiếng Hàn](#) | [Dịch thuật website](#) | [Dịch tài liệu kỹ thuật](#)
[Dịch thuật video](#) | [Thu âm lồng tiếng đa ngôn ngữ](#) | [Chèn phụ đề đa ngôn ngữ](#)

Liên hệ: **0934.436.040** (Zalo, Viber)

✉ baogia@dichthuatsms.com | www.dichthuatsms.com



- Đây là **bản xem trước**, chỉ thể hiện **50%** tài liệu.
 - **ĐẶT MUA** và **thanh toán** tại www.dichthuatsms.com để nhận **file word** đầy đủ ngay lập tức.
 - Hoặc **GỬI YÊU CẦU DỊCH THUẬT** cho tài liệu của bạn.
-
- Liên hệ **0934.436.040** (**Zalo, Viber**) để hỗ trợ ngay.

MẪU ĐIỀU KIỆN HỢP ĐỒNG CHUẨN FIDIC – SONG NGỮ VIỆT ANH

4.6 Hợp tác

4.6 Co-operation

Nhà thầu phải, theo như quy định trong Hợp đồng hoặc chỉ dẫn của Chủ đầu tư, tạo điều kiện thực hiện công việc thích hợp cho:

The Contractor shall, as specified in the Contract or as instructed by the Employer, allow appropriate opportunities for carrying out work to:

(a) Nhân lực của Chủ đầu tư;

(a) the Employer's Personnel,

(b) Các Nhà thầu khác do Chủ đầu tư thuê; và

(b) any other contractors employed by the Employer, and

(c) Các nhân viên của các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền,

(c) the personnel of any legally constituted public authorities,

là những người có thể được thuê để thực hiện công việc không có trong Hợp đồng ngay tại Công trường hoặc gần Công trường.

who may be employed in the execution on or near the Site of any work not included in the Contract.

Trong trường hợp, và ở mức độ nào đó, sự chỉ dẫn đó khiến Nhà thầu phải chịu Chi phí trong khoản mà một Nhà thầu có kinh nghiệm cũng không thể lường trước được khi nộp Hồ sơ dự thầu thì sẽ làm Thay đổi điều chỉnh. Các dịch vụ cho những người này và các nhà thầu khác có thể bao gồm việc sử dụng Thiết bị của Nhà thầu, các Công trình tạm hoặc những bố trí tiếp cận đang thuộc trách nhiệm của Nhà thầu.

Any such instruction shall constitute a Variation if and to the extent that it causes the Contractor to incur Unforeseeable Cost. Services for these personnel and other contractors may include the use of Contractor's Equipment, Temporary Works or access arrangements which are the responsibility of the Contractor.

Nhà thầu phải chịu trách nhiệm về các hoạt động thi công xây lắp của mình trên Công trường, và phải phối hợp các hoạt động của mình với hoạt động của các Nhà thầu khác ở phạm vi (nếu có) được nêu rõ trong Yêu cầu Kỹ thuật.

The Contractor shall be responsible for his construction activities on the Site, and shall co-ordinate his own activities with those of other contractors to the extent (if any) specified in the Employer's Requirements.

DỊCH THUẬT SMS

[Dịch thuật tiếng Anh](#) | [Dịch thuật tiếng Hoa](#) | [Dịch thuật tiếng Nhật](#)
[Dịch thuật tiếng Hàn](#) | [Dịch thuật website](#) | [Dịch tài liệu kỹ thuật](#)
[Dịch thuật video](#) | [Thu âm lồng tiếng đa ngôn ngữ](#) | [Chèn phụ đề đa ngôn ngữ](#)

Liên hệ: **0934.436.040** (Zalo, Viber)

✉ baogia@dichthuatsms.com | www.dichthuatsms.com



- Đây là **bản xem trước**, chỉ thể hiện **50%** tài liệu.
 - **ĐẶT MUA** và **thanh toán** tại www.dichthuatsms.com để nhận **file word** đầy đủ ngay lập tức.
 - Hoặc **GỬI YÊU CẦU DỊCH THUẬT** cho tài liệu của bạn.
-
- Liên hệ **0934.436.040** (**Zalo, Viber**) để hỗ trợ ngay.

MẪU ĐIỀU KIỆN HỢP ĐỒNG CHUẨN FIDIC – SONG NGỮ VIỆT ANH

(d) provide fencing, lighting, guarding and watching of the Works until completion and taking over under Clause 10 [Employer's Taking Over], and

(e) cung cấp các Công trình tạm (gồm đường xá, đường đi bộ, trạm gác và hàng rào, mương cống thoát nước, nhà kho, bãi chứa Thiết bị, Vật tư...) cần thiết để sử dụng phục vụ cho quá trình thực hiện Hợp đồng và bảo vệ cộng đồng và các chủ sở hữu và của những người đang cư trú ở các khu đất lân cận khi thực hiện Công trình.

(e) provide any Temporary Works (including roadways, footways, guards and fences, ditches and sewers, warehouses of Plant and Equipment, etc.) which may be necessary, because of the execution of the Works, for the use and protection of the public and of owners and occupiers of adjacent land.

4.9 Đảm bảo chất lượng

4.9 Quality Assurance

Nhà thầu phải xây dựng một hệ thống đảm bảo chất lượng để tuân thủ yêu cầu của Hợp đồng. Hệ thống này phải phù hợp với các nội dung chi tiết đã nêu trong Hợp đồng. Chủ đầu tư có quyền kiểm tra bất cứ khâu nào của hệ thống.

The Contractor shall institute a quality assurance system to demonstrate compliance with the requirements of the Contract. The system shall be in accordance with the details stated in the Contract. The Employer shall be entitled to audit any aspect of the system.

Chi tiết của tất cả các thủ tục và tài liệu cần tuân thủ phải được nộp cho Chủ đầu tư để thông tin trước khi bắt đầu mỗi giai đoạn thiết kế và thi công. Khi bất cứ tài liệu kỹ thuật nào được gửi cho Chủ đầu tư, thì phải có thể hiện bằng chứng của việc chấp thuận từ trước của Nhà thầu trên chính tài liệu đó.

Details of all procedures and compliance documents shall be submitted to the Employer for information before each design and execution stage is commenced. When any document of a technical nature is issued to the Employer, evidence of the prior approval by the Contractor himself shall be apparent on the document itself.

Việc tuân thủ hệ thống đảm bảo chất lượng không làm giảm bớt nhiệm vụ, nghĩa vụ hoặc trách nhiệm bất kỳ của Nhà thầu theo Hợp đồng.

Compliance with the quality assurance system shall not relieve the Contractor of any of his duties, obligations or responsibilities under the Contract.

DỊCH THUẬT SMS

[Dịch thuật tiếng Anh](#) | [Dịch thuật tiếng Hoa](#) | [Dịch thuật tiếng Nhật](#)
[Dịch thuật tiếng Hàn](#) | [Dịch thuật website](#) | [Dịch tài liệu kỹ thuật](#)
[Dịch thuật video](#) | [Thu âm lồng tiếng đa ngôn ngữ](#) | [Chèn phụ đề đa ngôn ngữ](#)

Liên hệ: **0934.436.040** (Zalo, Viber)

✉ baogia@dichthuatsms.com | www.dichthuatsms.com



- Đây là **bản xem trước**, chỉ thể hiện **50%** tài liệu.
 - **ĐẶT MUA** và **thanh toán** tại www.dichthuatsms.com để nhận **file word** đầy đủ ngay lập tức.
 - Hoặc **GỬI YÊU CẦU DỊCH THUẬT** cho tài liệu của bạn.
-
- Liên hệ **0934.436.040** (**Zalo, Viber**) để hỗ trợ ngay.

MẪU ĐIỀU KIỆN HỢP ĐỒNG CHUẨN FIDIC – SONG NGỮ VIỆT ANH

4.12 Khó khăn không lường trước được

4.12 *Unforeseeable Physical Conditions*

Nếu, trong quá trình thực hiện Hợp đồng, Nhà thầu gặp phải trên Công trường bất kỳ điều kiện vật lý nào ngoài điều kiện khí hậu không thể lường trước một cách hợp lý trước ngày Thỏa thuận hợp đồng, và nếu Nhà thầu xác định rằng các điều kiện hoặc vật cản đó sẽ dẫn tới phát sinh thêm chi phí hoặc tăng thời gian mà Nhà thầu cần để thực hiện nghĩa vụ của mình theo Hợp đồng, Nhà thầu sẽ nhanh chóng thông báo cho Chủ đầu tư bằng văn bản về

If, during the performance of the Contract, the Contractor encounters on the Site any physical conditions other than climatic ones which are reasonably unforeseeable prior to the date of the Contract Agreement, and if the Contractor determines that such conditions or obstructions shall result in additional costs or increase in the amount of time required by the Contractor to perform his obligations under the Contract, the Contractor shall promptly notify the Employer in writing of

(a) các điều kiện vật lý hoặc vật cản nhân tạo trên Công trường không thể lường trước một cách hợp lý;

(a) the physical conditions or man-made obstructions on the Site that are reasonably unforeseeable;

(b) công việc bổ sung cần thiết, bao gồm các bước mà Nhà thầu sẽ hoặc đề xuất thực hiện để khắc phục các điều kiện hoặc chướng ngại vật đó;

(b) additional work necessary, including appropriate measures that the Contractor shall or propose to take to remedy such conditions or obstructions;

(c) mức độ chậm trễ dự kiến; và

(c) the expected delay; and

(d) chi phí phát sinh.

(d) costs incurred.

Khi nhận được bất kỳ thông báo nào từ Nhà thầu theo điều khoản này, Chủ đầu tư sẽ nhanh chóng tham khảo ý kiến với Nhà thầu và quyết định các hành động được thực hiện để khắc phục các điều kiện vật lý hoặc vật cản nhân tạo gặp phải. Sau khi trao đổi tham khảo ý kiến đó, Chủ đầu tư sẽ hướng dẫn Nhà thầu, về các hành động cần được thực hiện.

Upon receipt of any notice from the Contractor under this Sub-Clause, the Employer shall promptly consult with the Contractor and determine the measures to be taken to

DỊCH THUẬT SMS

[Dịch thuật tiếng Anh](#) | [Dịch thuật tiếng Hoa](#) | [Dịch thuật tiếng Nhật](#)
[Dịch thuật tiếng Hàn](#) | [Dịch thuật website](#) | [Dịch tài liệu kỹ thuật](#)
[Dịch thuật video](#) | [Thu âm lồng tiếng đa ngôn ngữ](#) | [Chèn phụ đề đa ngôn ngữ](#)

Liên hệ: **0934.436.040** (Zalo, Viber)

✉ baogia@dichthuatsms.com | www.dichthuatsms.com



- Đây là **bản xem trước**, chỉ thể hiện **50%** tài liệu.
 - **ĐẶT MUA** và **thanh toán** tại www.dichthuatsms.com để nhận **file word** đầy đủ ngay lập tức.
 - Hoặc **GỬI YÊU CẦU DỊCH THUẬT** cho tài liệu của bạn.
-
- Liên hệ **0934.436.040** (**Zalo, Viber**) để hỗ trợ ngay.

MẪU ĐIỀU KIỆN HỢP ĐỒNG CHUẨN FIDIC – SONG NGỮ VIỆT ANH

(b) việc tiếp cận và sử dụng toàn bộ đường đi, vỉa hè, bất kể chúng thuộc công cộng hay thuộc quyền kiểm soát của Chủ đầu tư hoặc của những người khác.

(b) the access to and use and occupation of all roads and footpaths, irrespective of whether they are public or in the possession of the Employer or of others.

Nhà thầu phải bồi thường và tránh cho Chủ đầu tư bị phương hại bởi tất cả các hư hỏng, tổn thất và chi phí (bao gồm các chi phí và lệ phí pháp lý) phát sinh từ bất kỳ sự can thiệp không cần thiết và không phù hợp nào nói trên.

The Contractor shall indemnify and hold the Employer harmless against and from all damages, losses and expenses (including legal fees and expenses) resulting from any such unnecessary or improper interference.

4.15 Đường vào Công trường

4.15 Access Route

Nhà thầu được xem như đã thỏa mãn về sự sẵn có và phù hợp của các tuyến đường tới Công trường. Nhà thầu phải nỗ lực một cách hợp lý trong việc tránh làm hư hỏng đường hoặc cầu do việc sử dụng và đi lại của Nhà thầu hoặc Nhân lực của Nhà thầu gây ra. Những nỗ lực này phải bao gồm việc sử dụng đúng các phương tiện và tuyến đường thích hợp.

The Contractor shall be deemed to have been satisfied as to the suitability and availability of access routes to the Site. The Contractor shall use reasonable efforts to prevent any road or bridge from being damaged by the Contractor's traffic or by the Contractor's Personnel. These efforts shall include the proper use of appropriate vehicles and routes.

Trừ trường hợp có quy định khác trong Những điều kiện này:

Except as otherwise stated in these Conditions:

(a) Nhà thầu (trong quan hệ giữa các Bên) sẽ phải chịu trách nhiệm bảo dưỡng nếu cần khi sử dụng các tuyến đường đó;

(a) the Contractor shall (as between the Parties) be responsible for any maintenance which may be required for his use of access routes;

(b) Nhà thầu phải cung cấp các biển hiệu, biển chỉ dẫn cần thiết dọc tuyến đường và phải xin phép nếu các cơ quan liên quan yêu cầu cho việc sử dụng các tuyến đường, biển hiệu, biển chỉ dẫn;

DỊCH THUẬT SMS

[Dịch thuật tiếng Anh](#) | [Dịch thuật tiếng Hoa](#) | [Dịch thuật tiếng Nhật](#)
[Dịch thuật tiếng Hàn](#) | [Dịch thuật website](#) | [Dịch tài liệu kỹ thuật](#)
[Dịch thuật video](#) | [Thu âm lồng tiếng đa ngôn ngữ](#) | [Chèn phụ đề đa ngôn ngữ](#)

Liên hệ: **0934.436.040** (Zalo, Viber)

✉ baogia@dichthuatsms.com | www.dichthuatsms.com



- Đây là **bản xem trước**, chỉ thể hiện **50%** tài liệu.
 - **ĐẶT MUA** và **thanh toán** tại www.dichthuatsms.com để nhận **file word** đầy đủ ngay lập tức.
 - Hoặc **GỬI YÊU CẦU DỊCH THUẬT** cho tài liệu của bạn.
-
- Liên hệ **0934.436.040** (**Zalo, Viber**) để hỗ trợ ngay.

MẪU ĐIỀU KIỆN HỢP ĐỒNG CHUẨN FIDIC – SONG NGỮ VIỆT ANH

(c) Nhà thầu phải bồi thường và bảo đảm Chủ đầu tư không chịu trách nhiệm đối với các hư hỏng, mất mát và chi phí (kể cả chi phí và lệ phí pháp lý) do việc vận chuyển hàng hoá, và phải thương lượng và thanh toán toàn bộ yêu cầu đòi đền bù phát sinh từ việc vận tải hàng hóa của Nhà thầu.

(c) the Contractor shall indemnify and hold the Employer harmless against and from all damages, losses and expenses (including legal fees and expenses) resulting from the transport of Goods, and shall negotiate and pay all claims arising from their transport.

4.17 Thiết bị của Nhà thầu

4.17 Contractor's Equipment

Nhà thầu phải chịu trách nhiệm đối với toàn bộ Thiết bị của Nhà thầu. Khi được đưa tới Công trình, Thiết bị của Nhà thầu phải để dùng riêng cho việc thi công Công trình.

The Contractor shall be responsible for all Contractor's Equipment. When brought on to the Site, Contractor's Equipment shall be deemed to be exclusively intended for the execution of the Works.

Tất cả các Thiết bị của Nhà thầu phải được giữ trong điều kiện làm việc tốt nhất và chuẩn bị sẵn sàng sửa chữa và thay thế ngay các Thiết bị bị hư hỏng hoặc làm việc không hiệu quả.

All Contractor's Equipment shall be kept in the best working condition and prepared for prompt repair and replacement of damaged or ineffective equipment.

4.18 Bảo vệ môi trường

4.18 Protection of the Environment

Nhà thầu phải thực hiện các cam kết bảo vệ môi trường theo đúng quy định (cả trên và ngoài Công trường) và để hạn chế thiệt hại, ảnh hưởng tới con người và tài sản do ô nhiễm, tiếng ồn và các hậu quả khác từ hoạt động của Nhà thầu gây ra.

The Contractor shall take all reasonable steps to protect the environment (both on and off the Site) and to limit damage and nuisance to people and property resulting from pollution, noise and other results of his operations.

Nhà thầu phải đảm bảo rằng các khí thải, chất thải trên mặt đất và dòng thải do hoạt động của Nhà thầu không được vượt quá mức đã qui định trong Yêu cầu Kỹ thuật và không được vượt quá mức qui định của luật hiện hành. Nếu có tổn thất, thiệt hại đối với môi trường xung quanh dự án do hoạt động của Nhà thầu thì Nhà thầu phải hoàn

DỊCH THUẬT SMS

[Dịch thuật tiếng Anh](#) | [Dịch thuật tiếng Hoa](#) | [Dịch thuật tiếng Nhật](#)
[Dịch thuật tiếng Hàn](#) | [Dịch thuật website](#) | [Dịch tài liệu kỹ thuật](#)
[Dịch thuật video](#) | [Thu âm lồng tiếng đa ngôn ngữ](#) | [Chèn phụ đề đa ngôn ngữ](#)

Liên hệ: **0934.436.040** (Zalo, Viber)

✉ baogia@dichthuatsms.com | www.dichthuatsms.com



- Đây là **bản xem trước**, chỉ thể hiện **50%** tài liệu.
 - **ĐẶT MUA** và **thanh toán** tại www.dichthuatsms.com để nhận **file word** đầy đủ ngay lập tức.
 - Hoặc **GỬI YÊU CẦU DỊCH THUẬT** cho tài liệu của bạn.
-
- Liên hệ **0934.436.040** (**Zalo, Viber**) để hỗ trợ ngay.

MẪU ĐIỀU KIỆN HỢP ĐỒNG CHUẨN FIDIC – SONG NGỮ VIỆT ANH

set out in Appendix 3: "Documents and materials provided by the Employer". Unless otherwise stated in the Employer's Requirements:

(a) Chủ đầu tư phải chịu trách nhiệm đối với Thiết bị của Chủ đầu tư; trừ khi

(a) the Employer shall be responsible for the Employer's Equipment, except that

(b) Nhà thầu phải chịu trách nhiệm đối với từng Thiết bị của Chủ đầu tư nếu Nhân lực của Nhà thầu vận hành, lái, điều khiển hoặc quản lý hoặc kiểm soát.

(b) the Contractor shall be responsible for each item of Employer's Equipment whilst any of the Contractor's Personnel is operating it, driving it, directing it or in possession or control of it.

Chủ đầu tư tự phải chịu rủi ro và chi phí của mình để cung cấp những vật tư này tại thời điểm và địa điểm được quy định trong Hợp đồng. Nhà thầu sẽ kiểm tra những Vật tư này bằng trực quan, và phải thông báo kịp thời cho Chủ đầu tư về sự thiếu hụt, sai sót hoặc lỗi của những Vật tư này. Trừ khi hai Bên có thoả thuận khác, Chủ đầu tư phải khắc phục ngay sự thiếu hụt, sai sót hoặc lỗi như đã được thông báo.

The Employer shall, at his risk and cost, provide these materials at the time and place specified in the Contract. The Contractor shall then visually inspect them, and shall promptly give notice to the Employer of any shortage, defect or default in these materials. Unless otherwise agreed by both Parties, the Employer shall immediately rectify the notified shortage, defect or default.

Sau khi đã kiểm tra trực quan, Vật tư cấp miễn phí sẽ phải được Nhà thầu bảo quản và giám sát cẩn thận. Trách nhiệm kiểm tra, bảo quản của Nhà thầu không làm giảm bớt trách nhiệm của Chủ đầu tư đối với sự thiếu hụt, sai sót, lỗi không thấy rõ khi kiểm tra bằng mắt.

After this visual inspection, the free-issue materials shall come under the care, custody and control of the Contractor. The Contractor's obligations of inspection, care, custody and control shall not relieve the Employer of liability for any shortage, defect or default not apparent from a visual inspection.

4.21 Báo cáo tiến độ

4.21 Progress Reports

Trừ khi có quy định khác trong Điều kiện cụ thể, Nhà thầu phải lập các báo cáo tiến độ hàng tháng và trình nộp cho Chủ đầu tư.

Unless otherwise stated in the Particular Conditions, monthly progress reports shall be prepared by the Contractor and submitted to the Employer.

DỊCH THUẬT SMS

[Dịch thuật tiếng Anh](#) | [Dịch thuật tiếng Hoa](#) | [Dịch thuật tiếng Nhật](#)
[Dịch thuật tiếng Hàn](#) | [Dịch thuật website](#) | [Dịch tài liệu kỹ thuật](#)
[Dịch thuật video](#) | [Thu âm lồng tiếng đa ngôn ngữ](#) | [Chèn phụ đề đa ngôn ngữ](#)

Liên hệ: **0934.436.040** (Zalo, Viber)

✉ baogia@dichthuatsms.com | www.dichthuatsms.com



- Đây là **bản xem trước**, chỉ thể hiện **50%** tài liệu.
 - **ĐẶT MUA** và **thanh toán** tại www.dichthuatsms.com để nhận **file word** đầy đủ ngay lập tức.
 - Hoặc **GỬI YÊU CẦU DỊCH THUẬT** cho tài liệu của bạn.
-
- Liên hệ **0934.436.040** (**Zalo, Viber**) để hỗ trợ ngay.

MẪU ĐIỀU KIỆN HỢP ĐỒNG CHUẨN FIDIC – SONG NGỮ VIỆT ANH

(g) số liệu thống kê về an toàn, bao gồm chi tiết của các hoạt động và các trường hợp nguy hại liên quan đến yếu tố môi trường và cộng đồng; và

(g) safety statistics, including details of any hazardous incidents and activities relating to environmental aspects and public relations; and

(h) so sánh tiến độ theo kế hoạch và thực tế, với chi tiết của mọi sự việc hoặc tình huống có thể gây rủi ro đến công tác hoàn thành theo Hợp đồng, và các biện pháp đang (hoặc sẽ) được áp dụng để khắc phục chậm trễ đó.

(h) comparisons of actual and planned progress, with details of any events or circumstances which may jeopardise the completion in accordance with the Contract, and the measures being (or to be) adopted to overcome delays.

4.22 An ninh Công trường

4.22 Security of the Site

Trừ khi có quy định khác trong Điều kiện cụ thể:

Unless otherwise stated in the Particular Conditions:

(a) Nhà thầu phải chịu trách nhiệm về việc canh gác không cho phép những người không có nhiệm vụ vào Công trường, và

(a) the Contractor shall be responsible for keeping unauthorised persons off the Site, and

(b) Những người có nhiệm vụ phải giới hạn trong phạm vi Nhân lực của Nhà thầu và Nhân lực của Chủ đầu tư và những người khác do Chủ đầu tư (hoặc người đại diện) thông báo cho Nhà thầu biết, là những người có thẩm quyền của các nhà thầu khác mà Chủ đầu tư thuê làm việc trên Công trường.

(b) authorised persons shall be limited to the Contractor's Personnel and the Employer's Personnel; and to any other personnel notified to the Contractor, by the Employer or the Employer, as authorised personnel of the Employer's other contractors on the Site.

4.23 Hoạt động của Nhà thầu trên Công trường

4.23 Contractor's Operations on Site

Nhà thầu phải giới hạn các hoạt động của mình trong phạm vi Công trường, và khu vực nào khác mà Nhà thầu đã xin phép và được Chủ đầu tư đồng ý là nơi làm việc. Nhà thầu phải có sự chú ý cần thiết để giữ cho Thiết bị của Nhà thầu và Nhân lực của

DỊCH THUẬT SMS

[Dịch thuật tiếng Anh](#) | [Dịch thuật tiếng Hoa](#) | [Dịch thuật tiếng Nhật](#)
[Dịch thuật tiếng Hàn](#) | [Dịch thuật website](#) | [Dịch tài liệu kỹ thuật](#)
[Dịch thuật video](#) | [Thu âm lồng tiếng đa ngôn ngữ](#) | [Chèn phụ đề đa ngôn ngữ](#)

Liên hệ: **0934.436.040** (Zalo, Viber)

✉ baogia@dichthuatsms.com | www.dichthuatsms.com



- Đây là **bản xem trước**, chỉ thể hiện **50%** tài liệu.
 - **ĐẶT MUA** và **thanh toán** tại www.dichthuatsms.com để nhận **file word** đầy đủ ngay lập tức.
 - Hoặc **GỬI YÊU CẦU DỊCH THUẬT** cho tài liệu của bạn.
-
- Liên hệ **0934.436.040** (**Zalo, Viber**) để hỗ trợ ngay.

MẪU ĐIỀU KIỆN HỢP ĐỒNG CHUẨN FIDIC – SONG NGỮ VIỆT ANH

All fossils, coins, articles of value or antiquity, and structures and other remains or items of geological or archaeological interest found on the Site shall be placed under the care and authority of the Employer. The Contractor shall take reasonable precautions to prevent Contractor's Personnel or other persons from removing or damaging any of these findings.

Khi phát hiện ra những đồ vật này, Nhà thầu phải thông báo ngay cho Chủ đầu tư để hướng dẫn giải quyết. Nếu Nhà thầu gặp phải sự chậm trễ và/hoặc phải chịu Chi phí vì thực hiện theo hướng dẫn đó thì Nhà thầu phải thông báo tiếp cho Chủ đầu tư và sẽ được quyền như sau tùy thuộc quy định tại Điều 20.1 [*Khiếu nại của Nhà thầu*]:

The Contractor shall, upon discovery of any such finding, promptly give notice to the Employer, who shall issue instructions for dealing with it. If the Contractor suffers delay and/or incurs Cost from complying with the instructions, the Contractor shall give a further notice to the Employer and shall be entitled subject to Sub-Clause 20.1 [Contractor's Claims] to:

(a) gia hạn thời gian vì sự chậm trễ này, nếu việc hoàn thành bị chậm trễ hoặc sẽ bị chậm trễ, căn cứ theo Điều 8.4 [*Gia hạn Thời hạn hoàn thành*]; và

(a) *an extension of time for any such delay, if completion is or will be delayed, under Sub-Clause 8.4 [Extension of Time for Completion], and*

(b) thanh toán các Chi phí phát sinh, khoản này sẽ được tính vào Giá hợp đồng.

(b) *payment of any such Cost, which shall be included in the Contract Price.*

Sau khi nhận được thông báo tiếp theo này, Chủ đầu tư phải tiến hành theo Điều 3.5 [*Quyết định*] để thỏa thuận đồng ý và ra quyết định cho những vấn đề này.

After receiving this further notice, the Employer shall proceed in accordance with Sub-Clause 3.5 [Determinations] to agree or determine these matters.

4.25. Bảo lãnh bảo hành

4.25. Warranty Guarantee

Nhà thầu (bằng chi phí của mình) phải đệ trình Bảo lãnh bảo hành cho Chủ đầu tư vô điều kiện và không hủy ngang sau khi hoàn thành công trình. Giá trị của Bảo lãnh bảo hành cho Công trình được quy định tại Điều kiện Cụ thể của Hợp đồng.

The Contractor (at his own expense) shall submit the unconditional and irrevocable Warranty Guarantee to the Employer upon completion of the Works. The value of the Warranty Guarantee for the Works is specified in the Particular Conditions.

DỊCH THUẬT SMS

[Dịch thuật tiếng Anh](#) | [Dịch thuật tiếng Hoa](#) | [Dịch thuật tiếng Nhật](#)
[Dịch thuật tiếng Hàn](#) | [Dịch thuật website](#) | [Dịch tài liệu kỹ thuật](#)
[Dịch thuật video](#) | [Thu âm lồng tiếng đa ngôn ngữ](#) | [Chèn phụ đề đa ngôn ngữ](#)

Liên hệ: **0934.436.040** (Zalo, Viber)

✉ baogia@dichthuatsms.com | www.dichthuatsms.com



- Đây là **bản xem trước**, chỉ thể hiện **50%** tài liệu.
 - **ĐẶT MUA** và **thanh toán** tại www.dichthuatsms.com để nhận **file word** đầy đủ ngay lập tức.
 - Hoặc **GỬI YÊU CẦU DỊCH THUẬT** cho tài liệu của bạn.
-
- Liên hệ **0934.436.040** (**Zalo, Viber**) để hỗ trợ ngay.

MẪU ĐIỀU KIỆN HỢP ĐỒNG CHUẨN FIDIC – SONG NGỮ VIỆT ANH

such Employer's Requirements (including design criteria and calculations, if any), except as stated in this Sub-Clause below. provided that any error, inaccuracy or omission on the Contractor's design do not arise from incorrect data and information provided by the Employer.

Chủ đầu tư sẽ phải chịu trách nhiệm về tính chính xác của các phần thuộc Yêu cầu Kỹ thuật và về các dữ liệu và thông tin đã được Chủ đầu tư (hoặc Người đại diện) cung cấp như sau:

The Employer shall be responsible for the correctness of the following portions of the Employer's Requirements and of the following data and information provided by (or on behalf of) the Employer:

5.2 Tài liệu của Nhà thầu

5.2 Contractor's Documents

Tài liệu của Nhà thầu phải bao gồm tài liệu kỹ thuật được quy định trong Yêu cầu Kỹ thuật, tài liệu được yêu cầu trình để đáp ứng các phê duyệt theo quy định và tài liệu được nêu trong Điều 5.6 [*Tài liệu hoàn công*] và Điều 5.7 [*Hướng dẫn vận hành và bảo dưỡng*]. Trừ khi có quy định khác trong Yêu cầu Kỹ thuật, Tài liệu của Nhà thầu phải viết bằng ngôn ngữ giao dịch được quy định trong Điều 1.4 [*Luật và Ngôn ngữ*].

The Contractor's Documents shall comprise the technical documents specified in the Employer's Requirements, documents required to satisfy all regulatory approvals, and the documents described in Sub-Clause 5.6 [As-Built Documents] and Sub-Clause 5.7 [Operation and Maintenance Manuals]. Unless otherwise stated in the Employer's Requirements, the Contractor's Documents shall be written in the language for communications defined in Sub-Clause 1.4 [Law and Language].

Nhà thầu phải chuẩn bị tất cả các Tài liệu của Nhà thầu và các tài liệu cần thiết khác để chỉ dẫn cho Nhân lực của Nhà thầu.

The Contractor shall prepare all Contractor's Documents, and shall also prepare any other documents necessary to instruct the Contractor's Personnel.

Trừ trường hợp có quy định khác trong Yêu cầu Kỹ thuật thì mỗi lần xem xét của Chủ đầu tư có thời gian không được quá 07 Ngày tính từ Ngày Chủ đầu tư nhận được Tài liệu của Nhà thầu và thông báo của Nhà thầu. Nếu Chủ đầu tư không có phản hồi trong thời gian kể trên, Chủ đầu tư được coi là đã phê duyệt trên tài liệu đã nộp của Nhà thầu.

Unless otherwise stated in the Employer's Requirements, each review period shall not exceed 07 days, calculated from the date on which the Employer receives a Contractor's Document and the Contractor's notice. If the Employer does not respond

DỊCH THUẬT SMS

[Dịch thuật tiếng Anh](#) | [Dịch thuật tiếng Hoa](#) | [Dịch thuật tiếng Nhật](#)
[Dịch thuật tiếng Hàn](#) | [Dịch thuật website](#) | [Dịch tài liệu kỹ thuật](#)
[Dịch thuật video](#) | [Thu âm lồng tiếng đa ngôn ngữ](#) | [Chèn phụ đề đa ngôn ngữ](#)

Liên hệ: **0934.436.040** (Zalo, Viber)

✉ baogia@dichthuatsms.com | www.dichthuatsms.com



- Đây là **bản xem trước**, chỉ thể hiện **50%** tài liệu.
 - **ĐẶT MUA** và **thanh toán** tại www.dichthuatsms.com để nhận **file word** đầy đủ ngay lập tức.
 - Hoặc **GỬI YÊU CẦU DỊCH THUẬT** cho tài liệu của bạn.
-
- Liên hệ **0934.436.040** (**Zalo, Viber**) để hỗ trợ ngay.

MẪU ĐIỀU KIỆN HỢP ĐỒNG CHUẨN FIDIC – SONG NGỮ VIỆT ANH

Any such approval or consent, or any review (under this Sub-Clause or otherwise), shall not relieve the Contractor from any obligation or responsibility.

5.3 Đảm bảo của Nhà thầu

5.3 Contractor's Undertaking

Nhà thầu phải đảm bảo việc thiết kế, các tài liệu của Nhà thầu, công tác thi công và hoàn thành Công trình sẽ phải theo đúng với:

The Contractor undertakes that the design, the Contractor's Documents, the execution and the completed Works will be in accordance with:

(a) Luật của Việt Nam; và

(a) the Laws of Vietnam, and

(b) Hồ sơ hình thành Hợp đồng, như đã được bổ sung hay sửa đổi theo các Thay đổi điều chỉnh.

(b) the documents forming the Contract, as altered or modified by Variations.

5.4 Các quy định và tiêu chuẩn kỹ thuật

5.4 Technical Standards and Regulations

Công tác thiết kế, các Tài liệu của Nhà thầu, công tác thi công và Công trình sau khi hoàn thành sẽ phải tuân thủ theo các tiêu chuẩn kỹ thuật, Luật xây dựng và môi trường của Việt Nam, các Luật hiện hành áp dụng cho sản phẩm của Công trình, hoặc các tiêu chuẩn được quy định trong Yêu cầu Kỹ thuật, áp dụng đối với Công trình hoặc do các Luật hiện hành qui định.

The design, the Contractor's Documents, the execution and the completed Works shall comply with the Country's technical standards, building, construction and environmental Laws of Vietnam, Laws applicable to the product being produced from the Works, and other standards specified in the Employer's Requirements, applicable to the Works, or defined by the applicable Laws.

Tất cả những Luật này, đối với Công trình và mỗi Hạng mục công trình, phải được ưu tiên khi Công trình hay các Hạng mục công trình được Chủ đầu tư nghiệm thu theo Điều 10 [*Nghiệm thu và bàn giao cho Chủ đầu tư*]. Các điều khoản tham chiếu trong Hợp đồng về các tiêu chuẩn được ban hành sẽ được hiểu là những điều khoản tham chiếu đối với lần xuất bản được áp dụng vào Ngày cơ sở, trừ trường hợp có quy định khác.

DỊCH THUẬT SMS

[Dịch thuật tiếng Anh](#) | [Dịch thuật tiếng Hoa](#) | [Dịch thuật tiếng Nhật](#)
[Dịch thuật tiếng Hàn](#) | [Dịch thuật website](#) | [Dịch tài liệu kỹ thuật](#)
[Dịch thuật video](#) | [Thu âm lồng tiếng đa ngôn ngữ](#) | [Chèn phụ đề đa ngôn ngữ](#)

Liên hệ: **0934.436.040** (Zalo, Viber)

✉ baogia@dichthuatsms.com | www.dichthuatsms.com



- Đây là **bản xem trước**, chỉ thể hiện **50%** tài liệu.
 - **ĐẶT MUA** và **thanh toán** tại www.dichthuatsms.com để nhận **file word** đầy đủ ngay lập tức.
 - Hoặc **GỬI YÊU CẦU DỊCH THUẬT** cho tài liệu của bạn.
-
- Liên hệ **0934.436.040** (**Zalo, Viber**) để hỗ trợ ngay.

MẪU ĐIỀU KIỆN HỢP ĐỒNG CHUẨN FIDIC – SONG NGỮ VIỆT ANH

5.6 Tài liệu hoàn công

5.6 *As-Built Documents*

Nhà thầu phải chuẩn bị và kịp thời cập nhật một bộ hồ sơ đầy đủ các tài liệu hoàn công về công tác thi công Công trình, chỉ rõ chính xác các vị trí, kích thước và các chi tiết của các công tác thi công. Những tài liệu này sẽ được lưu giữ ở Công trường và được sử dụng riêng cho những mục đích của Điều này.

The Contractor shall prepare, and keep up-to-date, a complete set of "as-built" records of the execution of the Works, showing the exact as-built locations, sizes and details of the work as executed. These records shall be kept on the Site and shall be used exclusively for the purposes of this Sub-Clause.

Ngoài ra, Nhà thầu phải cung cấp cho Chủ đầu tư các bản vẽ hoàn công của Công trình, cho thấy tất cả các chi tiết Công trình được thực hiện, và đệ trình những bản vẽ đó cho Chủ đầu tư xem xét theo Điều 5.2 [*Tài liệu của Nhà thầu*]. Nhà thầu phải có được sự đồng ý của Chủ đầu tư về kích cỡ của bản vẽ, hệ thống tham chiếu và các chi tiết liên quan khác.

In addition, the Contractor shall supply to the Employer as-built drawings of the Works, showing all Works as executed, and submit them to the Employer for review under Sub-Clause 5.2 [Contractor's Documents]. The Contractor shall obtain the consent of the Employer as to their size, the referencing system, and other relevant details.

Trước khi Giấy chứng nhận nghiệm thu và bàn giao Công trình được phát hành, Nhà thầu phải cung cấp cho Chủ đầu tư bản sao của các bản vẽ hoàn công với số lượng và loại cụ thể theo Yêu cầu Kỹ thuật. Công trình sẽ không được coi là hoàn thành để nghiệm thu và bàn giao theo Điều 10.1 [*Nghiệm thu và bàn giao Công trình, Hạng mục Công trình*] cho đến khi Chủ đầu tư đã nhận được những tài liệu này.

Prior to the issue of any Taking-Over Certificate, the Contractor shall supply to the Employer the specified numbers and types of copies of the relevant as-built drawings, in accordance with the Employer's Requirements. The Works shall not be considered to be completed for the purposes of taking-over under Sub-Clause 10.1 [Taking Over of the Works and Sections] until the Employer has received these documents.

5.7 Tài liệu hướng dẫn vận hành và bảo dưỡng

5.7 *Operation and Maintenance Manuals*

Trước khi tiến hành nghiệm thu, Nhà thầu phải cung cấp cho Chủ đầu tư những tài liệu hướng dẫn vận hành và bảo dưỡng tạm thời với đầy đủ các chi tiết để Chủ đầu tư có thể vận hành, bảo dưỡng, tháo dỡ, lắp đặt lại, điều chỉnh và sửa chữa các Thiết bị.

DỊCH THUẬT SMS

[Dịch thuật tiếng Anh](#) | [Dịch thuật tiếng Hoa](#) | [Dịch thuật tiếng Nhật](#)
[Dịch thuật tiếng Hàn](#) | [Dịch thuật website](#) | [Dịch tài liệu kỹ thuật](#)
[Dịch thuật video](#) | [Thu âm lồng tiếng đa ngôn ngữ](#) | [Chèn phụ đề đa ngôn ngữ](#)

Liên hệ: **0934.436.040** (Zalo, Viber)

✉ baogia@dichthuatsms.com | www.dichthuatsms.com



- Đây là **bản xem trước**, chỉ thể hiện **50%** tài liệu.
 - **ĐẶT MUA** và **thanh toán** tại www.dichthuatsms.com để nhận **file word** đầy đủ ngay lập tức.
 - Hoặc **GỬI YÊU CẦU DỊCH THUẬT** cho tài liệu của bạn.
-
- Liên hệ **0934.436.040** (**Zalo, Viber**) để hỗ trợ ngay.

MẪU ĐIỀU KIỆN HỢP ĐỒNG CHUẨN FIDIC – SONG NGỮ VIỆT ANH

6.2 Mức lương và điều kiện lao động

6.2 Rates of Wages and Conditions of Labour

Nhà thầu sẽ trả mức lương và đưa ra các điều kiện lao động không thấp hơn so với các mức lương và điều kiện lao động được qui định cho các nghề và ngành công nghiệp trong đó công việc của người lao động được thực hiện. Nếu không có mức lương hoặc điều kiện lao động nào đã được qui định mà có thể áp dụng được thì Nhà thầu sẽ áp dụng các mức lương và điều kiện lao động không thấp hơn mức lương và điều kiện lao động chung ở địa phương mà các chủ thuê trả cho các nghề và ngành công nghiệp tương tự như của Nhà thầu.

The Contractor shall pay rates of wages, and observe conditions of labour, which are not lower than those established for the trade or industry where the work is carried out. If no established rates or conditions are applicable, the Contractor shall pay rates of wages and observe conditions which are not lower than the general level of wages and conditions observed locally by employers whose trade or industry is similar to that of the Contractor.

6.3 Nhân sự đang phục vụ cho Chủ đầu tư

6.3 Persons in the Service of Employer

Nhà thầu không được tuyển dụng, hoặc cố tuyển dụng các nhân viên hoặc người lao động trong số các Nhân lực của Chủ đầu tư.

The Contractor shall not recruit, or attempt to recruit, staff and labour from amongst the Employer's Personnel.

6.4 Luật lao động

6.4 Labour Laws

Nhà thầu phải tuân thủ tất cả các Luật lao động hiện hành được áp dụng cho Nhân lực của Nhà thầu, bao gồm cả Luật liên quan đến việc làm, sức khỏe, an toàn, phúc lợi, nhập cư, di cư và tất cả những quyền lợi hợp pháp của họ.

The Contractor shall comply with all the relevant labour Laws applicable to the Contractor's Personnel, including Laws relating to their employment, health, safety, welfare, immigration and emigration, and shall allow them all their legal rights.

Nhà thầu phải yêu cầu các nhân công của mình tuân thủ các Luật đang được áp dụng, bao gồm cả các Luật liên quan đến an toàn lao động.

DỊCH THUẬT SMS

[Dịch thuật tiếng Anh](#) | [Dịch thuật tiếng Hoa](#) | [Dịch thuật tiếng Nhật](#)
[Dịch thuật tiếng Hàn](#) | [Dịch thuật website](#) | [Dịch tài liệu kỹ thuật](#)
[Dịch thuật video](#) | [Thu âm lồng tiếng đa ngôn ngữ](#) | [Chèn phụ đề đa ngôn ngữ](#)

Liên hệ: **0934.436.040** (Zalo, Viber)

✉ baogia@dichthuatsms.com | www.dichthuatsms.com



- Đây là **bản xem trước**, chỉ thể hiện **50%** tài liệu.
 - **ĐẶT MUA** và **thanh toán** tại www.dichthuatsms.com để nhận **file word** đầy đủ ngay lập tức.
 - Hoặc **GỬI YÊU CẦU DỊCH THUẬT** cho tài liệu của bạn.
-
- Liên hệ **0934.436.040** (**Zalo, Viber**) để hỗ trợ ngay.

MẪU ĐIỀU KIỆN HỢP ĐỒNG CHUẨN FIDIC – SONG NGỮ VIỆT ANH

Nhà thầu không được cho phép bất kỳ Nhân lực của Nhà thầu duy trì chỗ ở tạm thời hoặc vĩnh cửu trong khu vực kết cấu của Công trình Vĩnh cửu.

The Contractor shall not permit any of the Contractor's Personnel to maintain any temporary or permanent living quarters within the structures forming part of the Permanent Works.

6.7 Sức khoẻ và an toàn lao động

6.7 Health and Safety

Nhà thầu phải luôn luôn thực hiện các biện pháp hợp lý để phòng cản trọng hợp lý để đảm bảo an toàn và sức khoẻ cho Nhân lực của Nhà thầu. Thông qua việc phối hợp với các cơ quan y tế địa phương, Nhà thầu phải đảm bảo rằng các nhân viên y tế, các phương tiện cấp cứu, buồng bệnh và dịch vụ cấp cứu luôn luôn sẵn sàng có mặt trên Công trường và tại các nơi ở của Nhân lực của Nhà thầu và Nhân lực của Chủ đầu tư, đồng thời phải có sự sắp xếp phù hợp để đáp ứng các yêu cầu về vệ sinh, phúc lợi cần thiết và phòng chống các dịch bệnh.

The Contractor shall at all times take all reasonable precautions to maintain the health and safety of the Contractor's Personnel. In collaboration with local health authorities, the Contractor shall ensure that medical staff, first aid facilities, sick bay and ambulance service are available at all times at the Site and at any accommodation for Contractor's and Employer's Personnel, and that suitable arrangements are made for all necessary welfare and hygiene requirements and for the prevention of epidemics.

Nhà thầu sẽ chỉ định một giám sát viên về phòng ngừa tai nạn ở Công trường, chịu trách nhiệm về đảm bảo an toàn và phòng tránh tai nạn. Giám sát viên đó phải có trình độ để đảm nhận trọng trách này, và có đủ thẩm quyền đưa ra những hướng dẫn và áp dụng những biện pháp để phòng tránh tai nạn. Trong suốt quá trình thi công Công trình, Nhà thầu phải cung cấp những gì mà người này yêu cầu để thực hiện trách nhiệm và quyền hạn này.

The Contractor shall appoint an accident prevention officer at the Site, responsible for maintaining safety and protection against accidents. This person shall be qualified for this responsibility, and shall have the authority to issue instructions and take protective measures to prevent accidents. Throughout the execution of the Works, the Contractor shall provide whatever is required by this person to exercise this responsibility and authority.

Nhà thầu sẽ gửi cho Chủ đầu tư các chi tiết về bất kỳ tai nạn nào trong thời gian sớm nhất sau khi tai nạn xảy ra. Nhà thầu sẽ lưu giữ những ghi chép, giấy tờ liên quan và báo cáo tình trạng sức khoẻ, an toàn và phúc lợi của người lao động, thiệt hại về mặt tài sản, khi Chủ đầu tư có yêu cầu hợp lý.

DỊCH THUẬT SMS

[Dịch thuật tiếng Anh](#) | [Dịch thuật tiếng Hoa](#) | [Dịch thuật tiếng Nhật](#)
[Dịch thuật tiếng Hàn](#) | [Dịch thuật website](#) | [Dịch tài liệu kỹ thuật](#)
[Dịch thuật video](#) | [Thu âm lồng tiếng đa ngôn ngữ](#) | [Chèn phụ đề đa ngôn ngữ](#)

Liên hệ: **0934.436.040** (Zalo, Viber)

✉ baogia@dichthuatsms.com | www.dichthuatsms.com



- Đây là **bản xem trước**, chỉ thể hiện **50%** tài liệu.
 - **ĐẶT MUA** và **thanh toán** tại www.dichthuatsms.com để nhận **file word** đầy đủ ngay lập tức.
 - Hoặc **GỬI YÊU CẦU DỊCH THUẬT** cho tài liệu của bạn.
-
- Liên hệ **0934.436.040** (**Zalo, Viber**) để hỗ trợ ngay.

MẪU ĐIỀU KIỆN HỢP ĐỒNG CHUẨN FIDIC – SONG NGỮ VIỆT ANH

(a) *persists in any misconduct or lack of care,*

(b) Thực hiện nhiệm vụ một cách thiếu năng lực hoặc cầu thả;

(b) *carries out duties incompetently or negligently,*

(c) Không tuân thủ bất kỳ điều khoản nào của Hợp đồng; hoặc

(c) *fails to conform with any provisions of the Contract, or*

(d) Cố ý làm những việc gây phương hại đến an toàn sức khỏe hoặc bảo vệ môi trường.

(d) *persists in any conduct which is prejudicial to safety, health, or the protection of the environment.*

Trong trường hợp đó, Nhà thầu phải chỉ định (hoặc yêu cầu chỉ định) một người thay thế sao cho thích hợp.

If appropriate, the Contractor shall then appoint (or cause to be appointed) a suitable replacement person.

6.10 Hành vi gây rối

6.10 Disorderly Conduct

Nhà thầu phải luôn luôn cẩn trọng để tránh bất kỳ những hành vi vi phạm pháp luật hoặc gây rối hoặc gây mất trật tự nào do Nhân lực của Nhà thầu gây ra, và để giữ sự bình ôn và bình yên cho con người và tài sản ngay tại Công trường và ở gần Công trường.

The Contractor shall at all times take all reasonable precautions to prevent any unlawful, riotous or disorderly conduct by or amongst the Contractor's Personnel, and to preserve peace and protection of persons and property on and near the Site.

7. THIẾT BỊ, VẬT TƯ VÀ TAY NGHỀ

7. PLANT, MATERIALS AND WORKMANSHIP

7.1 Cách thức thực hiện

7.1 Manner of Execution

Nhà thầu sẽ thực hiện việc chế tạo Thiết bị, sản xuất và gia công các Vật tư và tất cả các công việc thi công khác cho Công trình:

DỊCH THUẬT SMS

[Dịch thuật tiếng Anh](#) | [Dịch thuật tiếng Hoa](#) | [Dịch thuật tiếng Nhật](#)
[Dịch thuật tiếng Hàn](#) | [Dịch thuật website](#) | [Dịch tài liệu kỹ thuật](#)
[Dịch thuật video](#) | [Thu âm lồng tiếng đa ngôn ngữ](#) | [Chèn phụ đề đa ngôn ngữ](#)

Liên hệ: **0934.436.040** (Zalo, Viber)

✉ baogia@dichthuatsms.com | www.dichthuatsms.com



- Đây là **bản xem trước**, chỉ thể hiện **50%** tài liệu.
 - **ĐẶT MUA** và **thanh toán** tại www.dichthuatsms.com để nhận **file word** đầy đủ ngay lập tức.
 - Hoặc **GỬI YÊU CẦU DỊCH THUẬT** cho tài liệu của bạn.
-
- Liên hệ **0934.436.040** (**Zalo, Viber**) để hỗ trợ ngay.

MẪU ĐIỀU KIỆN HỢP ĐỒNG CHUẨN FIDIC – SONG NGỮ VIỆT ANH

(b) be entitled to examine, inspect, measure, and test the items of equipment listed in the Particular Conditions of Contract during production, manufacture and construction of these items.

Nhà thầu sẽ tạo mọi điều kiện cho Nhân lực của Chủ đầu tư để tiến hành các hoạt động này. Chủ đầu tư sẽ chịu toàn bộ chi phí đi lại, ăn ở liên quan đến việc tham gia kiểm tra, kiểm định của Chủ đầu tư.

The Contractor shall give the Employer's Personnel full opportunity to carry out these activities. The Employer shall bear all travel and accommodation costs related to the Employer's participation in the inspection.

Đối với các thiết bị mà Nhân lực của Chủ đầu tư được quyền xem xét, kiểm định giám định, đo lường và/hoặc thử nghiệm, Nhà thầu sẽ thông báo trước 10 ngày cho Chủ đầu tư khi các hạng mục thiết bị này được chuẩn bị sẵn sàng cho việc kiểm định. Khi đó Chủ đầu tư sẽ hoặc là tiến hành ngay việc kiểm tra, kiểm định giám định, đo lường hoặc thử nghiệm không được chậm trễ mà không có lý do hoặc thông báo ngay cho Nhà thầu là Chủ đầu tư không cần tham gia.

For equipment for which the Employer's Personnel is authorized to examine, inspect, measure and/or test, the Contractor shall give notice to the Employer no less than 10 days before it is ready for inspection. The Employer shall then either carry out the examination, inspection, measurement or testing without unreasonable delay, or promptly give notice to the Contractor that the Employer does not require to do so.

7.4 Thử nghiệm

7.4 Testing

Điều này sẽ được áp dụng cho tất cả các hoạt động thử nghiệm được nêu trong Hợp đồng, ngoài hoạt động Thử nghiệm sau khi hoàn thành (nếu có).

This Sub-Clause shall apply to all tests specified in the Contract, other than the Tests after Completion (if any).

Nhà thầu phải cung cấp các máy móc, trợ giúp, tài liệu và các thông tin khác, điện, thiết bị, nhiên liệu, vật dụng, dụng cụ, người lao động, Vật tư và nhân viên có trình độ và kinh nghiệm cần thiết để tiến hành những hoạt động thử nghiệm đã quy định một cách hiệu quả. Nhà thầu phải thống nhất với Chủ đầu tư về thời gian, địa điểm, tiến hành các thử nghiệm của Thiết bị, Vật tư và các hạng mục Công trình khác đã quy định. Chủ đầu tư sẽ chịu toàn bộ chi phí đi lại, ăn ở liên quan đến việc tham gia kiểm tra, kiểm định của Chủ đầu tư.

The Contractor shall provide all apparatus, assistance, documents and other information, electricity, equipment, fuel, consumables, instruments, labour, materials,

DỊCH THUẬT SMS

[Dịch thuật tiếng Anh](#) | [Dịch thuật tiếng Hoa](#) | [Dịch thuật tiếng Nhật](#)
[Dịch thuật tiếng Hàn](#) | [Dịch thuật website](#) | [Dịch tài liệu kỹ thuật](#)
[Dịch thuật video](#) | [Thu âm lồng tiếng đa ngôn ngữ](#) | [Chèn phụ đề đa ngôn ngữ](#)

Liên hệ: **0934.436.040** (Zalo, Viber)

✉ baogia@dichthuatsms.com | www.dichthuatsms.com



- Đây là **bản xem trước**, chỉ thể hiện **50%** tài liệu.
 - **ĐẶT MUA** và **thanh toán** tại www.dichthuatsms.com để nhận **file word** đầy đủ ngay lập tức.
 - Hoặc **GỬI YÊU CẦU DỊCH THUẬT** cho tài liệu của bạn.
-
- Liên hệ **0934.436.040** (**Zalo, Viber**) để hỗ trợ ngay.

MẪU ĐIỀU KIỆN HỢP ĐỒNG CHUẨN FIDIC – SONG NGỮ VIỆT ANH

(a) *an extension of time for any such delay, if completion is or will be delayed, under Sub-Clause 8.4 [Extension of Time for Completion], and*

(b) thanh toán khoản Chi phí bất kỳ đó (bao gồm cả chi phí phát sinh cho việc bảo vệ, kho bãi, trông coi công trường), khoản này sẽ được cộng vào Giá hợp đồng.

(b) *payment of any such Cost (including costs incurred for security, storage, and site care), which shall be included in the Contract Price.*

Sau khi nhận được thông báo, Chủ đầu tư sẽ căn cứ theo Điều 3.5 [*Quyết định*] thỏa thuận đồng ý và ra quyết định vấn đề này.

After receiving this notice, the Employer shall proceed in accordance with Sub-Clause 3.5 [Determinations] to agree or determine these matters.

Nhà thầu phải trình ngay cho Chủ đầu tư các báo cáo có xác nhận về những thử nghiệm đó. Khi các thử nghiệm quy định đã được thực hiện xong (đạt kết quả), Chủ đầu tư sẽ cấp chứng chỉ cho Nhà thầu về kết quả đó hoặc phải công nhận cho Nhà thầu về kết quả đó trong vòng 03 ngày kể từ khi thử nghiệm hoàn thành. Nếu như Chủ đầu tư không tham gia vào các thử nghiệm thì xem như Chủ đầu tư đã chấp nhận các báo cáo là chính xác.

The Contractor shall promptly forward to the Employer duly certified reports of the tests. When the specified tests have been passed, the Employer shall endorse the Contractor's test certificate, or issue a certificate to him, to that effect, within 03 days from the completion of the tests. If the Employer has not attended the tests, he shall be deemed to have accepted the readings as accurate.

7.5 Từ chối

7.5 Rejection

Nếu như kết quả của cuộc kiểm tra, kiểm định giám định, đo đạc hay thử nghiệm cho thấy có những lỗi của Thiết bị, Vật tư, thiết kế hay tay nghề hoặc không phù hợp với Hợp đồng, Chủ đầu tư có thể từ chối các Thiết bị, Vật tư, thiết kế hoặc nhân lực tay nghề bằng cách thông báo cho Nhà thầu, có nêu lý do. Nhà thầu phải sửa chữa sai sót ngay lập tức và đảm bảo các hạng mục đã bị từ chối phải tuân thủ Hợp đồng.

If, as a result of an examination, inspection, measurement or testing, any Plant, Materials, design or workmanship is found to be defective or otherwise not in accordance with the Contract, the Employer may reject the Plant, Materials, design or workmanship by giving notice to the Contractor, with reasons. The Contractor shall then promptly make good the defect and ensure that the rejected item complies with the Contract.

DỊCH THUẬT SMS

[Dịch thuật tiếng Anh](#) | [Dịch thuật tiếng Hoa](#) | [Dịch thuật tiếng Nhật](#)
[Dịch thuật tiếng Hàn](#) | [Dịch thuật website](#) | [Dịch tài liệu kỹ thuật](#)
[Dịch thuật video](#) | [Thu âm lồng tiếng đa ngôn ngữ](#) | [Chèn phụ đề đa ngôn ngữ](#)

Liên hệ: **0934.436.040** (Zalo, Viber)

✉ baogia@dichthuatsms.com | www.dichthuatsms.com



- Đây là **bản xem trước**, chỉ thể hiện **50%** tài liệu.
 - **ĐẶT MUA** và **thanh toán** tại www.dichthuatsms.com để nhận **file word** đầy đủ ngay lập tức.
 - Hoặc **GỬI YÊU CẦU DỊCH THUẬT** cho tài liệu của bạn.
-
- Liên hệ **0934.436.040** (**Zalo, Viber**) để hỗ trợ ngay.

MẪU ĐIỀU KIỆN HỢP ĐỒNG CHUẨN FIDIC – SONG NGỮ VIỆT ANH

(b) the Contractor is entitled to payment of the value of the Plant and Materials under Sub-Clause 8.10 [Payment for Plant and Materials in Event of Suspension].

Các hạng mục, ngoại trừ các hạng mục thuộc về Nhà thầu, bao gồm các vật tư đóng gói, phế liệu đã được thanh toán sẽ thuộc quyền sở hữu của Chủ đầu tư.

Items, except for those belonging to the Contractor, including paid packaging materials and scrap, shall become the property of the Employer.

7.8 Phí sử dụng

7.8 Royalties

Trừ khi có qui định khác trong Yêu cầu Kỹ thuật, Nhà thầu sẽ phải trả tiền bản quyền, tiền thuê và những tiền khác cho:

Unless otherwise stated in the Employer's Requirements, the Contractor shall pay all royalties, rents and other payments for:

(a) các Vật tư tự nhiên lấy từ bên ngoài Công trường; và

(a) natural Materials obtained from outside the Site, and

(b) việc tiêu hủy vật tư do phá dỡ, đào bới và các Vật tư dư thừa khác (có thể là tự nhiên hay nhân tạo) trừ trường hợp có bãi phế liệu trên Công trường như được nêu cụ thể trong Hợp đồng.

(b) the disposal of material from demolitions and excavations and of other surplus material (whether natural or man-made), except to the extent that disposal areas within the Site are specified in the Contract.

8. KHỞI CÔNG, CHẠM TRỄ VÀ TẠM NGỪNG

8. COMMENCEMENT, DELAYS AND SUSPENSION

8.1 Khởi công

8.1 Commencement of Works

Trừ khi có quy định khác trong Thỏa thuận Hợp đồng:

Unless otherwise stated in the Contract Agreement:

(a) Chủ đầu tư phải thông báo Ngày khởi công cho Nhà thầu trước 7 Ngày; và

DỊCH THUẬT SMS

[Dịch thuật tiếng Anh](#) | [Dịch thuật tiếng Hoa](#) | [Dịch thuật tiếng Nhật](#)
[Dịch thuật tiếng Hàn](#) | [Dịch thuật website](#) | [Dịch tài liệu kỹ thuật](#)
[Dịch thuật video](#) | [Thu âm lồng tiếng đa ngôn ngữ](#) | [Chèn phụ đề đa ngôn ngữ](#)

Liên hệ: **0934.436.040** (Zalo, Viber)

✉ baogia@dichthuatsms.com | www.dichthuatsms.com



- Đây là **bản xem trước**, chỉ thể hiện **50%** tài liệu.
 - **ĐẶT MUA** và **thanh toán** tại www.dichthuatsms.com để nhận **file word** đầy đủ ngay lập tức.
 - Hoặc **GỬI YÊU CẦU DỊCH THUẬT** cho tài liệu của bạn.
-
- Liên hệ **0934.436.040** (**Zalo, Viber**) để hỗ trợ ngay.

MẪU ĐIỀU KIỆN HỢP ĐỒNG CHUẨN FIDIC – SONG NGỮ VIỆT ANH

(a) *the order in which the Contractor intends to carry out the Works, including the anticipated timing of each major stage of the Works;*

(b) *thời gian xem xét theo Điều 5.2 [Tài liệu của Nhà thầu];*

(b) *the periods for reviews under Sub-Clause 5.2 [Contractor's Documents];*

(c) *trình tự và thời gian kiểm định giám định thử nghiệm như được nêu cụ thể trong Hợp đồng; và*

(c) *the sequence and timing of inspections and tests specified in the Contract; and*

(d) *báo cáo hỗ trợ, trong đó bao gồm:*

(d) *a supporting report which includes:*

(i) *mô tả chung về các phương pháp mà Nhà thầu định áp dụng và các giai đoạn chính trong công việc thi công Công trình; và*

(i) *a general description of the methods which the Contractor intends to adopt, and of the major stages, in the execution of the Works, and*

(ii) *số liệu về mỗi bậc Nhân viên của Nhà thầu và mỗi loại Thiết bị của Nhà thầu cho mỗi giai đoạn chính một cách tương đối chính xác.*

(ii) *details showing the Contractor's reasonable estimate of the number of each class of Contractor's Personnel and of each type of Contractor's Equipment, required on the Site for each major stage.*

Trừ khi Chủ đầu tư, trong vòng 07 Ngày sau khi nhận được chương trình tiến độ, có thông báo cho Nhà thầu biết phạm vi mà chương trình này không phù hợp với Hợp đồng, Nhà thầu sẽ thực hiện theo chương trình tiến độ cùng nghĩa vụ của mình mà Hợp đồng đã quy định. Nhân lực của Chủ đầu tư sẽ được phép dựa vào chương trình tiến độ này khi vạch ra kế hoạch các hoạt động của họ.

Unless the Employer, within 07 days after receiving a programme, gives notice to the Contractor stating the extent to which it does not comply with the Contract, the Contractor shall proceed in accordance with the programme, subject to his other obligations under the Contract. The Employer's Personnel shall be entitled to rely upon the programme when planning their activities.

Nhà thầu phải thông báo ngay lập tức cho Chủ đầu tư về các sự kiện hoặc tình huống cụ thể có thể xảy ra trong tương lai có tác động xấu hoặc làm chậm việc thi công Công trình. Trong trường hợp đó, hoặc nếu Chủ đầu tư thông báo cho Nhà thầu là chương trình không thể thực hiện được (trong phạm vi đã quy định) theo đúng Hợp đồng hoặc phù hợp với tiến trình thực tế và với các ý định của Nhà thầu, Nhà thầu phải nộp cho

DỊCH THUẬT SMS

[Dịch thuật tiếng Anh](#) | [Dịch thuật tiếng Hoa](#) | [Dịch thuật tiếng Nhật](#)
[Dịch thuật tiếng Hàn](#) | [Dịch thuật website](#) | [Dịch tài liệu kỹ thuật](#)
[Dịch thuật video](#) | [Thu âm lồng tiếng đa ngôn ngữ](#) | [Chèn phụ đề đa ngôn ngữ](#)

Liên hệ: **0934.436.040** (Zalo, Viber)

✉ baogia@dichthuatsms.com | www.dichthuatsms.com



- Đây là **bản xem trước**, chỉ thể hiện **50%** tài liệu.
 - **ĐẶT MUA** và **thanh toán** tại www.dichthuatsms.com để nhận **file word** đầy đủ ngay lập tức.
 - Hoặc **GỬI YÊU CẦU DỊCH THUẬT** cho tài liệu của bạn.
-
- Liên hệ **0934.436.040** (**Zalo, Viber**) để hỗ trợ ngay.

MẪU ĐIỀU KIỆN HỢP ĐỒNG CHUẨN FIDIC – SONG NGỮ VIỆT ANH

nhà thầu khác của Chủ đầu tư gây ra hoặc bị quy cho, hoặc do cản trở của người dân địa phương đã được xác định là không do lỗi của Nhà thầu hoặc các nhà thầu khác của Chủ đầu tư trên Công trường.

(e) any delay, impediment or prevention caused by or attributable to the Employer (including delay in payment), the Employer's Personnel, the Employer's other contractors on the Site, or the obstruction by local people which is determined through no fault of the Contractor or the Employer's other contractors on the Site.

8.5 Chậm trễ do các cấp thẩm quyền

8.5 Delays Caused by Authorities

Nếu những điều kiện sau đã đáp ứng:

If the following conditions apply, namely:

(a) Nhà thầu đã thực hiện đúng các thủ tục do các cấp thẩm quyền tại Nước sở tại quy định;

(a) the Contractor has diligently followed the procedures laid down by the relevant legally constituted public authorities in the Country,

(b) Các cấp thẩm quyền này làm chậm trễ hoặc gián đoạn công việc của Nhà thầu; và

(b) these authorities delay or disrupt the Contractor's work, and

(c) Một Nhà thầu có kinh nghiệm cũng không thể lường trước được trước khi nộp Hồ sơ dự thầu sẽ có việc làm chậm trễ hoặc gián đoạn này.

(c) even an experienced contractor could not foresee such delay or disruption prior to the submission of the Tender.

thì việc chậm trễ hoặc gián đoạn này sẽ được xem như là nguyên nhân gây chậm trễ theo Điều 8.4 [*Gia hạn Thời hạn hoàn thành*].

then this delay or disruption will be considered as a cause of delay under Sub-Clause 8.4 [Extension of Time for Completion].

8.6 Tiến độ thực hiện

8.6 Rate of Progress

Nếu, bất cứ lúc nào:

If, at any time:

DỊCH THUẬT SMS

[Dịch thuật tiếng Anh](#) | [Dịch thuật tiếng Hoa](#) | [Dịch thuật tiếng Nhật](#)
[Dịch thuật tiếng Hàn](#) | [Dịch thuật website](#) | [Dịch tài liệu kỹ thuật](#)
[Dịch thuật video](#) | [Thu âm lồng tiếng đa ngôn ngữ](#) | [Chèn phụ đề đa ngôn ngữ](#)

Liên hệ: **0934.436.040** (Zalo, Viber)

✉ baogia@dichthuatsms.com | www.dichthuatsms.com



- Đây là **bản xem trước**, chỉ thể hiện **50%** tài liệu.
 - **ĐẶT MUA** và **thanh toán** tại www.dichthuatsms.com để nhận **file word** đầy đủ ngay lập tức.
 - Hoặc **GỬI YÊU CẦU DỊCH THUẬT** cho tài liệu của bạn.
-
- Liên hệ **0934.436.040** (**Zalo, Viber**) để hỗ trợ ngay.

MẪU ĐIỀU KIỆN HỢP ĐỒNG CHUẨN FIDIC – SONG NGỮ VIỆT ANH

Khoản tiền phạt này là khoản bồi thường Nhà thầu phải trả do lỗi chậm trễ đã gây ra, không phải thuộc trường hợp chấm dứt theo Điều 15.2 [*Chấm dứt Hợp đồng bởi Chủ đầu tư*] trước khi hoàn thành Công trình. Việc nộp phạt không làm giảm nghĩa vụ hoàn thành Công trình hoặc bất cứ trách nhiệm, nghĩa vụ nào của Nhà thầu theo Hợp đồng.

These delay damages shall be the only damages due from the Contractor for such default, other than in the event of termination under Sub-Clause 15.2 [Termination by Employer] prior to completion of the Works. These damages shall not relieve the Contractor from his obligation to complete the Works, or from any other duties, obligations or responsibilities which he may have under the Contract.

b. Nếu Chủ đầu tư chậm trễ thanh toán cho Nhà thầu hoặc chậm trễ trong việc cung theo thời hạn thanh toán quy định tại điều này, Chủ đầu tư phải chịu phạt một khoản tiền tương ứng với giá trị hợp đồng thanh toán chậm cho mỗi ngày chậm thanh toán; giá trị phạt được quy định trong Điều kiện cụ thể. Đồng thời, thời hạn thực hiện hợp đồng của Nhà thầu cũng sẽ được kéo dài tương ứng với mỗi ngày chậm thanh toán của Chủ Đầu tư.

b. If the Employer fails to pay the Contractor or fails to do so by due dates specified in this clause, the Employer shall pay a penalty amount on the value of late payment for each day of late payment; the penalty value is specified in the Particular Conditions. Also, the Time for Completion of the Contractor shall be extended for each day of late payment of the Employer.

8.8 Tạm ngừng công việc

8.8 Suspension of Work

Chủ đầu tư vào bất cứ lúc nào đều có thể yêu cầu Nhà thầu tạm ngừng thực hiện công việc của một phần hay toàn bộ Công trình. Trong thời gian tạm ngừng đó, Nhà thầu phải có biện pháp bảo vệ, đảm bảo hạng mục hoặc Công trình không bị xuống cấp, mất mát hay bị hư hỏng; chi phí phát sinh cho việc thực hiện các việc bảo vệ các hạng mục trên sẽ do Chủ đầu tư chịu trách nhiệm.

The Employer may at any time instruct the Contractor to suspend progress of part or all of the Works. During such suspension, the Contractor shall protect, store and secure such part or the Works against any deterioration, loss or damage; costs incurred to protect, store and secure such items shall be borne by the Employer.

Khi nhận được thông báo ngừng thực hiện công việc từ Chủ đầu tư, trừ khi thông báo đó có yêu cầu khác, Nhà thầu phải:

Upon receipt of notice of termination from the Employer, unless such notice requires otherwise, the Contractor shall:

DỊCH THUẬT SMS

[Dịch thuật tiếng Anh](#) | [Dịch thuật tiếng Hoa](#) | [Dịch thuật tiếng Nhật](#)
[Dịch thuật tiếng Hàn](#) | [Dịch thuật website](#) | [Dịch tài liệu kỹ thuật](#)
[Dịch thuật video](#) | [Thu âm lồng tiếng đa ngôn ngữ](#) | [Chèn phụ đề đa ngôn ngữ](#)

Liên hệ: **0934.436.040** (Zalo, Viber)

✉ baogia@dichthuatsms.com | www.dichthuatsms.com



- Đây là **bản xem trước**, chỉ thể hiện **50%** tài liệu.
 - **ĐẶT MUA** và **thanh toán** tại www.dichthuatsms.com để nhận **file word** đầy đủ ngay lập tức.
 - Hoặc **GỬI YÊU CẦU DỊCH THUẬT** cho tài liệu của bạn.
-
- Liên hệ **0934.436.040** (**Zalo, Viber**) để hỗ trợ ngay.

MẪU ĐIỀU KIỆN HỢP ĐỒNG CHUẨN FIDIC – SONG NGỮ VIỆT ANH

(a) *an extension of time for any such delay, if completion is or will be delayed, under Sub-Clause 8.4 [Extension of Time for Completion], and*

(b) *thanh toán cho khoản Chi phí phát sinh (bao gồm các chi phí liên quan đến gia hạn các bảo lãnh và bảo lãnh thanh toán), khoản này sẽ được cộng vào Giá hợp đồng.*

(b) *payment of any of the Cost incurred (including costs related to the extension of guarantees and payment guarantees), which shall be included in the Contract Price.*

Sau khi nhận được thông báo này, Chủ đầu tư phải tiến hành theo Điều 3.5 [*Quyết định*] để thống nhất và đưa ra quyết định về vấn đề này.

After receiving this notice, the Employer shall proceed in accordance with Sub-Clause 3.5 [Determinations] to agree or determine these matters.

Nhà thầu không được quyền gia hạn thời gian, hay nhận thanh toán các chi phí phát sinh do khắc phục các hậu quả của lỗi thiết kế, tay nghề hay Vật tư của Nhà thầu gây ra hoặc lỗi của Nhà thầu khi không bảo vệ, cất giữ hoặc bảo quản theo Điều 8.8 [*Tạm ngừng công việc*].

The Contractor shall not be entitled to an extension of time for, or to payment of the Cost incurred in, making good the consequences of the Contractor's faulty design, workmanship or materials, or of the Contractor's failure to protect, store or secure in accordance with Sub-Clause 8.8 [Suspension of Work].

8.10 Thanh toán cho Thiết bị và Vật tư trong trường hợp Tạm ngừng

8.10 Payment for Plant and Materials in Event of Suspension

Nhà thầu được quyền nhận thanh toán theo giá trị (vào Ngày tạm ngừng) cho Thiết bị và/hoặc Vật tư chưa được vận chuyển đến Công trường, nếu:

The Contractor shall be entitled to payment of the value (as at the date of suspension) of Plant and/or Materials which have not been delivered to Site, if:

(a) công việc đối với Thiết bị hoặc chuyển Thiết bị và/hoặc Vật tư bị tạm ngừng trên 28 Ngày; và

(a) *the work on Plant or delivery of Plant and/or Materials has been suspended for more than 28 days, and*

(b) Nhà thầu đã chứng minh Thiết bị và/hoặc Vật tư là tài sản của Chủ đầu tư theo các chỉ dẫn của Chủ đầu tư.

(b) *the Contractor has marked the Plant and/or Materials as the Employer's property in accordance with the Employer's instructions.*

DỊCH THUẬT SMS

[Dịch thuật tiếng Anh](#) | [Dịch thuật tiếng Hoa](#) | [Dịch thuật tiếng Nhật](#)
[Dịch thuật tiếng Hàn](#) | [Dịch thuật website](#) | [Dịch tài liệu kỹ thuật](#)
[Dịch thuật video](#) | [Thu âm lồng tiếng đa ngôn ngữ](#) | [Chèn phụ đề đa ngôn ngữ](#)

Liên hệ: **0934.436.040** (Zalo, Viber)

✉ baogia@dichthuatsms.com | www.dichthuatsms.com



- Đây là **bản xem trước**, chỉ thể hiện **50%** tài liệu.
 - **ĐẶT MUA** và **thanh toán** tại www.dichthuatsms.com để nhận **file word** đầy đủ ngay lập tức.
 - Hoặc **GỬI YÊU CẦU DỊCH THUẬT** cho tài liệu của bạn.
-
- Liên hệ **0934.436.040** (**Zalo, Viber**) để hỗ trợ ngay.

MẪU ĐIỀU KIỆN HỢP ĐỒNG CHUẨN FIDIC – SONG NGỮ VIỆT ANH

9. THỬ NGHIỆM HOÀN THÀNH

9. TESTS ON COMPLETION

9.1 Nghĩa vụ của Nhà thầu

9.1 Contractor's Obligations

Nhà thầu sẽ tiến hành các cuộc Thử nghiệm hoàn thành theo Điều này và Điều 7.4 [Kiểm định].

The Contractor shall carry out the Tests on Completion in accordance with this Clause and Sub-Clause 7.4 [Testing].

Nhà thầu sẽ thông báo cho Chủ đầu tư không muộn hơn 15 Ngày về Ngày mà Nhà thầu đã sẵn sàng tiến hành các cuộc Thử nghiệm hoàn thành. Trừ khi đã có thoả thuận khác, các cuộc Thử nghiệm hoàn thành sẽ được tiến hành trong vòng 14 Ngày sau Ngày đã thông báo hoặc vào Ngày mà Chủ đầu tư chỉ dẫn.

The Contractor shall give to the Employer not less than 15 days' notice of the date after which the Contractor will be ready to carry out each of the Tests on Completion. Unless otherwise agreed, Tests on Completion shall be carried out within 14 days after this date, on such day or days as the Employer shall instruct.

Trừ khi có quy định khác trong những Điều kiện cụ thể, các cuộc Thử nghiệm hoàn thành sẽ được thực hiện theo quy trình sau:

Unless otherwise stated in the Particular Conditions, the Tests on Completion shall be carried out in the following sequence:

(a) các thử nghiệm giai đoạn kiểm tra và tiền chạy thử, sẽ bao gồm các kiểm định phù hợp và thử nghiệm chức năng ("khô" hoặc "lạnh") để đảm bảo rằng mỗi hạng mục Thiết bị có thể thực hiện an toàn cho bước tiếp theo;

(a) pre-commissioning tests, which shall include the appropriate inspections and ("dry" or "cold") functional tests to demonstrate that each item of Plant can safely undertake the next stage, (b);

(b) các thử nghiệm giai đoạn chạy thử, sẽ bao gồm các kiểm định vận hành cụ thể theo quy định để cho thấy Công trình hay Hạng mục công trình có thể vận hành một cách an toàn và nếu có quy định, trong tất cả điều kiện vận hành sẵn có; và

(b) commissioning tests, which shall include the specified operational tests to demonstrate that the Works or Section can be operated safely and as specified, under all available operating conditions; and

DỊCH THUẬT SMS

[Dịch thuật tiếng Anh](#) | [Dịch thuật tiếng Hoa](#) | [Dịch thuật tiếng Nhật](#)
[Dịch thuật tiếng Hàn](#) | [Dịch thuật website](#) | [Dịch tài liệu kỹ thuật](#)
[Dịch thuật video](#) | [Thu âm lồng tiếng đa ngôn ngữ](#) | [Chèn phụ đề đa ngôn ngữ](#)

Liên hệ: **0934.436.040** (Zalo, Viber)

✉ baogia@dichthuatsms.com | www.dichthuatsms.com



- Đây là **bản xem trước**, chỉ thể hiện **50%** tài liệu.
 - **ĐẶT MUA** và **thanh toán** tại www.dichthuatsms.com để nhận **file word** đầy đủ ngay lập tức.
 - Hoặc **GỬI YÊU CẦU DỊCH THUẬT** cho tài liệu của bạn.
-
- Liên hệ **0934.436.040** (**Zalo, Viber**) để hỗ trợ ngay.

MẪU ĐIỀU KIỆN HỢP ĐỒNG CHUẨN FIDIC – SONG NGỮ VIỆT ANH

9.2 Các thử nghiệm bị chậm trễ

9.2 *Delayed Tests*

Nếu các cuộc Thử nghiệm hoàn thành quá chậm do Chủ đầu tư, thì Điều 7.4 [*Thử nghiệm*] và/hoặc Điều 10.3 [*Can thiệp vào các Thử nghiệm hoàn thành*] sẽ được áp dụng. Các chi phí phát sinh mà Chủ đầu tư phải thanh toán cho Nhà thầu sẽ bao gồm:

If the Tests on Completion are being unduly delayed by the Employer, Sub-Clause 7.4 [Testing] and/or Sub-Clause 10.3 [Interference with Tests on Completion] shall be applicable. The costs incurred that the Employer must pay to the Contractor shall include:

- Thanh toán các hạng mục thiết bị và dịch vụ theo hợp đồng mà thông thường sẽ không được thanh toán nếu hạng mục công việc chưa hoàn thành

- *Payment for items of equipment and services under the Contract that would normally not be paid if a Section is not completed.*

- Chi phí phát sinh với các thầu phụ và chi phí bảo quản, trông coi công trình.

- *Costs incurred with Subcontractors and costs of maintenance and protection of the Works.*

Nếu các cuộc Thử nghiệm hoàn thành quá chậm do Nhà thầu, Chủ đầu tư có thể bằng thông báo yêu cầu Nhà thầu tiến hành các cuộc Thử nghiệm trong vòng 21 Ngày sau khi nhận được thông báo. Nhà thầu sẽ tiến hành các cuộc Thử nghiệm hoàn thành vào Ngày hoặc các Ngày trong khoảng thời gian mà Nhà thầu có thể ấn định nhưng phải thông báo cho Chủ đầu tư.

If the Tests on Completion are being unduly delayed by the Contractor, the Employer may by notice require the Contractor to carry out the Tests within 21 days after receiving the notice. The Contractor shall carry out the Tests on such day or days within that period as the Contractor may fix and of which he shall give notice to the Employer.

Nếu Nhà thầu không tiến hành các cuộc Thử nghiệm hoàn thành trong vòng 21 Ngày thì Nhân lực của Chủ đầu tư có thể tiến hành các cuộc Thử nghiệm mà Nhà thầu phải chịu rủi ro và chi phí cho các cuộc Thử nghiệm đó. Các cuộc Thử nghiệm hoàn thành khi đó sẽ được xem như đã tiến hành với sự có mặt của Nhà thầu và kết quả Thử nghiệm sẽ được chấp nhận là chính xác.

If the Contractor fails to carry out the Tests on Completion within the period of 21 days, the Employer's Personnel may proceed with the Tests at the risk and cost of the Contractor. The Tests on Completion shall then be deemed to have been carried out in

DỊCH THUẬT SMS

[Dịch thuật tiếng Anh](#) | [Dịch thuật tiếng Hoa](#) | [Dịch thuật tiếng Nhật](#)
[Dịch thuật tiếng Hàn](#) | [Dịch thuật website](#) | [Dịch tài liệu kỹ thuật](#)
[Dịch thuật video](#) | [Thu âm lồng tiếng đa ngôn ngữ](#) | [Chèn phụ đề đa ngôn ngữ](#)

Liên hệ: **0934.436.040** (Zalo, Viber)

✉ baogia@dichthuatsms.com | www.dichthuatsms.com



- Đây là **bản xem trước**, chỉ thể hiện **50%** tài liệu.
 - **ĐẶT MUA** và **thanh toán** tại www.dichthuatsms.com để nhận **file word** đầy đủ ngay lập tức.
 - Hoặc **GỬI YÊU CẦU DỊCH THUẬT** cho tài liệu của bạn.
-
- Liên hệ **0934.436.040** (**Zalo, Viber**) để hỗ trợ ngay.

MẪU ĐIỀU KIỆN HỢP ĐỒNG CHUẨN FIDIC – SONG NGỮ VIỆT ANH

10. NGHIỆM THU VÀ BÀN GIAO CHO CHỦ ĐẦU TƯ

10. EMPLOYER'S TAKING OVER

10.1 Nghiệm thu và bàn giao Công trình, Hạng mục công trình

10.1 TAKING OVER OF THE WORKS AND SECTIONS

Trừ các trường hợp như đã quy định trong Điều 9.4 [*Không vượt qua các Thử nghiệm hoàn thành*] thì Công trình sẽ được Chủ đầu tư tiếp nhận khi (i) Công trình đã được hoàn thành theo đúng Hợp đồng và trừ những nội dung được cho phép trong khoản (a) dưới đây, và (ii) Giấy chứng nhận nghiệm thu và bàn giao Công trình đã được cấp hoặc được xem như là đã được cấp phù hợp với Điều này.

Except as stated in Sub-Clause 9.4 [Failure to Pass Tests on Completion], the Works shall be taken over by the Employer when (i) the Works have been completed in accordance with the Contract, including the matters described in Sub-Clause 8.2 [Time for Completion] and except as allowed in sub-paragraph (a) below, and (ii) a Taking-Over Certificate for the Works has been issued, or is deemed to have been issued in accordance with this Sub-Clause.

Chủ đầu tư, trong vòng 07 Ngày sau khi nhận được đề nghị của Nhà thầu, sẽ:

The Employer shall, within 07 days after receiving the Contractor's application:

(a) cấp Giấy chứng nhận nghiệm thu và bàn giao Công trình cho Nhà thầu, nêu rõ Ngày mà Công trình hay Hạng mục công trình đã được hoàn thành theo Hợp đồng, ngoại trừ các sai sót hư hỏng hoặc các công việc nhỏ còn dở dang mà không ảnh hưởng nghiêm trọng tới việc sử dụng Công trình hoặc Hạng mục công trình theo mục đích dự kiến (có thể cho đến khi hoặc trong khi các công việc này đang được hoàn chỉnh và các sai sót hư hỏng này đang được sửa chữa); hoặc

(a) issue the Taking-Over Certificate to the Contractor, stating the date on which the Works or Section were completed in accordance with the Contract, except for any minor outstanding work and defects which will not substantially affect the use of the Works or Section for their intended purpose (either until or whilst this work is completed and these defects are remedied); or

(b) bác bỏ đề nghị, đưa ra lý do và nêu cụ thể những công việc mà Nhà thầu cần phải làm để được cấp Giấy chứng nhận nghiệm thu và bàn giao Công trình. Nhà thầu sẽ phải hoàn thành những công việc này trước khi đưa ra thông báo tiếp theo như trong Điều này.

DỊCH THUẬT SMS

[Dịch thuật tiếng Anh](#) | [Dịch thuật tiếng Hoa](#) | [Dịch thuật tiếng Nhật](#)
[Dịch thuật tiếng Hàn](#) | [Dịch thuật website](#) | [Dịch tài liệu kỹ thuật](#)
[Dịch thuật video](#) | [Thu âm lồng tiếng đa ngôn ngữ](#) | [Chèn phụ đề đa ngôn ngữ](#)

Liên hệ: **0934.436.040** (Zalo, Viber)

✉ baogia@dichthuatsms.com | www.dichthuatsms.com



- Đây là **bản xem trước**, chỉ thể hiện **50%** tài liệu.
 - **ĐẶT MUA** và **thanh toán** tại www.dichthuatsms.com để nhận **file word** đầy đủ ngay lập tức.
 - Hoặc **GỬI YÊU CẦU DỊCH THUẬT** cho tài liệu của bạn.
-
- Liên hệ **0934.436.040** (**Zalo, Viber**) để hỗ trợ ngay.

MẪU ĐIỀU KIỆN HỢP ĐỒNG CHUẨN FIDIC – SONG NGỮ VIỆT ANH

(a) được quyền gia hạn thời gian để bù lại cho sự chậm trễ đó, nếu như việc hoàn thành đang hoặc sẽ bị chậm trễ, căn cứ theo Điều 8.4 [*Gia hạn Thời hạn hoàn thành*], và

(a) *an extension of time for any such delay, if completion is or will be delayed, under Sub-Clause 8.4 [Extension of Time for Completion], and*

(b) thanh toán cho Chi phí phát sinh cộng với lợi nhuận hợp lý và được cộng vào Giá hợp đồng.

(b) *payment of any such Cost plus reasonable profit, which shall be included in the Contract Price.*

Sau khi nhận được thông báo này, Chủ đầu tư sẽ đồng ý hoặc xác định những vấn đề này theo Điều 3.5 [*Quyết định*].

After receiving this notice, the Employer shall proceed in accordance with Sub-Clause 3.5 [Determinations] to agree or determine these matters.

11. TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI CÁC SAI SÓT

11. DEFECTS LIABILITY

11.1 Hoàn thành công việc còn dở dang và sửa chữa sai sót

11.1 Completion of Outstanding Work and Remedying Defects

Đề Công trình và Tài liệu của Nhà thầu và mỗi Hạng mục công trình được duy trì ở trong tình trạng tốt theo quy định của Hợp đồng (trừ trường hợp hao mòn thông thường) đến Ngày hết hạn của Thời hạn Thông báo Sai sót, Nhà thầu sẽ phải:

In order that the Works and Contractor's Documents, and each Section, shall be in the condition required by the Contract (fair wear and tear excepted) by the expiry date of the relevant Defects Notification Period or as soon as practicable thereafter, the Contractor shall:

(a) hoàn thành các công việc còn tồn đọng vào Ngày đã nêu trong Giấy chứng nhận nghiệm thu và bàn giao Công trình trong khoảng thời gian hợp lý mà Chủ đầu tư yêu cầu, và

(a) *complete any work which is outstanding on the date stated in a Taking-Over Certificate, within such reasonable time as is instructed by the Employer, and*

(b) thực hiện các công việc sửa chữa sai sót hoặc hư hỏng, mà Chủ đầu tư thông báo vào Ngày hoặc trước Ngày hết hạn của Thời hạn Thông báo Sai sót của Công trình hay Hạng mục công trình (tùy từng trường hợp).

DỊCH THUẬT SMS

[Dịch thuật tiếng Anh](#) | [Dịch thuật tiếng Hoa](#) | [Dịch thuật tiếng Nhật](#)
[Dịch thuật tiếng Hàn](#) | [Dịch thuật website](#) | [Dịch tài liệu kỹ thuật](#)
[Dịch thuật video](#) | [Thu âm lồng tiếng đa ngôn ngữ](#) | [Chèn phụ đề đa ngôn ngữ](#)

Liên hệ: **0934.436.040** (Zalo, Viber)

✉ baogia@dichthuatsms.com | www.dichthuatsms.com



- Đây là **bản xem trước**, chỉ thể hiện **50%** tài liệu.
 - **ĐẶT MUA** và **thanh toán** tại www.dichthuatsms.com để nhận **file word** đầy đủ ngay lập tức.
 - Hoặc **GỬI YÊU CẦU DỊCH THUẬT** cho tài liệu của bạn.
-
- Liên hệ **0934.436.040** (**Zalo, Viber**) để hỗ trợ ngay.

MẪU ĐIỀU KIỆN HỢP ĐỒNG CHUẨN FIDIC – SONG NGỮ VIỆT ANH

The Contractor's liability for remedying defects also does not apply to:

(a) các hàng hóa, vật tư, thiết bị được cung cấp bởi Chủ đầu tư, tiêu hao trong quá trình vận hành thông thường, hoặc vật tư thiết bị có vòng đời thấp hơn thời hạn thông báo sai sót

(a) goods, materials and equipment provided by the Employer consumed in the normal course of operation, or materials and equipment with a life span shorter than the Defects Notification Period;

(b) các thiết kế cung cấp bởi Chủ đầu tư mà Nhà thầu đã miễn trừ trách nhiệm.

(b) designs provided by the Employer for which the Contractor has disclaimed liability.

11.3 Gia hạn Thời hạn Thông báo Sai sót

11.3 Extension of Defects Notification Period

Chủ đầu tư sẽ được quyền gia hạn Thời hạn Thông báo Sai sót cho Công trình hoặc Hạng mục công trình nếu và ở mức độ mà Công trình, Hạng mục công trình hay một bộ phận chính của Công trình (tuỳ từng trường hợp và sau khi đã nghiệm thu bàn giao) không thể sử dụng được cho mục đích dự kiến do sai sót hoặc hư hỏng. Thời gian gia hạn thông báo sai sót được quy định trong Điều kiện cụ thể của Hợp đồng.

The Employer shall be entitled to an extension of the Defects Notification Period for the Works or a Section if and to the extent that the Works, Section or a major item of Plant (as the case may be, and after taking over) cannot be used for the purposes for which they are intended by reason of a defect or damage. The time limit for extension of the Defects Notification Period is specified in the Particular Conditions.

11.4 Không khắc phục sai sót

11.4 Failure to Remedy Defects

Nếu Nhà thầu không sửa chữa các sai sót hay hư hỏng trong khoảng thời gian hợp lý, Chủ đầu tư (hoặc đại diện của Chủ đầu tư) có thể ấn định Ngày để sửa chữa các sai sót hay hư hỏng. Nhà thầu sẽ được thông báo về Ngày này.

If the Contractor fails to remedy any defect or damage within a reasonable time, a date may be fixed by (or on behalf of) the Employer, on or by which the defect or damage is to be remedied. The Contractor shall be given reasonable notice of this date.

DỊCH THUẬT SMS

[Dịch thuật tiếng Anh](#) | [Dịch thuật tiếng Hoa](#) | [Dịch thuật tiếng Nhật](#)
[Dịch thuật tiếng Hàn](#) | [Dịch thuật website](#) | [Dịch tài liệu kỹ thuật](#)
[Dịch thuật video](#) | [Thu âm lồng tiếng đa ngôn ngữ](#) | [Chèn phụ đề đa ngôn ngữ](#)

Liên hệ: **0934.436.040** (Zalo, Viber)

✉ baogia@dichthuatsms.com | www.dichthuatsms.com



- Đây là **bản xem trước**, chỉ thể hiện **50%** tài liệu.
 - **ĐẶT MUA** và **thanh toán** tại www.dichthuatsms.com để nhận **file word** đầy đủ ngay lập tức.
 - Hoặc **GỬI YÊU CẦU DỊCH THUẬT** cho tài liệu của bạn.
-
- Liên hệ **0934.436.040** (**Zalo, Viber**) để hỗ trợ ngay.

MẪU ĐIỀU KIỆN HỢP ĐỒNG CHUẨN FIDIC – SONG NGỮ VIỆT ANH

If the defect or damage cannot be remedied expeditiously on the Site and the Employer gives consent, the Contractor may remove from the Site for the purposes of repair such items of Plant as are defective or damaged.

11.6 Các thử nghiệm bổ sung

11.6 Further Tests

Nếu việc sửa chữa sai sót hoặc hư hỏng có thể ảnh hưởng đến sự vận hành của Công trình, Chủ đầu tư có thể yêu cầu tiến hành lại bất cứ cuộc thử nghiệm nào nêu trong Hợp đồng, bao gồm cả các cuộc Thử nghiệm hoàn thành và/hoặc Thử nghiệm sau khi hoàn thành. Yêu cầu này có thể được thông báo trong vòng 28 Ngày sau khi đã sửa chữa sai sót hoặc hư hỏng.

If the work of remedying of any defect or damage may affect the performance of the Works, the Employer may require the repetition of any of the tests described in the Contract, including Tests on Completion and/or Tests after Completion. The requirement shall be made by notice within 28 days after the defect or damage is remedied.

Các thử nghiệm này phải được tiến hành theo các điều kiện được áp dụng cho các thử nghiệm trước, ngoại trừ Bên chịu trách nhiệm phải chịu rủi ro và kinh phí của Bên đó, căn cứ theo Điều 11.2 [*Chi phí cho việc sửa chữa sai sót*], đối với chi phí sửa chữa sai sót.

These tests shall be carried out in accordance with the terms applicable to the previous tests, except that they shall be carried out at the risk and cost of the Party liable, under Sub-Clause 11.2 [Cost of Remedying Defects], for the cost of the remedial work.

11.7 Quyền được ra vào

11.7 Right of Access

Khi Giấy chứng nhận hoàn thành Công trình đã được cấp, Nhà thầu sẽ được quyền tiếp cận tất cả các phần của Công trình và các hồ sơ về vận hành và hoạt động của Công trình, trừ trường hợp không nhất quán với những giới hạn hợp lý về mặt an ninh của Chủ đầu tư.

Until the Performance Certificate has been issued, the Contractor shall have the right of access to all parts of the Works and to records of the operation and performance of the Works, except as may be inconsistent with the Employer's reasonable security restrictions.

DỊCH THUẬT SMS

[Dịch thuật tiếng Anh](#) | [Dịch thuật tiếng Hoa](#) | [Dịch thuật tiếng Nhật](#)
[Dịch thuật tiếng Hàn](#) | [Dịch thuật website](#) | [Dịch tài liệu kỹ thuật](#)
[Dịch thuật video](#) | [Thu âm lồng tiếng đa ngôn ngữ](#) | [Chèn phụ đề đa ngôn ngữ](#)

Liên hệ: **0934.436.040** (Zalo, Viber)

✉ baogia@dichthuatsms.com | www.dichthuatsms.com



- Đây là **bản xem trước**, chỉ thể hiện **50%** tài liệu.
 - **ĐẶT MUA** và **thanh toán** tại www.dichthuatsms.com để nhận **file word** đầy đủ ngay lập tức.
 - Hoặc **GỬI YÊU CẦU DỊCH THUẬT** cho tài liệu của bạn.
-
- Liên hệ **0934.436.040** (**Zalo, Viber**) để hỗ trợ ngay.

MẪU ĐIỀU KIỆN HỢP ĐỒNG CHUẨN FIDIC – SONG NGỮ VIỆT ANH

(a) *the Performance Certificate shall be deemed to have been issued on the date 07 days after the date on which it should have been issued, as required by this Sub-Clause.*

(b) Điều 11.11 [*Giải phóng mặt bằng*] và khoản (a) của Điều 14.14 [*Chấm dứt trách nhiệm của Chủ đầu tư*] sẽ không được áp dụng.

(b) *Sub-Clause 11.11 [Clearance of Site] and paragraph (a) of Sub-Clause 14.14 [Cessation of Employer's Liability] shall not apply.*

Chỉ có Giấy chứng nhận hoàn thành Công trình mới được xem như là nghiệm thu toàn bộ Công trình.

Only the Performance Certificate shall be deemed to constitute acceptance of the Works.

11.10 Những nghĩa vụ chưa được hoàn thành

11.10 Unfulfilled Obligations

Sau khi đã cấp Giấy chứng nhận hoàn thành Công trình, mỗi Bên sẽ phải chịu trách nhiệm hoàn thành nghĩa vụ mà vẫn chưa được thực hiện tại thời điểm đó. Hợp đồng vẫn được xem như vẫn còn hiệu lực với mục đích xác định nội dung và phạm vi của những nghĩa vụ chưa thực hiện.

After the Performance Certificate has been issued, each Party shall remain liable for the fulfilment of any obligation which remains unperformed at that time. For the purposes of determining the nature and extent of unperformed obligations, the Contract shall be deemed to remain in force.

11.11 Giải phóng mặt bằng

11.11 Clearance of Site

Khi nhận được Giấy chứng nhận hoàn thành Công trình, Nhà thầu sẽ dọn khỏi Công trường tất cả các Thiết bị của Nhà thầu, Vật tư còn thừa, rác thải và các Công trình tạm còn lại. Nếu tất cả những vật dụng này không được dọn khỏi Công trường trong vòng 28 Ngày sau khi Chủ đầu tư cấp Giấy chứng nhận hoàn thành Công trình, Chủ đầu tư có thể bán hoặc tiêu hủy các vật dụng đó. Chủ đầu tư có quyền được thanh toán các chi phí phát sinh từ việc bán hoặc tiêu hủy hay lưu trữ các vật dụng đó trên Công trường.

Upon receiving the Performance Certificate, the Contractor shall remove any remaining Contractor's Equipment, surplus material, wreckage, rubbish and Temporary Works from the Site. If all these items have not been removed within 28

DỊCH THUẬT SMS

[Dịch thuật tiếng Anh](#) | [Dịch thuật tiếng Hoa](#) | [Dịch thuật tiếng Nhật](#)
[Dịch thuật tiếng Hàn](#) | [Dịch thuật website](#) | [Dịch tài liệu kỹ thuật](#)
[Dịch thuật video](#) | [Thu âm lồng tiếng đa ngôn ngữ](#) | [Chèn phụ đề đa ngôn ngữ](#)

Liên hệ: **0934.436.040** (Zalo, Viber)

✉ baogia@dichthuatsms.com | www.dichthuatsms.com



- Đây là **bản xem trước**, chỉ thể hiện **50%** tài liệu.
 - **ĐẶT MUA** và **thanh toán** tại www.dichthuatsms.com để nhận **file word** đầy đủ ngay lập tức.
 - Hoặc **GỬI YÊU CẦU DỊCH THUẬT** cho tài liệu của bạn.
-
- Liên hệ **0934.436.040** (**Zalo, Viber**) để hỗ trợ ngay.

MẪU ĐIỀU KIỆN HỢP ĐỒNG CHUẨN FIDIC – SONG NGỮ VIỆT ANH

The Contractor shall execute and be bound by each Variation, unless the Contractor promptly gives notice to the Employer stating (with supporting particulars) that (i) the Contractor cannot readily obtain the Goods required for the Variation, (ii) it will reduce the safety or suitability of the Works, or (iii) it will have an adverse impact on the achievement of the Schedule of Guarantees. Upon receiving this notice, the Employer shall cancel, confirm or vary the instruction.

13.2 Tư vấn giá trị công trình

13.2 Value Employering

Vào bất cứ lúc nào Nhà thầu sẽ đề đạt lên Chủ đầu tư các kiến nghị bằng văn bản mà (theo ý kiến của Nhà thầu) nếu được áp dụng sẽ, (i) đẩy nhanh tiến độ hoàn thành, (ii) giảm chi phí cho Chủ đầu tư trong việc điều hành, bảo dưỡng hoặc vận hành công trình, (iii) tăng hiệu quả hoặc giá trị của công trình đã hoàn thành cho Chủ đầu tư, hoặc (iv) sẽ có lợi cho Chủ đầu tư.

The Contractor may, at any time, submit to the Employer a written proposal which (in the Contractor's opinion) will, if adopted, (i) accelerate completion, (ii) reduce the cost to the Employer of executing, maintaining or operating the Works, (iii) improve the efficiency or value to the Employer of the completed Works, or (iv) otherwise be of benefit to the Employer.

13.3 Thủ tục thay đổi điều chỉnh

13.3 Variation Procedure

Từ yêu cầu thay đổi điều chỉnh của Chủ đầu tư, Nhà thầu sẽ trả lời bằng văn bản ngay lý do tại sao Nhà thầu không thể đáp ứng (nêu rõ nếu các trường hợp sau đây áp dụng (với các chi tiết hỗ trợ cụ thể) rằng (i) Nhà thầu không thể có được những phương tiện cần thiết theo yêu cầu cho việc thay đổi điều chỉnh, (ii) việc đó sẽ làm giảm sự an toàn hoặc ổn định của công trình hoặc (iii) việc đó sẽ ảnh hưởng không tốt đến việc đạt được các Thông số cam kết bảo hành) hoặc nộp:

If the Employer requests a proposal, prior to instructing a Variation, the Contractor shall respond in writing as soon as practicable, either by giving reasons why he cannot comply (if this is the case) (with specific supporting details), either because (i) the Contractor is unable to obtain the necessary facilities for the Variation, (ii) it would impair the safety or stability of the Works, or (iii) it would adversely affect the achievement of the Warranty Specifications) or by submitting:

(a) bản mô tả thiết kế được đề xuất và/hoặc công việc sẽ được tiến hành và kế hoạch thực hiện chúng;

DỊCH THUẬT SMS

[Dịch thuật tiếng Anh](#) | [Dịch thuật tiếng Hoa](#) | [Dịch thuật tiếng Nhật](#)
[Dịch thuật tiếng Hàn](#) | [Dịch thuật website](#) | [Dịch tài liệu kỹ thuật](#)
[Dịch thuật video](#) | [Thu âm lồng tiếng đa ngôn ngữ](#) | [Chèn phụ đề đa ngôn ngữ](#)

Liên hệ: **0934.436.040** (Zalo, Viber)

✉ baogia@dichthuatsms.com | www.dichthuatsms.com



- Đây là **bản xem trước**, chỉ thể hiện **50%** tài liệu.
 - **ĐẶT MUA** và **thanh toán** tại www.dichthuatsms.com để nhận **file word** đầy đủ ngay lập tức.
 - Hoặc **GỬI YÊU CẦU DỊCH THUẬT** cho tài liệu của bạn.
-
- Liên hệ **0934.436.040** (**Zalo, Viber**) để hỗ trợ ngay.

MẪU ĐIỀU KIỆN HỢP ĐỒNG CHUẨN FIDIC – SONG NGỮ VIỆT ANH

13.5 Khoản dự phòng: Không áp dụng

13.5 Provisional Sums: Non applicable

13.6 Ngày làm việc: Không áp dụng

13.6 Daywork: Non applicable

13.7 Điều chỉnh do thay đổi về luật lệ

13.7 Adjustments for Changes in Legislation

Giá hợp đồng sẽ được điều chỉnh có xem xét tăng hoặc giảm Chi phí phát sinh do thay đổi về Luật của Nước sở tại (bao gồm việc ban hành luật mới và việc sửa đổi bổ sung các luật hiện hành) hoặc thay đổi về cách diễn giải những luật này của cơ quan pháp lý hoặc cơ quan chính phủ, được thực hiện sau Ngày cơ sở, làm ảnh hưởng đến Nhà thầu trong việc thực hiện những nghĩa vụ theo Hợp đồng.

The Contract Price shall be adjusted to take account of any increase or decrease in Cost resulting from a change in the Laws of the Country (including the introduction of new Laws and the repeal or modification of existing Laws) or in the judicial or official governmental interpretation of such Laws, made after the Base Date, which affects the Contractor in the performance of obligations under the Contract.

Nếu Nhà thầu phải chịu (hoặc sẽ phải chịu) sự chậm trễ và/hoặc những chi phí phát sinh (hoặc sẽ phát sinh) do việc thay đổi về Luật hoặc về cách diễn giải các Luật đó, sau Ngày cơ sở, Nhà thầu sẽ thông báo cho Chủ đầu tư và theo Điều 20.1 [*Khiếu nại của Nhà thầu*] đề:

If the Contractor suffers (or will suffer) delay and/or incurs (or will incur) additional Cost as a result of these changes in the Laws or in such interpretations, made after the Base Date, the Contractor shall give notice to the Employer and shall be entitled subject to Sub-Clause 20.1 [Contractor's Claims] to:

(a) sẽ được phép gia hạn thời gian cho sự chậm trễ đó, nếu việc hoàn thành bị hoặc sẽ bị trì hoãn theo Điều 8.4 [*Gia hạn Thời hạn hoàn thành*], và

(a) an extension of time for any such delay, if completion is or will be delayed, under Sub-Clause 8.4 [Extension of Time for Completion], and

(b) thanh toán mọi Chi phí phát sinh như trên sẽ được tính thêm vào Giá trị của hợp đồng.

(b) payment of any such Cost, which shall be included in the Contract Price.

DỊCH THUẬT SMS

[Dịch thuật tiếng Anh](#) | [Dịch thuật tiếng Hoa](#) | [Dịch thuật tiếng Nhật](#)
[Dịch thuật tiếng Hàn](#) | [Dịch thuật website](#) | [Dịch tài liệu kỹ thuật](#)
[Dịch thuật video](#) | [Thu âm lồng tiếng đa ngôn ngữ](#) | [Chèn phụ đề đa ngôn ngữ](#)

Liên hệ: **0934.436.040** (Zalo, Viber)

✉ baogia@dichthuatsms.com | www.dichthuatsms.com



- Đây là **bản xem trước**, chỉ thể hiện **50%** tài liệu.
 - **ĐẶT MUA** và **thanh toán** tại www.dichthuatsms.com để nhận **file word** đầy đủ ngay lập tức.
 - Hoặc **GỬI YÊU CẦU DỊCH THUẬT** cho tài liệu của bạn.
-
- Liên hệ **0934.436.040** (**Zalo, Viber**) để hỗ trợ ngay.

MẪU ĐIỀU KIỆN HỢP ĐỒNG CHUẨN FIDIC – SONG NGỮ VIỆT ANH

(c) Giá Hợp đồng là trọn gói, không thay đổi trong suốt quá trình thực hiện Hợp đồng và sẽ chỉ được điều chỉnh theo các trường hợp quy định tại hợp đồng.

(c) The Contract Price shall be the lump sum Contract Price and be subject to adjustments in accordance with the Contract.

15. CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG BỞI CHỦ ĐẦU TƯ

15. TERMINATION BY EMPLOYER

15.1 Thông báo khắc phục

15.1 Notice to Correct

Nếu Nhà thầu không thực hiện nghĩa vụ theo Hợp đồng, Chủ đầu tư có thể ra thông báo yêu cầu Nhà thầu phải thực hiện và khắc phục các vi phạm trong khoảng thời gian hợp lý quy định.

If the Contractor fails to carry out any obligation under the Contract, the Employer may by notice require the Contractor to make good the failure and to remedy it within a specified reasonable time.

15.2 Chấm dứt hợp đồng bởi Chủ đầu tư do lỗi Nhà thầu

15.2 Termination by Employer

Chủ đầu tư sẽ được quyền chấm dứt Hợp đồng nếu Nhà thầu:

The Employer shall be entitled to terminate the Contract if the Contractor:

(a) Không tuân thủ Điều 4.2 [*Bảo lãnh thực hiện Hợp đồng*] hoặc vi phạm Hợp đồng theo Điều 15.1 [*Thông báo khắc phục*];

(a) fails to comply with Sub-Clause 4.2 [Performance Security] or with a notice under Sub-Clause 15.1 [Notice to Correct],

(b) Bỏ dở Công trình hoặc thể hiện rõ ràng ý định không tiếp tục thực hiện nghĩa vụ theo Hợp đồng;

(b) abandons the Works or otherwise plainly demonstrates the intention not to continue performance of his obligations under the Contract,

(c) Không có lý do chính đáng mà lại không tiếp tục thi công công trình theo Điều 8 [*Khởi công, Chậm trễ và Tạm ngừng*];

DỊCH THUẬT SMS

[Dịch thuật tiếng Anh](#) | [Dịch thuật tiếng Hoa](#) | [Dịch thuật tiếng Nhật](#)
[Dịch thuật tiếng Hàn](#) | [Dịch thuật website](#) | [Dịch tài liệu kỹ thuật](#)
[Dịch thuật video](#) | [Thu âm lồng tiếng đa ngôn ngữ](#) | [Chèn phụ đề đa ngôn ngữ](#)

Liên hệ: **0934.436.040** (Zalo, Viber)

✉ baogia@dichthuatsms.com | www.dichthuatsms.com



- Đây là **bản xem trước**, chỉ thể hiện **50%** tài liệu.
 - **ĐẶT MUA** và **thanh toán** tại www.dichthuatsms.com để nhận **file word** đầy đủ ngay lập tức.
 - Hoặc **GỬI YÊU CẦU DỊCH THUẬT** cho tài liệu của bạn.
-
- Liên hệ **0934.436.040** (**Zalo, Viber**) để hỗ trợ ngay.

MẪU ĐIỀU KIỆN HỢP ĐỒNG CHUẨN FIDIC – SONG NGỮ VIỆT ANH

The Contractor shall then leave the Site and deliver any required Goods, all Contractor's Documents, and other design documents made by or for him, to the Employer. However, the Contractor shall use his best efforts to comply immediately with any reasonable instructions included in the notice (i) for the assignment of any subcontract, and (ii) for the protection of life or property or for the safety of the Works.

Sau khi chấm dứt Hợp đồng, Chủ đầu tư có thể hoàn thành Công trình và/hoặc sắp đặt cho các đơn vị khác thực hiện. Phần chênh lệch giữa giá trị Hợp đồng và tổng chi phí thực tế và hợp lý phát sinh cho Chủ đầu tư để hoàn thành Công trình (nếu có) sẽ do Nhà thầu chi trả.

After termination, the Employer may complete the Works and/or arrange for any other entities to do so. The Employer and these entities may then use any Goods, Contractor's Documents and other design documents made by or on behalf of the Contractor.

Khi đó, Chủ đầu tư sẽ thông báo rằng thiết bị của Nhà thầu và các Công trình tạm sẽ được giải phóng cho Nhà thầu ở tại hoặc gần Công trường. Nhà thầu sẽ ngay lập tức sắp xếp để chuyển đi, rủi ro và chi phí cho việc này sẽ do Nhà thầu chịu.

The Employer shall then give notice that the Contractor's Equipment and Temporary Works will be released to the Contractor at or near the Site. The Contractor shall promptly arrange their removal, at the risk and cost of the Contractor.

Thanh toán sau khi chấm dứt hợp đồng

Payment after Termination

Sau khi thông báo chấm dứt hợp đồng theo Điều 15.2 [*Chấm dứt hợp đồng bởi Chủ đầu tư*] có hiệu lực, Chủ đầu tư sẽ:

After a notice of termination under Sub-Clause 15.2 [Termination by Employer] has taken effect, the Employer may:

(a) Thanh toán cho Nhà thầu giá trị các hạng mục công trình đã hoàn thành hoặc hàng hóa đã bàn giao tới thời điểm chấm dứt, và chi phí để bảo vệ và di dời thiết bị

(a) pay the Contractor the value of Sections completed or the Goods delivered up to the time of termination, and the costs to protect and remove the Contractor's Equipment.

(b) Thu lại từ Nhà thầu chi phí chênh lệch thực tế và hợp lý phát sinh so với giá trị Hợp đồng để hoàn thành Công trình (nếu có).

DỊCH THUẬT SMS

[Dịch thuật tiếng Anh](#) | [Dịch thuật tiếng Hoa](#) | [Dịch thuật tiếng Nhật](#)
[Dịch thuật tiếng Hàn](#) | [Dịch thuật website](#) | [Dịch tài liệu kỹ thuật](#)
[Dịch thuật video](#) | [Thu âm lồng tiếng đa ngôn ngữ](#) | [Chèn phụ đề đa ngôn ngữ](#)

Liên hệ: **0934.436.040** (Zalo, Viber)

✉ baogia@dichthuatsms.com | www.dichthuatsms.com



- Đây là **bản xem trước**, chỉ thể hiện **50%** tài liệu.
 - **ĐẶT MUA** và **thanh toán** tại www.dichthuatsms.com để nhận **file word** đầy đủ ngay lập tức.
 - Hoặc **GỬI YÊU CẦU DỊCH THUẬT** cho tài liệu của bạn.
-
- Liên hệ **0934.436.040** (**Zalo, Viber**) để hỗ trợ ngay.

MẪU ĐIỀU KIỆN HỢP ĐỒNG CHUẨN FIDIC – SONG NGỮ VIỆT ANH

If the Employer fails to comply with Sub-Clause 2.4 [Employer's Financial Arrangements] or with the schedule of payments under Appendix 2: "Payment Terms", the Contractor may, after giving not less than 21 days' notice to the Employer, suspend work (or reduce the rate of work) unless and until the Contractor has received the reasonable evidence or payment, as the case may be and as described in the notice.

Hành động của Nhà thầu không được làm ảnh hưởng đến quyền lợi của Nhà thầu đối với các chi phí tài chính theo Phụ lục 2 và để chấm dứt hợp đồng theo Điều 16.2 [Chấm dứt hợp đồng bởi Nhà thầu].

The Contractor's action shall not prejudice his entitlements to financing charges under Appendix 2 and to termination under Sub-Clause 16.2 [Termination by Contractor].

Nếu Nhà thầu tiếp đó nhận được chứng cứ hoặc thanh toán (như đã nêu trong khoản tương ứng và trong thông báo trên) trước khi thông báo chấm dứt hợp đồng. Nhà thầu phải tiếp tục tiến hành công việc trở lại như bình thường ngay khi có thể được.

If the Contractor subsequently receives such Payment Certificate, evidence or payment (as described in the relevant Sub-Clause and in the above notice) before giving a notice of termination, the Contractor shall resume normal working as soon as is reasonably practicable.

Nếu Nhà thầu phải chịu sự chậm trễ và /hoặc các Chi phí phát sinh là hậu quả của việc tạm ngừng công việc (hoặc do giảm tỷ lệ công việc) theo Điều này, Nhà thầu phải thông báo cho Chủ đầu tư và theo Điều 20.1 [Khiếu nại của Nhà thầu] để:

If the Contractor suffers delay and/or incurs Cost as a result of suspending work (or reducing the rate of work) in accordance with this Sub-Clause, the Contractor shall give notice to the Employer and shall be entitled subject to Sub-Clause 20.1 [Contractor's Claims] to:

(a) gia hạn thời gian để bù cho sự chậm trễ, nếu việc hoàn thành đang hoặc sẽ bị chậm trễ theo Điều 8.4 [Gia hạn Thời hạn hoàn thành]; và

(a) *an extension of time for any such delay, if completion is or will be delayed, under Sub-Clause 8.4 [Extension of Time for Completion], and*

(b) chi trả bất kỳ một khoản phí nào như trên cộng với lợi nhuận hợp lý sẽ được tính vào Giá trị của Hợp đồng.

(b) *payment of any such Cost plus reasonable profit, which shall be included in the Contract Price.*

DỊCH THUẬT SMS

[Dịch thuật tiếng Anh](#) | [Dịch thuật tiếng Hoa](#) | [Dịch thuật tiếng Nhật](#)
[Dịch thuật tiếng Hàn](#) | [Dịch thuật website](#) | [Dịch tài liệu kỹ thuật](#)
[Dịch thuật video](#) | [Thu âm lồng tiếng đa ngôn ngữ](#) | [Chèn phụ đề đa ngôn ngữ](#)

Liên hệ: **0934.436.040** (Zalo, Viber)

✉ baogia@dichthuatsms.com | www.dichthuatsms.com



- Đây là **bản xem trước**, chỉ thể hiện **50%** tài liệu.
 - **ĐẶT MUA** và **thanh toán** tại www.dichthuatsms.com để nhận **file word** đầy đủ ngay lập tức.
 - Hoặc **GỬI YÊU CẦU DỊCH THUẬT** cho tài liệu của bạn.
-
- Liên hệ **0934.436.040** (**Zalo, Viber**) để hỗ trợ ngay.

MẪU ĐIỀU KIỆN HỢP ĐỒNG CHUẨN FIDIC – SONG NGỮ VIỆT ANH

any act is done or event occurs which (under applicable Laws) has a similar effect to any of these acts or events.

Trong bất cứ sự kiện hoặc trường hợp nào được nêu trên, Nhà thầu có thể gửi thông báo trước 45 Ngày cho Chủ đầu tư để chấm dứt hợp đồng. Tuy nhiên, trong trường hợp của khoản (d) hoặc (e), Nhà thầu có thể thông báo chấm dứt hợp đồng ngay lập tức.

In any of these events or circumstances, the Contractor may, upon giving 45 days' notice to the Employer, terminate the Contract. However, in the case of subparagraph (d) or (e), the Contractor may by notice terminate the Contract immediately.

Sự lựa chọn của Nhà thầu để chấm dứt Hợp đồng sẽ không được làm ảnh hưởng đến các quyền lợi khác của Nhà thầu, theo hợp đồng hay các quy định khác.

The Contractor's election to terminate the Contract shall not prejudice any other rights of the Contractor, under the Contract or otherwise.

16.3 Ngừng công việc và di dời thiết bị Nhà thầu

16.3 Cessation of Work and Removal of Contractor's Equipment

Sau khi nhận được thông báo kết thúc Hợp đồng theo Điều 15.3 [*Quyền chấm dứt Hợp đồng của Chủ đầu tư*], Điều 16.2 [*Chấm dứt Hợp đồng bởi Nhà thầu*] hoặc Điều 19.6 [*Chấm dứt có lựa chọn, Thanh toán và Hết trách nhiệm*] đã có hiệu lực, Nhà thầu sẽ ngay lập tức:

After a notice of termination under Sub-Clause 15.3 [Employer's Entitlement to Termination], Sub-Clause 16.2 [Termination by Contractor] or Sub-Clause 19.6 [Optional Termination, Payment and Release] has taken effect, the Contractor shall promptly:

(i) ngừng tất cả các công việc thêm, ngoại trừ các công việc đã được Chủ đầu tư hướng dẫn để bảo vệ con người và tài sản hoặc an toàn của Công trình;

(a) cease all further work, except for such work as may have been instructed by the Employer for the protection of life or property or for the safety of the Works,

(ii) chuyển giao toàn bộ Tài liệu của Nhà thầu, Thiết bị, các Vật tư và các công việc khác mà Nhà thầu đã được thanh toán; và

(b) hand over Contractor's Documents, Plant, Materials and other work, for which the Contractor has received payment, and

DỊCH THUẬT SMS

[Dịch thuật tiếng Anh](#) | [Dịch thuật tiếng Hoa](#) | [Dịch thuật tiếng Nhật](#)
[Dịch thuật tiếng Hàn](#) | [Dịch thuật website](#) | [Dịch tài liệu kỹ thuật](#)
[Dịch thuật video](#) | [Thu âm lồng tiếng đa ngôn ngữ](#) | [Chèn phụ đề đa ngôn ngữ](#)

Liên hệ: **0934.436.040** (Zalo, Viber)

✉ baogia@dichthuatsms.com | www.dichthuatsms.com



- Đây là **bản xem trước**, chỉ thể hiện **50%** tài liệu.
 - **ĐẶT MUA** và **thanh toán** tại www.dichthuatsms.com để nhận **file word** đầy đủ ngay lập tức.
 - Hoặc **GỬI YÊU CẦU DỊCH THUẬT** cho tài liệu của bạn.
-
- Liên hệ **0934.436.040** (**Zalo, Viber**) để hỗ trợ ngay.

MẪU ĐIỀU KIỆN HỢP ĐỒNG CHUẨN FIDIC – SONG NGỮ VIỆT ANH

khiểm khuyết do sao nhãng, hành động có chủ ý hoặc hành động vi phạm Hợp đồng bởi Nhà thầu, và

(a) bodily injury, sickness, disease or death, of any person whatsoever arising out of or in the course of or by reason of the design, execution and completion of the Works and the remedying of any defects, unless attributable to any negligence, wilful act or breach of the Contract by the Contractor, and

(b) tổn thất hoặc mất mát về tài sản (ngoài Công trình) mà:

(b) damage to or loss of any property, real or personal (other than the Works), to the extent that such damage or loss:

(i) phát sinh từ hoặc trong hoặc có nguyên nhân từ việc thiết kế, thực hiện và hoàn thành Công trình và khắc phục khiếm khuyết, và

(i) arises out of or in the course of or by reason of the design, execution and completion of the Works and the remedying of any defects, and

(ii) phát sinh do sự sao nhãng, hành động có chủ ý hoặc hành động vi phạm Hợp đồng của Nhà thầu

(ii) is attributable to any negligence, wilful act or breach of the Contract by the Contractor.

Chủ đầu tư phải bồi thường và tránh cho Nhà thầu, nhân lực của Nhà thầu, và các đại diện của họ khỏi việc khiếu nại, tổn thất, mất mát và chi phí (bao gồm chi phí pháp lý) về thương tật về người, bệnh tật, ốm đau hoặc tử vong bị quy là do sự sao nhãng, hành động có chủ ý hoặc hành động vi phạm hợp đồng bởi Chủ đầu tư, nhân lực của Chủ đầu tư, hoặc đại lý của các Bên đó.

The Employer shall indemnify and hold harmless the Contractor against and from all claims, damages, losses and expenses (including legal fees and expenses) in respect of bodily injury, sickness, disease or death, which is attributable to any negligence, wilful act or breach of the Contract by the Employer, the Employer's Personnel, or any of their respective agents.

17.2 Sự cẩn trọng của Nhà thầu đối với Công trình

17.2 Contractor's Care of the Works

Nhà thầu sẽ chịu hoàn toàn trách nhiệm đối với việc quản lý Công trình và Hàng hoá từ Ngày khởi công cho đến Ngày phát hành Giấy chứng nhận nghiệm thu và bàn giao Công trình (hoặc coi như được phát hành theo Điều 10.1 [*Nghiệm thu và bàn giao Công trình, Hạng mục Công trình*]) cho Công trình khi trách nhiệm được chuyển qua

DỊCH THUẬT SMS

[Dịch thuật tiếng Anh](#) | [Dịch thuật tiếng Hoa](#) | [Dịch thuật tiếng Nhật](#)
[Dịch thuật tiếng Hàn](#) | [Dịch thuật website](#) | [Dịch tài liệu kỹ thuật](#)
[Dịch thuật video](#) | [Thu âm lồng tiếng đa ngôn ngữ](#) | [Chèn phụ đề đa ngôn ngữ](#)

Liên hệ: **0934.436.040** (Zalo, Viber)

✉ baogia@dichthuatsms.com | www.dichthuatsms.com



- Đây là **bản xem trước**, chỉ thể hiện **50%** tài liệu.
 - **ĐẶT MUA** và **thanh toán** tại www.dichthuatsms.com để nhận **file word** đầy đủ ngay lập tức.
 - Hoặc **GỬI YÊU CẦU DỊCH THUẬT** cho tài liệu của bạn.
-
- Liên hệ **0934.436.040** (**Zalo, Viber**) để hỗ trợ ngay.

MẪU ĐIỀU KIỆN HỢP ĐỒNG CHUẨN FIDIC – SONG NGỮ VIỆT ANH

(b) phiến loạn, khủng bố, cách mạng, khởi nghĩa, đảo chính hoặc nội chiến xảy ra tại Việt Nam;

(b) rebellion, terrorism, revolution, insurrection, military or usurped power, or civil war, within Vietnam;

(c) bạo loạn, bạo động, hoặc tình hình mất ổn định trong nước do các cá nhân khác chứ không phải là các Nhân viên của Nhà thầu và Nhà thầu phụ gây ra;

(c) riot, commotion or disorder within the Country by persons other than the Contractor's Personnel and other employees of the Contractor and Subcontractors;

(d) bom đạn chiến tranh, các chất nổ, ion hoá gây phóng xạ hoặc ô nhiễm do phóng xạ trong Việt Nam ngoại trừ có thể quy kết cho Nhà thầu sử dụng đạn của chiến tranh chất nổ, phóng xạ hoặc các hoạt động của phóng xạ;

(d) munitions of war, explosive materials, ionising radiation or contamination by radio-activity, within Vietnam, except as may be attributable to the Contractor's use of such munitions, explosives, radiation or radio-activity;

(e) các sóng áp lực gây ra bởi máy bay hoặc các thiết bị trên không khác khi di chuyển với tốc độ âm thanh hoặc tốc độ siêu âm.

(e) pressure waves caused by aircraft or other aerial devices travelling at sonic or supersonic speeds;

(f) Thiên tai địch họa, bao gồm động đất, ngập lụt, sạt lở, cháy rừng, vv..

(h) any operation of the forces of nature including earthquakes, floods, landslides, forest fires, etc.

17.4 Hậu quả của các rủi ro của Chủ đầu tư

17.4 Consequences of Employer's Risks

Nếu và trong phạm vi mọi rủi ro được liệt kê trong Điều 17.3 trên đây dẫn đến mất mát hay hư hỏng cho Công trình, Hàng hóa hay Tài liệu của Nhà thầu thì Nhà thầu phải ngay lập tức gửi thông báo cho Chủ đầu tư. Chủ đầu tư theo đó sẽ đưa ra yêu cầu bằng văn bản, quyết định sửa chữa hay không các mất mát và hư hỏng trong công trình.

If and to the extent that any of the risks listed in Sub-Clause 17.3 above results in loss or damage to the Works, Goods or Contractor's Documents, the Contractor shall promptly give notice to the Employer. The Employer shall then make a written request, decide whether to rectify or not the loss and damage in the Works.

DỊCH THUẬT SMS

[Dịch thuật tiếng Anh](#) | [Dịch thuật tiếng Hoa](#) | [Dịch thuật tiếng Nhật](#)
[Dịch thuật tiếng Hàn](#) | [Dịch thuật website](#) | [Dịch tài liệu kỹ thuật](#)
[Dịch thuật video](#) | [Thu âm lồng tiếng đa ngôn ngữ](#) | [Chèn phụ đề đa ngôn ngữ](#)

Liên hệ: **0934.436.040** (Zalo, Viber)

✉ baogia@dichthuatsms.com | www.dichthuatsms.com



- Đây là **bản xem trước**, chỉ thể hiện **50%** tài liệu.
 - **ĐẶT MUA** và **thanh toán** tại www.dichthuatsms.com để nhận **file word** đầy đủ ngay lập tức.
 - Hoặc **GỬI YÊU CẦU DỊCH THUẬT** cho tài liệu của bạn.
-
- Liên hệ **0934.436.040** (**Zalo, Viber**) để hỗ trợ ngay.

MẪU ĐIỀU KIỆN HỢP ĐỒNG CHUẨN FIDIC – SONG NGỮ VIỆT ANH

cung cấp tới Chủ đầu tư trực tiếp hoặc gián tiếp qua Nhà thầu từ một bên thứ ba, bản quyền sẽ vẫn thuộc về bên thứ ba.

Copyright in the drawings, documents and data and information provided to the Employer by the Contractor shall remain with the Contractor or, if provided to the Employer by a third party directly or indirectly through the Contractor, shall remain with such third party.

b. Trong Điều này, “sự xâm phạm” nghĩa là sự xâm phạm (hay bị cho là xâm phạm) bất cứ một sáng chế, thiết kế đã đăng ký, bản quyền, thương hiệu, mác thương mại, bí mật thương mại hay tài sản thuộc quyền sở hữu công nghiệp và trí tuệ khác liên quan đến Công trình; và “khiếu nại” nghĩa là sự đòi hỏi quyền lợi (hay kiện tụng đòi hỏi quyền lợi) do thấy rằng bị xâm phạm.

b. In this Sub-Clause, "infringement" means an infringement (or alleged infringement) of any patent, registered design, copyright, trade mark, trade name, trade secret or other intellectual or industrial property right relating to the Works; and "claim" means a claim (or proceedings pursuing a claim) alleging an infringement.

Khi một Bên không gửi thông báo cho Bên kia về bất cứ khiếu nại nào trong vòng 28 Ngày từ khi tiếp nhận khiếu nại, Bên thứ nhất sẽ bị coi là mất mọi quyền bồi thường theo Điều này.

Whenever a Party does not give notice to the other Party of any claim within 28 days of receiving the claim, the first Party shall be deemed to have waived any right to indemnity under this Sub-Clause.

Chủ đầu tư phải bồi thường và gánh chịu tổn hại cho Nhà thầu đối với bất kỳ khiếu nại cho rằng bị xâm phạm đó là hoặc đã là:

The Employer shall indemnify and hold the Contractor harmless against and from any claim alleging an infringement which is or was:

· một kết quả không tránh khỏi bởi tuân theo quy định Nhà thầu đối với Yêu cầu Kỹ thuật; hay

· *an unavoidable result of the Contractor's compliance with the Employer's Requirements; or*

· kết quả của việc Công trình đang được sử dụng bởi Chủ đầu tư:

· *a result of any Works being used by the Employer:*

- vì một mục đích khác không phải là mục đích được chỉ ra hoặc đã được suy ra một cách thích đáng bởi Hợp đồng; hoặc

DỊCH THUẬT SMS

[Dịch thuật tiếng Anh](#) | [Dịch thuật tiếng Hoa](#) | [Dịch thuật tiếng Nhật](#)
[Dịch thuật tiếng Hàn](#) | [Dịch thuật website](#) | [Dịch tài liệu kỹ thuật](#)
[Dịch thuật video](#) | [Thu âm lồng tiếng đa ngôn ngữ](#) | [Chèn phụ đề đa ngôn ngữ](#)

Liên hệ: **0934.436.040** (Zalo, Viber)

✉ baogia@dichthuatsms.com | www.dichthuatsms.com



- Đây là **bản xem trước**, chỉ thể hiện **50%** tài liệu.
 - **ĐẶT MUA** và **thanh toán** tại www.dichthuatsms.com để nhận **file word** đầy đủ ngay lập tức.
 - Hoặc **GỬI YÊU CẦU DỊCH THUẬT** cho tài liệu của bạn.
-
- Liên hệ **0934.436.040** (**Zalo, Viber**) để hỗ trợ ngay.

MẪU ĐIỀU KIỆN HỢP ĐỒNG CHUẨN FIDIC – SONG NGỮ VIỆT ANH

Neither Party shall be liable to the other Party for loss of use of any Works, loss of profit, loss of any contract or for any indirect or consequential loss or damage which may be suffered by the other Party in connection with the Contract, other than under Sub-Clause 16.4 [Payment on Termination] and Sub-Clause 17.1 [Indemnities].

Toàn bộ trách nhiệm pháp lý của Nhà thầu đối với Chủ đầu tư, theo hoặc liên quan đến Hợp đồng ngoài Điều 4.19 [Điện nước và nhiên liệu], Điều 4.20 [Thiết bị và Vật tư của Chủ đầu tư cấp], Điều 17.1 [Bồi thường] và Điều 17.5 [Quyền sở hữu công nghiệp và trí tuệ] không vượt quá tổng Giá Hợp đồng hoặc giá trị được xác định trong Điều kiện cụ thể của hợp đồng.

The total liability of the Contractor to the Employer, under or in connection with the Contract other than under Sub-Clause 4.19 [Electricity, Water and Gas], Sub-Clause 4.20 [Employer's Equipment and Free-Issue Material], Sub-Clause 17.1 [Indemnities] and Sub-Clause 17.5 [Intellectual and Industrial Property Rights], shall not exceed the Contract Price or the sum stated in the Particular Conditions.

Điều này sẽ không giới hạn trách nhiệm pháp lý trong các trường hợp gian dối, bỏ cuộc cố ý hay sự vi phạm đạo đức một cách cẩu thả bởi Bên vi phạm.

This Sub-Clause shall not limit liability in any case of fraud, deliberate default or reckless misconduct by the defaulting Party.

18. BẢO HIỂM

18. INSURANCE

Nhà thầu phải mua và duy trì:

The Contractor shall effect and maintain:

- Bảo hiểm hàng hóa
- *Insurance for goods*
- Bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp
- *Professional liability insurance*
- Bảo hiểm cho Nhân lực của Nhà thầu
- *Insurance for the Contractor's Personnel*
- Bảo hiểm trách nhiệm Bên thứ ba
- *Third party liability insurance*

DỊCH THUẬT SMS

[Dịch thuật tiếng Anh](#) | [Dịch thuật tiếng Hoa](#) | [Dịch thuật tiếng Nhật](#)
[Dịch thuật tiếng Hàn](#) | [Dịch thuật website](#) | [Dịch tài liệu kỹ thuật](#)
[Dịch thuật video](#) | [Thu âm lồng tiếng đa ngôn ngữ](#) | [Chèn phụ đề đa ngôn ngữ](#)

Liên hệ: **0934.436.040** (Zalo, Viber)

✉ baogia@dichthuatsms.com | www.dichthuatsms.com



- Đây là **bản xem trước**, chỉ thể hiện **50%** tài liệu.
 - **ĐẶT MUA** và **thanh toán** tại www.dichthuatsms.com để nhận **file word** đầy đủ ngay lập tức.
 - Hoặc **GỬI YÊU CẦU DỊCH THUẬT** cho tài liệu của bạn.
-
- Liên hệ **0934.436.040** (**Zalo, Viber**) để hỗ trợ ngay.

MẪU ĐIỀU KIỆN HỢP ĐỒNG CHUẨN FIDIC – SONG NGỮ VIỆT ANH

Upon the occurrence of a claim under the insurance policies, the Contractor shall promptly notify the Insurer and the Employer and send to the Employer a copy of the claim documents submitted to the Insurer and coordinate with the Employer to settle the claim. The Contractor shall negotiate and settle all claims with the Insurer while the Employer shall be entitled to participate in any and all claims. If the Contractor is not present to participate in the settlement of claims with the Insurer, the Employer shall, without prejudice to any right which the Employer has against the Contractor, be entitled to reserve the right to choose the same course of action against the Insurer. Any settlement agreed between the Employer and the Insurer shall be binding on the Contractor.

Mỗi đơn bảo hiểm cho tổn thất hoặc thiệt hại sẽ chi trả bồi thường bằng loại tiền tệ phù hợp để phục hồi các tổn thất hoặc thiệt hại cho Bên mua bảo hiểm. Các khoản thanh toán từ Nhà bảo hiểm sẽ được sử dụng để thay thế, sửa chữa, phục hồi các tổn thất hay thiệt hại đó.

Each policy for loss or damage shall pay compensation in the appropriate currency to recover loss or damage to the Policyholder. Payments from the Insurers shall be used to replace, repair or recover such loss or damage.

Nhà thầu phải cung cấp cho Chủ đầu tư các tài liệu sau khi có yêu cầu:

The Contractor shall provide the Employer with the following documents upon request:

(a) Bản sao các đơn bảo hiểm được đề cập trong điều khoản này

(a) *Copies of the insurance policies referred to in this Clause*

(b) Bảng chứng thanh toán phí bảo hiểm.

(b) *Proof of premium payment made.*

Chủ đầu tư và/hoặc Nhà thầu sẽ tuân thủ chặt chẽ với những điều kiện điều khoản trong mỗi hợp đồng bảo hiểm. Chủ đầu tư/Nhà thầu phải thông báo các thông tin liên quan đến các thay đổi trong việc thực hiện thi công Công trình cho Nhà bảo hiểm và đảm bảo rằng, việc bảo hiểm sẽ được duy trì theo Điều này.

The Employer and/or the Contractor shall strictly adhere to the terms and conditions of each insurance policy. The Employer/Contractor shall notify the Insurer of any changes in the execution of the Works and ensure that insurance is maintained in accordance with this Clause.

DỊCH THUẬT SMS

[Dịch thuật tiếng Anh](#) | [Dịch thuật tiếng Hoa](#) | [Dịch thuật tiếng Nhật](#)
[Dịch thuật tiếng Hàn](#) | [Dịch thuật website](#) | [Dịch tài liệu kỹ thuật](#)
[Dịch thuật video](#) | [Thu âm lồng tiếng đa ngôn ngữ](#) | [Chèn phụ đề đa ngôn ngữ](#)

Liên hệ: **0934.436.040** (Zalo, Viber)

✉ baogia@dichthuatsms.com | www.dichthuatsms.com



- Đây là **bản xem trước**, chỉ thể hiện **50%** tài liệu.
 - **ĐẶT MUA** và **thanh toán** tại www.dichthuatsms.com để nhận **file word** đầy đủ ngay lập tức.
 - Hoặc **GỬI YÊU CẦU DỊCH THUẬT** cho tài liệu của bạn.
-
- Liên hệ **0934.436.040** (**Zalo, Viber**) để hỗ trợ ngay.

MẪU ĐIỀU KIỆN HỢP ĐỒNG CHUẨN FIDIC – SONG NGỮ VIỆT ANH

(iii) tình trạng phá rối, náo loạn, bạo động, đình công hoặc bị bao vây bởi các đối tượng không phải là người của Nhà thầu và những người làm công khác của Nhà thầu phụ gây ra;

(iii) riot, commotion, disorder, strike or lockout by persons other than the Contractor's Personnel and other employees of the Contractor and Subcontractors;

(iv) vũ khí đạn dược của chiến tranh, chất nổ, phóng xạ ion hoặc ô nhiễm do hoạt động phóng xạ, ngoại trừ do có thể quy kết cho việc Nhà thầu sử dụng vũ khí đạn dược, chất nổ, phóng xạ và hoạt động phóng xạ; và

(iv) munitions of war, explosive Materials, ionising radiation or contamination by radio-activity, except as may be attributable to the Contractor's use of such munitions, explosives, radiation or radio-activity; and

(v) các thiên tai như động đất, lốc, bão hay hoạt động núi lửa.

(v) natural catastrophes such as earthquake, hurricane, typhoon or volcanic activity.

19.2 Thông báo về Bất khả kháng

19.2 Notice of Force Majeure

Nếu một Bên bị hoặc sẽ bị cản trở thực hiện bất cứ nghĩa vụ của mình theo Hợp đồng do Bất khả kháng, Bên đó phải gửi thông báo cho Bên kia về sự việc hoặc trường hợp gây nên tình trạng Bất khả kháng và phải nêu rõ các nghĩa vụ, công việc đã hoặc sẽ bị cản trở. Thông báo phải được gửi trong vòng 14 Ngày sau khi Bên đó nhận biết được tình trạng hoặc lẽ ra đã nhận biết được về sự việc hoặc trường hợp gây nên tình trạng Bất khả kháng.

If a Party is or will be prevented from performing any of its obligations under the Contract by Force Majeure, then it shall give notice to the other Party of the event or circumstances constituting the Force Majeure and shall specify the obligations, the performance of which is or will be prevented. The notice shall be given within 14 days after the Party became aware, or should have become aware, of the relevant event or circumstance constituting Force Majeure.

Bên đó, khi đã thông báo, phải được miễn trừ cho việc thực hiện công việc thuộc nghĩa vụ trong thời gian mà tình trạng Bất khả kháng cản trở việc thực hiện của họ.

The Party shall, having given notice, be excused performance of such obligations for so long as such Force Majeure prevents it from performing them.

DỊCH THUẬT SMS

[Dịch thuật tiếng Anh](#) | [Dịch thuật tiếng Hoa](#) | [Dịch thuật tiếng Nhật](#)
[Dịch thuật tiếng Hàn](#) | [Dịch thuật website](#) | [Dịch tài liệu kỹ thuật](#)
[Dịch thuật video](#) | [Thu âm lồng tiếng đa ngôn ngữ](#) | [Chèn phụ đề đa ngôn ngữ](#)

Liên hệ: **0934.436.040** (Zalo, Viber)

✉ baogia@dichthuatsms.com | www.dichthuatsms.com



- Đây là **bản xem trước**, chỉ thể hiện **50%** tài liệu.
 - **ĐẶT MUA** và **thanh toán** tại www.dichthuatsms.com để nhận **file word** đầy đủ ngay lập tức.
 - Hoặc **GỬI YÊU CẦU DỊCH THUẬT** cho tài liệu của bạn.
-
- Liên hệ **0934.436.040** (**Zalo, Viber**) để hỗ trợ ngay.

MẪU ĐIỀU KIỆN HỢP ĐỒNG CHUẨN FIDIC – SONG NGỮ VIỆT ANH

(a) *an extension of time for any such delay, if completion is or will be delayed, under Sub-Clause 8.4 [Extension of Time for Completion], and*

(b) Nếu sự việc hay trường hợp thuộc loại được mô tả trong phần từ (i) tới (iv) của Điều 19.1 [*Định nghĩa về Bất khả kháng*] và, trong trường hợp từ khoản (ii) tới (iv) xảy ra ở nước sở tại, được thanh toán các Chi phí này.

(b) *if the event or circumstance is of the kind described in sub-paragraphs (i) to (iv) of Sub-Clause 19.1 [Definition of Force Majeure] and, in the case of sub-paragraphs (ii) to (iv), occurs in the Country, payment of any such Cost.*

Sau khi nhận được thông báo này, Chủ đầu tư phải thực hiện theo Điều 3.5. [*Quyết định*] để nhất trí hay quyết định các vấn đề này.

After receiving this notice, the Employer shall proceed in accordance with Sub-Clause 3.5 [Determinations] to agree or determine these matters.

19.5 Bất khả kháng ảnh hưởng đến Nhà thầu phụ

19.5 Force Majeure Affecting Subcontractor

Nếu bất kỳ Nhà thầu phụ nào có quyền theo Hợp đồng hay theo thoả thuận liên quan đến các Công trình làm giảm nhẹ tình trạng Bất khả kháng theo các khoản bổ sung hay rộng hơn những khoản đã quy định trong Điều này, thì những sự việc và tình trạng bất khả kháng bổ sung hoặc rộng hơn này sẽ không miễn cho Nhà thầu phải thực hiện hoặc cho phép họ được giảm nhẹ theo quy định của Điều này.

If any Subcontractor is entitled under any contract or agreement relating to the Works to relief from force majeure on terms additional to or broader than those specified in this Clause, such additional or broader force majeure events or circumstances shall not excuse the Contractor's non-performance or entitle him to relief under this Clause.

19.6 Chấm dứt có lựa chọn, thanh toán, hết trách nhiệm

19.6 Optional Termination, Payment and Release

Nếu việc thực hiện Công trình cơ bản đang được tiến hành bị cản trở liên tục trong thời gian 84 Ngày do Bất khả kháng đã được thông báo theo Điều 19.2 [*Thông báo bất khả kháng*] hoặc trong nhiều khoảng thời gian mà tổng số là trên 140 Ngày cùng thông báo với bất khả kháng, thì một trong hai Bên có thể gửi thông báo chấm dứt Hợp đồng cho Bên kia. Trong trường hợp này, việc chấm dứt Hợp đồng sẽ có hiệu lực 7 Ngày sau khi có thông báo và Nhà thầu phải thực hiện theo Điều 16.3 [*Chấm dứt công việc và di dời thiết bị của Nhà thầu*].

DỊCH THUẬT SMS

[Dịch thuật tiếng Anh](#) | [Dịch thuật tiếng Hoa](#) | [Dịch thuật tiếng Nhật](#)
[Dịch thuật tiếng Hàn](#) | [Dịch thuật website](#) | [Dịch tài liệu kỹ thuật](#)
[Dịch thuật video](#) | [Thu âm lồng tiếng đa ngôn ngữ](#) | [Chèn phụ đề đa ngôn ngữ](#)

Liên hệ: **0934.436.040** (Zalo, Viber)

✉ baogia@dichthuatsms.com | www.dichthuatsms.com



- Đây là **bản xem trước**, chỉ thể hiện **50%** tài liệu.
 - **ĐẶT MUA** và **thanh toán** tại www.dichthuatsms.com để nhận **file word** đầy đủ ngay lập tức.
 - Hoặc **GỬI YÊU CẦU DỊCH THUẬT** cho tài liệu của bạn.
-
- Liên hệ **0934.436.040** (**Zalo, Viber**) để hỗ trợ ngay.

MẪU ĐIỀU KIỆN HỢP ĐỒNG CHUẨN FIDIC – SONG NGỮ VIỆT ANH

(e) the Cost of repatriation of the Contractor's staff and labour employed wholly in connection with the Works at the date of termination;

(f) Chi phí bồi thường cho các nhà thầu phụ của Nhà thầu khi chấm dứt hợp đồng và các chi phí khác để Nhà thầu thực hiện các trách nhiệm mà Nhà thầu đã nhận với các bên thứ ba khác để thực hiện Hợp đồng này.

(f) The cost of indemnifying the Contractor's subcontractors upon termination of the Contract and other costs for the Contractor to perform the responsibilities which the Contractor has assumed with other third parties for the performance of the Contract.

19.7 Hết trách nhiệm thực hiện theo luật định

19.7 Release from Performance under the Law

Bất kể mọi quy định khác của Điều này, nếu một sự việc hay trường hợp ngoài khả năng kiểm soát của các Bên (bao gồm, nhưng không giới hạn Bất khả kháng) xảy ra mà làm một hoặc hai Bên không thể hoặc không theo luật để hoàn thành nghĩa vụ theo hợp đồng của họ, hoặc theo luật điều chỉnh Hợp đồng, mà các bên được quyền không phải tiếp tục thực hiện Hợp đồng, trên cơ sở thông báo của Bên này cho Bên kia về sự việc hoặc trường hợp này thì:

Notwithstanding any other provision of this Clause, if any event or circumstance outside the control of the Parties (including, but not limited to, Force Majeure) arises which makes it impossible or unlawful for either or both Parties to fulfil its or their contractual obligations or which, under the law governing the Contract, entitles the Parties to be released from further performance of the Contract, then upon notice by either Party to the other Party of such event or circumstance:

(a) Các Bên sẽ hết nghĩa vụ tiếp tục thực hiện công việc này, mà không làm phương hại các quyền của bất kể Bên nào đối với bất kỳ sự vi phạm Hợp đồng từ trước; và

(a) the Parties shall be discharged from further performance, without prejudice to the rights of either Party in respect of any previous breach of the Contract; and

(b) Tổng số tiền Chủ đầu tư phải trả cho Nhà thầu sẽ giống như số tiền lẽ ra đã phải trả theo Điều 19.6 [Chấm dứt có lựa chọn, thanh toán và hết trách nhiệm] nếu Hợp đồng đã bị chấm dứt theo Điều 19.6.

(b) the sum payable by the Employer to the Contractor shall be the same as would have been payable under Sub-Clause 19.6 [Optional Termination, Payment and Release] if the Contract had been terminated under Sub-Clause 19.6.

DỊCH THUẬT SMS

[Dịch thuật tiếng Anh](#) | [Dịch thuật tiếng Hoa](#) | [Dịch thuật tiếng Nhật](#)
[Dịch thuật tiếng Hàn](#) | [Dịch thuật website](#) | [Dịch tài liệu kỹ thuật](#)
[Dịch thuật video](#) | [Thu âm lồng tiếng đa ngôn ngữ](#) | [Chèn phụ đề đa ngôn ngữ](#)

Liên hệ: **0934.436.040** (Zalo, Viber)

✉ baogia@dichthuatsms.com | www.dichthuatsms.com



- Đây là **bản xem trước**, chỉ thể hiện **50%** tài liệu.
 - **ĐẶT MUA** và **thanh toán** tại www.dichthuatsms.com để nhận **file word** đầy đủ ngay lập tức.
 - Hoặc **GỬI YÊU CẦU DỊCH THUẬT** cho tài liệu của bạn.
-
- Liên hệ **0934.436.040** (**Zalo, Viber**) để hỗ trợ ngay.

MẪU ĐIỀU KIỆN HỢP ĐỒNG CHUẨN FIDIC – SONG NGỮ VIỆT ANH

Nhà thầu tiếp tục lưu giữ các báo cáo, và điều đó không có nghĩa là Chủ đầu tư phải thừa nhận mọi khiếu nại của Nhà thầu. Nhà thầu sẽ cho phép Chủ đầu tư kiểm tra tất cả các báo cáo này (và nếu được yêu cầu), phải cung cấp bản sao của các báo cáo đó cho Chủ đầu tư.

The Contractor shall keep such contemporary records as may be necessary to substantiate any claim, either on the Site or at another location acceptable to the Employer. Without admitting the Employer's liability, the Employer may, after receiving any notice under this Sub-Clause, monitor the record-keeping and/or instruct the Contractor to keep further contemporary records. The Contractor shall permit the Employer to inspect all these records, and shall (if instructed) submit copies to the Employer.

Trong vòng 42 Ngày sau khi Nhà thầu nhận biết được (hoặc lẽ ra phải nhận biết được) sự kiện hoặc hoàn cảnh Nhà thầu khiếu nại, hoặc trong một thời hạn khác do Nhà thầu đề xuất và được Chủ đầu tư đồng ý, Nhà thầu sẽ gửi cho Chủ đầu tư bản khiếu nại chi tiết bao gồm các chứng cứ là cơ sở để Nhà thầu nêu lên khiếu nại và các yêu cầu cụ thể về việc gia hạn Thời hạn hoàn thành cũng như yêu cầu thanh toán thêm. Nếu sự kiện và hoàn cảnh Nhà thầu khiếu nại đang tiếp tục diễn ra:

Within 42 days after the Contractor became aware (or should have become aware) of the event or circumstance giving rise to the claim, or within such other period as may be proposed by the Contractor and approved by the Employer, the Contractor shall send to the Employer a fully detailed claim which includes full supporting particulars of the basis of the claim and of the extension of time and/or additional payment claimed. If the event or circumstance giving rise to the claim has a continuing effect:

(a) khiếu nại chi tiết sẽ được coi như báo cáo tạm thời;

(a) this fully detailed claim shall be considered as interim;

(b) hàng tháng, Nhà thầu sẽ gửi tiếp chi tiết về việc khiếu nại, nêu rõ thời gian bị chậm trễ tích lũy và/hoặc chi phí phải chi trả, và các thông tin khác mà Chủ đầu tư có thể yêu cầu hợp lý; và

(b) the Contractor shall send further interim claims at monthly intervals, giving the accumulated delay and/or amount claimed, and such further particulars as the Employer may reasonably require; and

(c) Nhà thầu sẽ gửi khiếu nại cuối cùng trong vòng 28 Ngày kể từ khi sự kiện hoặc hoàn cảnh kết thúc hoặc trong vòng một thời hạn khác do Nhà thầu đề xuất và được Chủ đầu tư đồng ý.

DỊCH THUẬT SMS

[Dịch thuật tiếng Anh](#) | [Dịch thuật tiếng Hoa](#) | [Dịch thuật tiếng Nhật](#)
[Dịch thuật tiếng Hàn](#) | [Dịch thuật website](#) | [Dịch tài liệu kỹ thuật](#)
[Dịch thuật video](#) | [Thu âm lồng tiếng đa ngôn ngữ](#) | [Chèn phụ đề đa ngôn ngữ](#)

Liên hệ: **0934.436.040** (Zalo, Viber)

✉ baogia@dichthuatsms.com | www.dichthuatsms.com



- Đây là **bản xem trước**, chỉ thể hiện **50%** tài liệu.
 - **ĐẶT MUA** và **thanh toán** tại www.dichthuatsms.com để nhận **file word** đầy đủ ngay lập tức.
 - Hoặc **GỬI YÊU CẦU DỊCH THUẬT** cho tài liệu của bạn.
-
- Liên hệ **0934.436.040** (**Zalo, Viber**) để hỗ trợ ngay.

MẪU ĐIỀU KIỆN HỢP ĐỒNG CHUẨN FIDIC – SONG NGỮ VIỆT ANH
xấu đến việc điều tra khiếu nại, trừ khi những khiếu nại này không được nhắc đến trong đoạn thứ hai của Điều này.

The requirements of this Sub-Clause are in addition to those of any other Sub-Clause which may apply to a claim. If the Contractor fails to comply with this or another Sub-Clause in relation to any claim, any extension of time and/or additional payment shall take account of the extent (if any) to which the failure has prevented or prejudiced proper investigation of the claim, unless the claim is excluded under the second paragraph of this Sub-Clause.

20.2 Hoà giải

20.2 Amicable Settlement

Các bên đồng ý tìm kiếm giải pháp giải quyết tranh chấp phát sinh giữa hai bên bằng hoà giải.

The Parties agree to resolve disputes arising between the two Parties by amicable settlement.

Nếu một bên không đồng ý phương án hòa giải tranh chấp thì trước tiên bên đó phải đệ trình bằng văn bản báo cáo tranh chấp này lên ủy ban gồm hai (02) thành viên [tổng giám đốc/lãnh đạo cấp cao] của mỗi bên là những người không liên quan trực tiếp đến việc thực hiện và/hoặc quản lý Hợp đồng ("**Ban Lãnh đạo**"), đồng thời gửi một bản sao về việc này cho bên kia. Kể từ Ngày thông báo yêu cầu xem xét các thông tin hiện có và đưa ra ý kiến của mỗi bên, hai bên sẽ thỏa thuận địa điểm họp Ban Lãnh đạo trong vòng bảy (07) Ngày. Việc hai bên đưa ra ý kiến để thống nhất phải thực hiện trong vòng hai mươi một (21) Ngày kể từ Ngày Ban Lãnh đạo bắt đầu tiến hành họp cũng có thể kéo dài với điều kiện là các bên đồng ý kéo dài thời gian họp Ban Lãnh đạo để thống nhất ý kiến.

*If a Party disagrees with a dispute resolution plan, that Party must first submit a written report of this dispute to a board consisting of two (02) members [general director/senior executive] of each Party who are not directly involved in the execution and/or management of the Contract (the "**Board**"), and send a copy of this report to the other Party. From the date of sending the report and requesting for opinions of each Party, the two Parties shall agree on the location of the Board meeting within seven (07) Days. The two Parties shall give opinions in respect of the dispute within twenty-one (21) Days from the date of the Board meeting, which may also be extended provided that the Parties agree to prolong the Board meeting in order to reach consensus.*

Nếu trong vòng hai mươi một (21) Ngày hoặc thời gian kéo dài nói trên Ban Lãnh đạo đi đến quyết định nhất trí giải pháp giải quyết tranh chấp thì những quyết định này sẽ là cuối cùng và có tính bắt buộc phải thực hiện đối với các bên.

DỊCH THUẬT SMS

[Dịch thuật tiếng Anh](#) | [Dịch thuật tiếng Hoa](#) | [Dịch thuật tiếng Nhật](#)
[Dịch thuật tiếng Hàn](#) | [Dịch thuật website](#) | [Dịch tài liệu kỹ thuật](#)
[Dịch thuật video](#) | [Thu âm lồng tiếng đa ngôn ngữ](#) | [Chèn phụ đề đa ngôn ngữ](#)

Liên hệ: **0934.436.040** (Zalo, Viber)

✉ baogia@dichthuatsms.com | www.dichthuatsms.com



- Đây là **bản xem trước**, chỉ thể hiện **50%** tài liệu.
 - **ĐẶT MUA** và **thanh toán** tại www.dichthuatsms.com để nhận **file word** đầy đủ ngay lập tức.
 - Hoặc **GỬI YÊU CẦU DỊCH THUẬT** cho tài liệu của bạn.
-
- Liên hệ **0934.436.040** (**Zalo, Viber**) để hỗ trợ ngay.

MẪU ĐIỀU KIỆN HỢP ĐỒNG CHUẨN FIDIC – SONG NGỮ VIỆT ANH

20.4 Giới hạn thời gian xét xử trọng tài

20.4 *Period for arbitration*

Thời gian hiệu lực cho việc mỗi bên tuyên bố giải quyết tranh chấp bằng trọng tài chỉ trong vòng chín mươi (90) Ngày kể từ Ngày phát hành Giấy chứng nhận hoàn thành Công trình.

The validity period for each Party's announcement to settle a dispute by arbitration is ninety (90) Days from the date of issue of the Performance Certificate.

- Đây là **bản xem thử**, chỉ thể hiện **50%** tài liệu.
- **ĐẶT MUA** và **thanh toán** tại www.dichthuatsms.com để nhận **file word** đầy đủ ngay lập tức.
- Hoặc **GỬI YÊU CẦU DỊCH THUẬT** cho hợp đồng của bạn.

-
- Liên hệ **0934.436.040** (Zalo, Viber) để hỗ trợ ngay.